Người ký: Phan Thị Huyền Trân
Thời gian ký: 12.09.2025
09:11:33 +07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

----ꕥ----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHUẨU HOÀ AN

Địa chỉ: Ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang

An Giang, tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

----ꕥ----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU HOÀ AN

Địa chỉ: Ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

M.S.D.N: 1602067074 CÔNG TY CP THỰC PHẨM GAP H.CHỢ MỚI-T.AN GIANG

Võ Công Hiền

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH DV & CN MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

M.S.D.N: 1801... C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN Q.NINH KIỀU - TP.CẦN THƠ

LÊ CHÍ LINH

An Giang, tháng năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT v
DANH MỤC CÁC BẢNG vi
Chương I 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP 1
2. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 7
3.3. Sản phẩm của cơ sở 11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu) điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 11
4.1. Nguyên liệu: 11
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu 12
4.3. Nhu cầu sử dụng nước 12
4.4. Nhu cầu sử dụng lao động 12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 13
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở 13
Bảng 2.4. Các hạng mục công trình của cơ sở 13
5.2. Danh mục máy móc thiết bị 14
Chương II 24
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 24
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 24
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có) 24
2.1. Đối với nước thải 24
2.2. Đối với khí thải 25
2.3. Đối với chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại 25
2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung 25

Chương III 26
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP 26
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 26
1.2. Thu gom, thoát nước thải 27
1.3. Xử lý nước thải 27
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 32
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 37
3.1. Giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt 37
3.2. Giảm thiểu chất thải rắn sản xuất 39
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 40
4.1. Về chất thải nguy hại 40
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 40
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 41
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải 41
6.2. Sự cố cháy nổ 42
6.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do sạt lở bờ sông 44
6.5. Giảm thiểu tác động do cản trở giao thông đường thuỷ 45
6.6. Phòng ngừa ứng phó sự cố rơi vãi hàng hoá. 45
6.7. Ngăn ngừa sự cố va đụng tàu thuyền. 45
6.8. Về bệnh nghề nghiệp 45
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không có 46
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có) 46
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có) 46
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) 46
Chương IV 48
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 48
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 48
1.1. Nguồn phát sinh nước thải 48

1.2. Dòng nước thải xả nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thả 48
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 49
2.1. Nguồn phát sinh.....49
2.2. Dòng khí thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận khí thải và vị trí xả khí thải 49
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 51
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung 51
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....52
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có.....52
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Không có 52
Chương V 53
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 53
1. Thông tin chung về tình hình công tác bảo vệ môi trường: 53
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải. 53
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải 54
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải : Không có.....58
5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (Đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): không có.....58
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở: 59
Chương VI 60
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TẠI CƠ SỞ 60
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....60
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm dự kiến 60
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 60
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 61
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....61
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 61

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở 61
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....62
Chương VII.....63
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....63
PHỤ LỤC BÁO CÁO 64

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

B	BTCT	Bê tông cốt thép
	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	BXD	Bộ Xây dựng
	BYT	Bộ Y tế
C	CNCH	Cứu nạn cứu hộ
	CTNH	Chất thải nguy hại
	CTR	Chất thải rắn
G	GPXD	Giấy phép xây dựng
	GXN	Giấy xác nhận
	GXN-UBND	Giấy xác nhận Ủy ban nhân dân
K	KHBVMT	Kế hoạch bảo vệ môi trường
	KHCN	Khoa học công nghệ
N	NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
P	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
	PTNMT	Phòng Tài nguyên và Môi trường
Q	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
	QĐ-UBND	Quyết định Ủy ban nhân dân
S	SKHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	SNNMT	Sở Nông Nghiệp và Môi trường
T	TT-BTNMT	Thông tư Bộ Tài nguyên và Môi trường
	TT-BXD	Thông tư Bộ Xây dựng
	TT-BYT	Thông tư Bộ Y tế
	TTQT	Trung tâm quan trắc
U	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1 Tọa độ vị trí các điểm giới hạn tại cơ sở 1

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở 11

Bảng 2.4. Các hạng mục công trình của cơ sở 13

Bảng 2.1. Chất lượng nước mặt tại khu vực tiếp nhận nước thải 24

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước mưa 26

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của HTXLNT tập trung công suất 5m^3/ngày đêm 31

Bảng 3.3. Thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải 32

Bảng 3.4. Danh mục trang thiết bị thu gom và xử lý bụi tại cơ sở 35

Bảng 3.5. Chất thải rắn sản xuất tại cơ sở 39

Bảng 3.6. Danh sách thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở 40

Bảng 3.7. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống XLNT 41

Bảng 3.8. Danh mục thiết bị phục vụ ứng phó sự cố cháy nổ 43

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm 48

Bảng 4.2. Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong khí thai 51

Bảng 4.3. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn 52

Bảng 4.4. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về độ rung 52

Bảng 5.1. Bảng vị trí điểm quan trắc 53

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường năm 2025 đối với nước thải 53

Bảng 5.3. Kết quả phân tích mẫu khí thải năm 2024 55

Bảng 5.4. Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh 57

Bảng 5.5: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 58

Bảng 5.6: khối lượng và loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 58

Bảng 5.7: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở 59

Bảng 5.8: Loại, mã CTNH phát sinh tại cơ sở 59

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải 60

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. vị trí cơ sở trên google earth 2
Hình 1.2. Quy trình sản xuất của nhà máy 7
Hình 1.3. Quy trình sấy lúa tại cơ sở 8
Hình 1.4. Quy trình bóc vỏ tại cơ sở 9
Hình 1.5. Quy trình công nghệ xát trắng- lau bóng 10
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở 14
Hình 1.7. Sàng tạp chất 16
Hình 1.8. Sàng tách thóc 17
Hình 1.9. Máy xát trắng 18
Hình 1.10. Máy đánh bóng gạo 19
Hình 1.11. Máy sàng đảo 20
Hình 1.12. Trống chọn gạo 21
Hình 1.13. Bồ đài 22
Hình 1.14. Cân tự động 23
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom thoát nước mưa tại cơ sở 27
Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn 28
Hình 3.3. Quy trình công nghệ HTXLNT công suất 5m^3/ngày đêm 29
Hình 3.4. Quy trình xử lý bụi tại nhà máy 33
Hình 3.6. Sơ đồ nguyên lý cấu tạo của cyclone thu bụi 35
Hình 3.7. Sơ đồ phân loại chất thải 38

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

Địa chỉ văn phòng: ấp An Thạnh, xã Hội An, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: (ông) Võ Công Hiền

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0907.249.404

Mã số thuế: 1602067074

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1602067074, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 02 tháng 05 năm 2025.

2. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An

Địa điểm cơ sở: ấp An Thạnh, xã Hội An, tỉnh An Giang.

Vị trí 4 mặt tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Bắc: Giáp với nhà dân và Công ty TNHH Phước Chung;

+ Phía Nam: Giáp với Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia;

+ Phía Đông: Giáp với Sông Lấp Vò;

+ Phía Tây: Giáp với lộ nhựa.

Bảng 1.1 Tọa độ vị trí các điểm giới hạn tại cơ sở

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục $105^0 00'$, múi chiếu 3^0)	
		X (m)	Y (m)
1	A	1144172	580605
2	B	1144187	580698
3	C	1144107	580707
4	D	1144120	580822
5	E	1144067	580836
6	F	1144035	580628

+ Vị trí của dự án được thể hiện trên bản đồ được thể hiện dưới hình sau:



Hình 1.1. vị trí cơ sở trên google earth

Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở: UBND tỉnh An Giang.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của cơ sở: Sô 1545/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt của cơ sở "Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An"

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của cơ sở: số 202/QĐ-STNMT ngày 5 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt của cơ sở "Nhà máy xay xát lúa gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của công ty Cổ Phần thực phẩm GAP"

Quy mô cơ sở:

+ Cơ sở đi vào hoạt động năm 2018 với loại hình xay xát và chế biến lúa, gạo.

+ Yếu tố nhạy cảm về môi trường: cơ sở không thuộc khoảng 4 điều 25 của Nghị định 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của chính phủ.

+ Phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: : Cơ sở được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1602067074, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 02 tháng 05 năm 2025. Quy mô cơ sở được phân loại theo nhóm B - Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến 1000 tỷ đồng.

+ Căn cứ vào điều 28 luật bảo vệ môi trường năm 2020 cơ sở thuộc đầu tư nhóm II, cơ sở hoạt động kinh doanh có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Báo cáo đề

xuất giấy phép môi trường của cơ sở được thực hiện theo phụ lục X nghị định 05/2025/NĐ – CP ngày 10/01/2025.

- Căn cứ Khoản 2, Điều 39 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

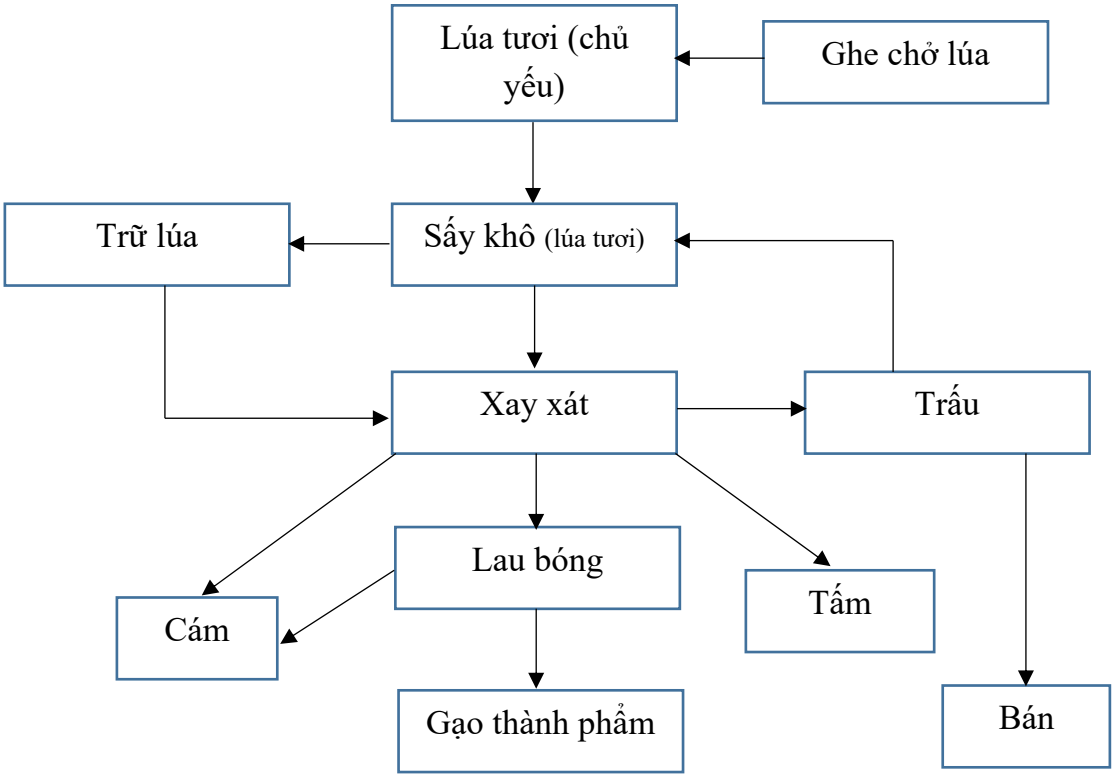
Sấy lúa: Cơ sở đang hoạt động với hệ thống sấy lúa công suất 700 tấn/ngày và tỷ lệ thu thành phẩm đạt 80% sản lượng tương đương với 560 tấn/ngày, 126.000 tấn/năm.

Bóc Vỏ: Cơ sở đang hoạt động đúng với 1 dây chuyền bóc vỏ công suất 600 tấn/ngày và tỷ lệ thu thành phẩm đạt 75% tương đương với 450 tấn gạo lứt/ngày (101.250 tấn/năm).

Xát trắng - lau bóng: Cơ sở đang hoạt động với 2 dây chuyền xát trắng – lau bóng công suất 500 tấn/ngày và tỷ lệ đạt thành phẩm tới 67% tương đương 112.500 gạo lứt/năm và gạo thành phẩm thu được sau dây chuyền sấy thu được.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở đầu tư các dây chuyền phục vụ cho hoạt động sản xuất của "Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An" như: dây chuyền sấy, dây chuyền xay xát và dây chuyền lau bóng. Quy trình hoạt động chung của Nhà máy được thể hiện trong hình sau:



Hình 1.2. Quy trình sản xuất của nhà máy

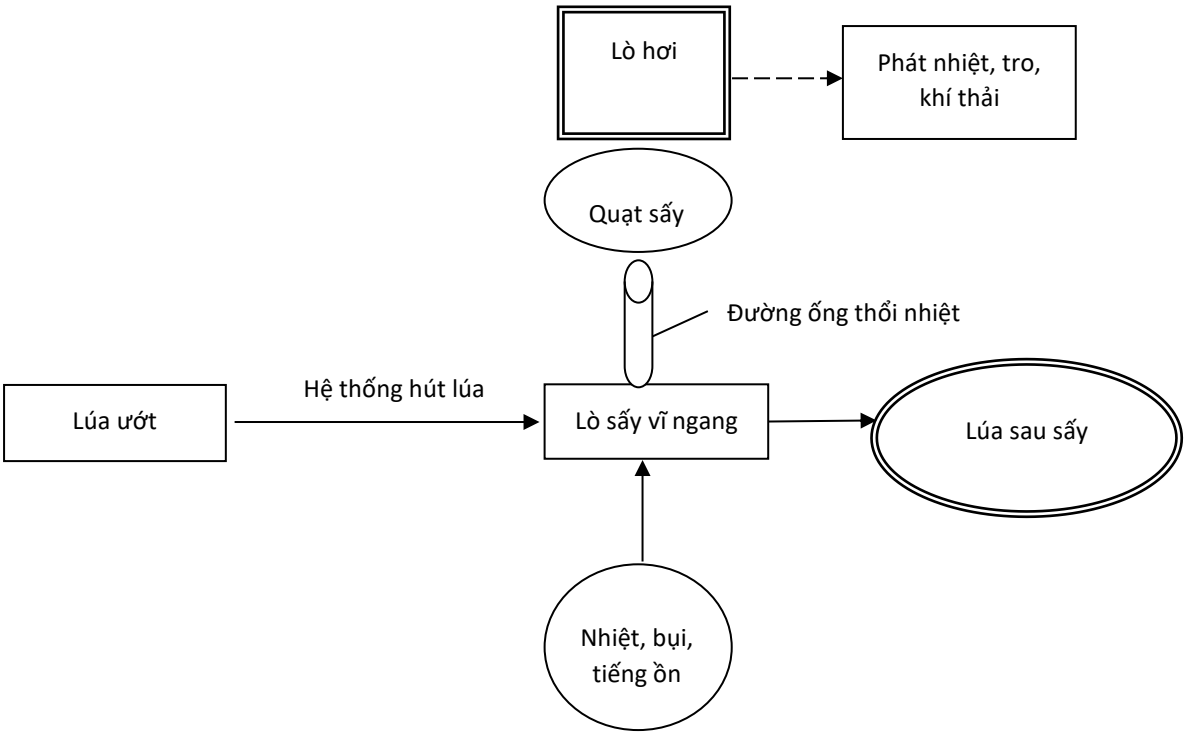
a. Quy trình sấy lúa (hệ thống sấy vỉ ngang)

Hiện tại cơ sở đang sử dụng hệ thống sấy lúa vỉ ngang với 2 lò hơi tầng sôi cấp nhiệt gián tiếp với công suất của lò hơi lần lượt là 8 tấn/lò và 4 tấn/lò. Cơ sở hoạt động với 10 lò sấy vỉ ngang.

Thuyết minh quy trình sản xuất

Lúa tươi chưa đủ đạt chuẩn về độ ẩm từ các ghe chở lúa đến được đưa vào lò sấy khô (nếu lúa tươi) để đạt độ ẩm theo yêu cầu, sau đó đưa qua dây chuyền xay xát hoặc được trữ lại. Tiếp theo, sản phẩm từ dây chuyền xay xát được chuyển qua quá trình lau bóng. Gạo sau khi lau bóng trở thành gạo thành phẩm và được đóng bao sản phẩm. Bên cạnh đó, phụ phẩm và lượng trấu phát sinh trong dây chuyền xay xát được dự trữ vào kho chứa trấu của cơ sở để phục vụ cho lò đốt và bán lại cho các cơ sở có nhu cầu.

Hệ thống sấy lúa vỉ ngang: gồm 10 lò sấy lúa, sấy 12,5 tấn lúa/mẻ/lò, mỗi ngày một lò hoạt động 2 mẻ, một năm hoạt động 225 ngày, sản lượng thực hiện khoảng 157.500 tấn lúa ướt/năm.



(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

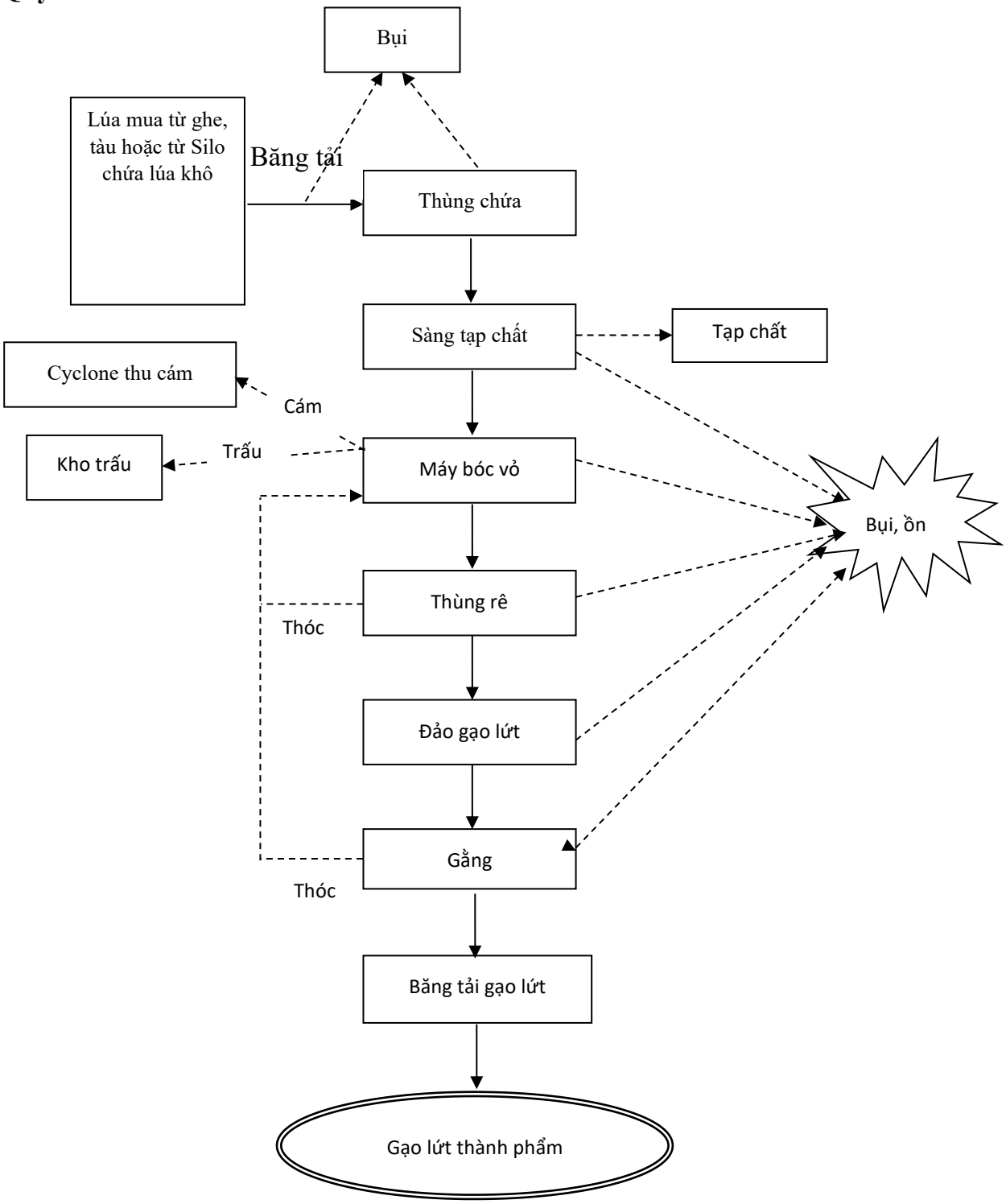
Hình 1.3. Quy trình sấy lúa tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Lúa nguyên liệu đầu vào chưa đạt chuẩn chất lượng (còn ướt) được hệ thống hút lúa từ ghe chứa lúa qua các băng tải lên lò sấy để thực hiện sấy khô, cơ sở sử dụng lò sấy được thiết kế theo hình thức sấy vĩ ngang không trở mẻ. Với hình thức sấy lúa vỉ ngang lúa sẽ được dàn điều trên sàn sấy.

Sau khi lúa được dàn điều trên sàn sấy. Hệ thống sẽ cung cấp nhiệt từ lò hơi theo đường ống thổi hơi đến sàn sấy. Sau quá trình sấy lúa hoàn tất lúa đạt chất lượng sẽ được đưa đến dây chuyền bóc vỏ hoặc lưu trữ tại kho.

b. Quy trình bóc vỏ



Hình 1.4. Quy trình bóc vỏ tại cơ sở

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Thuyết minh quy trình

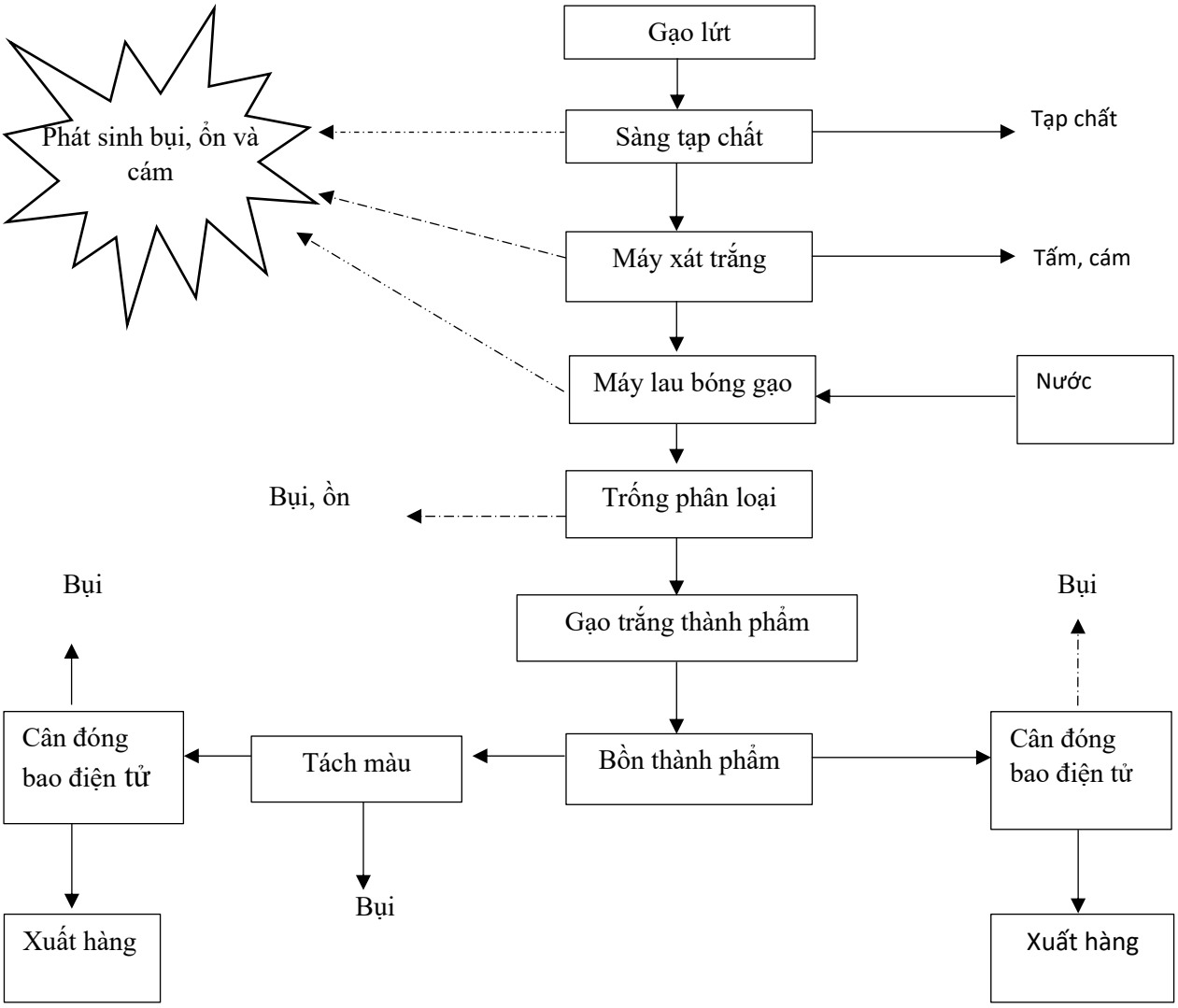
Nguyên liệu là lúa hàng hóa, các giống có đủ phẩm chất xuất khẩu, được mua tại cầu tàu nhà máy hoặc mua từ các trạm thu mua khác đem về. Từ ghe chở lúa, lúa được

chuyển lên thùng chứa bằng băng tải. Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm kiểm tra từng bao hoặc lấy mẫu ngẫu nhiên tùy theo số lượng lô nguyên liệu nhiều hay ít.

Lúa đạt tiêu chuẩn hàng hóa sẽ cho nhập kho hoặc đưa vào xay xát khi cần chế biến.

Lúa được đưa vào thùng chứa nhờ bồ đài chuyển qua sàng tạp chất. Tại đây lúa được tách tạp chất và đi theo cửa tạp chất ra ngoài, lúa tiếp tục qua khâu tách vỏ. Công nghệ tách vỏ được sử dụng bằng máy tách vỏ rulo cao su, gạo được tách vỏ và lúa còn sót lại qua thùng rê phân tách để trả lúa quay trở lại tiếp tục tách vỏ, cuối khâu tách vỏ hỗn hợp được chuyển qua đảo gạo và gằng tiếp tục tách lúa trả về để tách vỏ, vỏ trấu được băng tải chuyển đến kho trấu, cám được thu hồi bằng cyclone thu cám. Gạo lứt được băng tải chuyển đến kho chứa hoặc chuyển qua dây chuyền lau bóng gạo tùy theo yêu cầu của sản phẩm.

c. Quy trình xát trắng và lau bóng gạo



Hình 1.5. Quy trình công nghệ xát trắng- lau bóng

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Thuyết minh quy trình:

Gạo lứt nguyên liệu được bồ đài chuyển lên sàng tạp chất để loại bỏ các tạp chất đất, đá lẫn vào nguyên liệu. Sau khi đã loại bỏ được các tạp chất gạo lứt được đưa qua máy xát trắng. Đây là khâu quyết định độ trắng của gạo và quyết định năng suất sản xuất.

Sau khi được xát trắng, gạo sẽ được bồ đài chuyển sang máy lau bóng, máy lau bóng trong dây chuyền hoạt động theo cơ chế ma sát. Tại đây các hạt gạo nhờ trục máy xoay đảo trộn, quá trình ma sát giữa các hạt gạo với trục máy làm hạt gạo trắng và bóng hơn. Sau khi được lau bóng hạt gạo sẽ không bị bám lại trên bề mặt hạt gạo, giúp hạt gạo bóng đẹp và tăng cảm quan khi bán.

Sau tất cả quá trình xát trắng, lau bóng gạo sẽ được phân loại theo tỷ lệ nhờ trống phân loại. Cuối cùng gạo thành phẩm sẽ được đưa vào chứa trong các silo hoặc trực tiếp đóng bao và đưa vào kho thành phẩm lưu trữ trước khi xuất bán cho khách hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở sau dây chuyền sản xuất là gạo trắng và các phụ phẩm khác như trấu, tấm và cám.

Thành phẩm và phụ phẩm thu được từ quá trình xay xát - lau bóng được tính trên 1kg gạo lứt được thể hiện cụ thể dưới bảng sau:

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở

STT	Thành phẩm	Tỷ lệ
1	Tấm 1	15,0%
2	Tấm 2	2,0%
3	Cám	15,0%
4	Gạo thành phẩm	67,0%
5	Hao hụt	1,0%

Nguồn: Chủ cơ sở 2025

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu) điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu:

+ 01 dây chuyền sấy lúa: hoạt động sấy lúa tại cơ sở phụ thuộc vào thời điểm thu hoạch lúa và thời tiết mà lượng lúa cần sấy nhiều hay ít khác nhau từng thời điểm. tuy nhiên tại cơ sở đã đầu tư một hệ thống sấy có khả năng sấy tối đa 700 tấn lúa ướt/ngày tương đương lượng lúa sấy một năm sẽ rơi vào khoảng 157.500 tấn/năm.

+ 01 dây chuyền bóc vỏ lúa: cơ sở hoạt động với một dây chuyền bóc vỏ lúa khô đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu cho hoạt động xay xát và xuất khẩu. Lượng nguyên liệu cung cấp tối đa 600 tấn lúa khô/ngày, tương đương 135.000 tấn lúa khô/năm. Lượng

lúa khô cung cấp cho dây truyền được cung cấp từ quá trình sấy lúa nguyên liệu của cơ sở hoặc mua trực tiếp từ cơ sở khác.

+ 02 dây chuyền xát trắng – lau bóng gạo: với công suất tối đa 500 tấn gạo lút/ngày tương đương với 11.500 tấn gạo lứt/năm. Nguyên liệu đầu vào của dây chuyền xát trắng – lau bóng gạo là sản phẩm đầu ra của dây chuyền bóc vỏ lúa lúa của cơ sở.

Tuy nhiên công suất của nhà máy có thể thay đổi phụ thuộc vào mùa vụ của địa phương.

- Ngoài sử dụng trấu làm nguyên liệu, cơ sở còn sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện khi xảy ra sự cố mất điện.

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Cơ sở sử dụng điện để phục vụ cho quá trình sinh hoạt và quá trình vận hành máy móc thiết bị sản xuất tại cơ sở. Lượng điện sử dụng khoảng 17.000 kWh/tháng. Lượng điên cơ sở sử dụng được cung cấp từ lưới điện quốc gia trong hệ thống phân phối điện của Xã Hội An.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Theo QCXDVN 01:2019/BXD lượng nước cấp sinh hoạt tối thiểu 120 lít/người/ngày. Với số lượng công nhân lao động tại cơ sở là 52 người. Trong đó cán bộ quản lý làm việc theo ca hành chánh (8 giờ/ngày) là 10 người, công nhân làm việc theo ca chia làm 2 ca, mỗi ca từ 8 tới 10 giờ nên lượng nước cấp được tính như sau:

Lượng nước sử dụng cho nhân viên làm việc lưu trú tại nhà máy

10 người x 120 lít/người/ngày = 1,200 lít/ngày (1,2m^3).

Lượng nước sử dụng cho nhân viên làm việc theo ca 8 tiếng

(42 người x 120 lít/người/ngày) ÷ 1/3= 1,680 lít/ngày (1,68 m^3)

Tổng lượng nước cơ sở sử dụng khoảng: 1,2 + 1,68= 2,88 m^3/ ngày.đêm

Nguồn cung cấp nước: nguồn nước phục vụ cho cơ sở được lấy từ Rạch Cái Tàu Thượng. Nguồn nước được bơm từ Rạch Cái tàu thượng và qua hệ thống xử lý trước khi đưa vào sử dụng cho quá trình sinh hoạt và sản xuất của cơ sở. Lượng nước cơ sở sử dụng khoảng 9.36m^3/ngày trong đó:

Nước sản xuất: Hoạt động sản xuất của Cơ sở dùng nước để phun sương trong dây chuyền xát trắng – lau bóng, lượng nước ước tính khoảng 2,8 m^3/ngày;

Nước cấp cho quá trình sinh hoạt ước tính khoảng 2,88m^3/ngày;

Ngoài ra lượng nước sử dụng cho lò hơi được cơ sở bơm từ Rạch Cái Tàu Thượng và được xử lý sơ bộ trước khi đưa vào sử dụng cho lò hơi. Lượng nước cấp cho lò hơi khoảng: 3m^3/ngày.

4.4. Nhu cầu sử dụng lao động

Cơ sở hoạt động theo cơ chế bán tự động, tổng số lao động tại cơ sở hiện tại là 52 người. Tổng số lao động tại cơ sở vào thời gian cao điểm khoảng 30 người gồm công nhân lao động thời vụ bốc vác,...

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích mặt bằng của cơ sở là 22.264 m^2. Cơ sở bao gồm các hạng mục công trình sau:

Bảng 2.4. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)
Theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An thuộc công ty Cổ phần thực phẩm GAp: Số 1545/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang		
1	Nhà kho 1 (bao gồm máy tách màu, phòng đóng gói và làm kho chứa gạo thành phẩm)	6.253
2	Nhà kho 2 (bao gồm dây chuyền xát trắng – lau bóng)	875,25
4	Nhà làm việc	42,5
5	Nhà tập thể (bao gồm nhà vệ sinh 20 m^2)	120
6	Sàn cầu tàu	703,1
7	Trạm điện	20
8	Cây xanh	756
9	Kho chứa chất thải nguy hại	5
10	Sân bãi, đường nội bộ	2620,35
Theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của công ty Cổ phần thực phẩm GAP: số 202/QĐ-STNMT ngày 5 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang		
1	Khu 16 silo chứa lúa sau sấy	400
2	Khu silo chứa gạo lứt	203,330
3	Bóc vỏ	359,870
4	Máy xát và lau bóng	209,890
5	Kho chứa trấu	357,360
6	Sân nền đường nội bộ trong kho	1.566,640
7	Lò sấy	2.088,090
8	Nhà bảo vệ	9.000

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)
9	Kho chứa gạo nguyên liệu và thành phẩm	2.322,800
10	Nhà vệ sinh chung	10
11	Kho chứa tro	420
12	Đất giao thông sân nền	1.809,583
13	Đất cây xanh	1.117,437
Xây dựng mới		
1	Hệ thống xử lý nước thải	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

5.2. Danh mục máy móc thiết bị

Nhà máy được chủ cơ sở đầu tư những máy móc, thiết bị cho quá trình sản xuất được thể hiện ở bảng như sau:

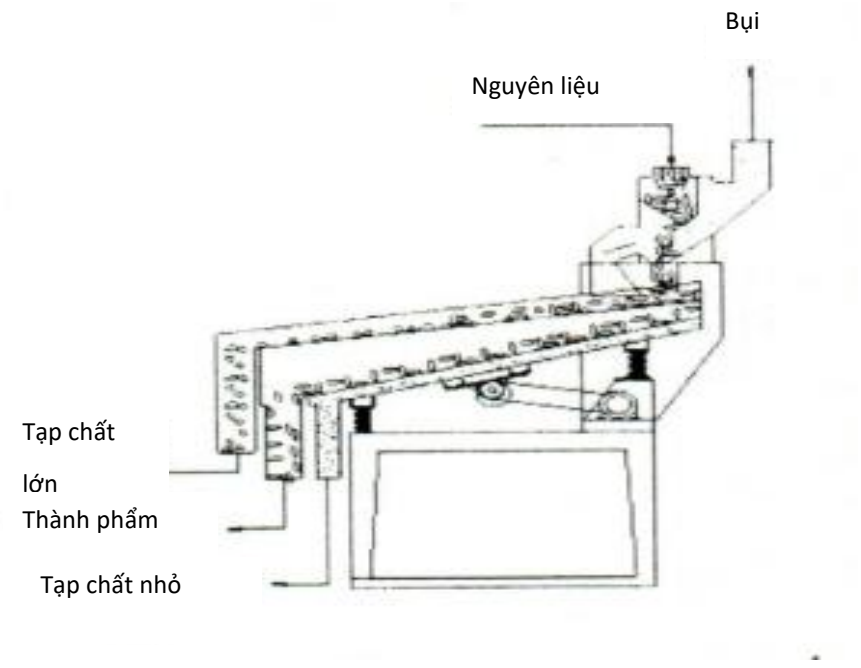
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất
1	Máy tách màu DTC : SC 768	6	TQ
2	Cụm cân đóng bao 50 kg (HD40)	1	VN
3	Cụm cân đóng túi 5k (HD 1000)	1	VN
4	Máy nén khí HITACHI HI SCREW (75KW)	2	TQ
5	Máy nén khí ADEKOM (75KW)	2	TQ
6	Máy xát trắng BVN CDA 100	5	VN
7	Máy lau bóng BVN CBL 10 D	8	VN
8	Xát trắng LAMICO WR 80	10	VN
9	Máy lau bóng LAMICO RP120	6	VN
10	Sàng tạp chất LAMICO	2	VN
11	Trống đảo bắt tấm LAMICO	2	VN
12	Bồ đài E400, 330, 250 LAMICO	46	VN
13	Máy nén khí DENẢI DA-22	1	TQ
14	Máy bóc vỏ BULER 2000, trục rãi, quạt hút trấu	8	TQ

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất
15	Sàng tạp chất BUHLER	1	TQ
16	Sàng đảo BUHLER	2	TQ
17	Gằn tách thóc BUHLER	1	TQ
18	Bồ đài E400, 500, 300	9	VN
19	Băng tải B600	2	VN
20	Băng cào trấu D300	2	VN
21	Khoan lúa D400, băng tải treo B800, sàn 5000 x 2000, bồ đài E800	1	VN
22	Băng tải lòng máng B800	293m	VN
23	Băng tải lòng máng B88 (con rùa)	90	VN
24	Chan cào lúa 16m	2	VN
25	Quạt sấy D1000mm	10	VN
26	Bể sấy vĩ ngang 8x16	10	VN
27	Bồ đài E800 cao 10m	2	VN
28	Lò sấy than	1	VN
29	Máy tách màu	2	TS
30	Trạm điện 2.000 KVA	1	VN
31	Máy phát điện dự phòng	1	VN
32	Thiết bị đo, kiểm tra, kiểm soát	1	VN

Đặt tính kỹ thuật của các thiết bị chính tại cơ sở:

Sàng tạp chất



Hình 1.7. Sàng tạp chất

Đặc điểm kỹ thuật của sàng:

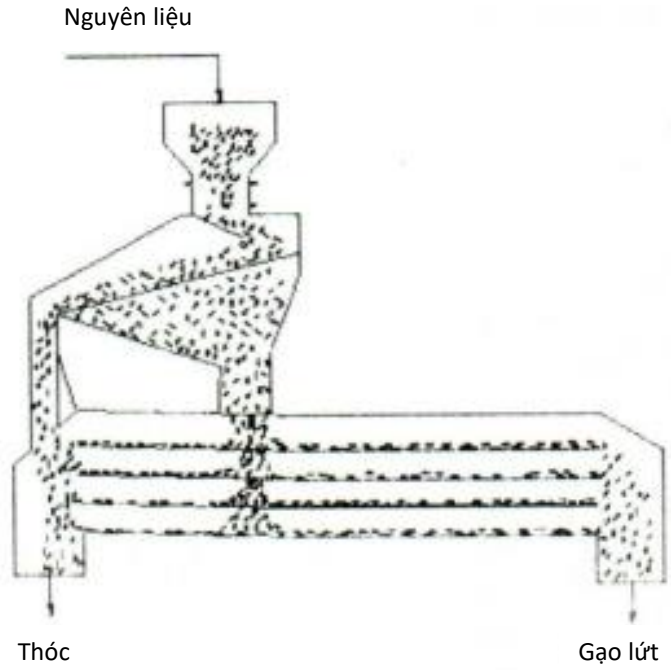
- Năng suất: 8-10 tấn/h.
- Công suất động cơ: 3 HP.
- Sử dụng động cơ 3 pha, 380V, 50 Hz.
- Mode PC-12A.
- Số vòng quay 300 vòng/phút.

Sàng tách thóc

Phân loại tách hạt thóc ra khỏi nguyên liệu hạ thấp tỷ lệ tạp chất, thóc dạt từ 20 hạt/kg theo tiêu chuẩn xuất khẩu.

Đặc điểm kỹ thuật của sàng:

- Năng suất: 6-7 tấn/h
- Công suất động cơ: 2 HP
- Số vòng quay trục: 250-280 vòng/phút.



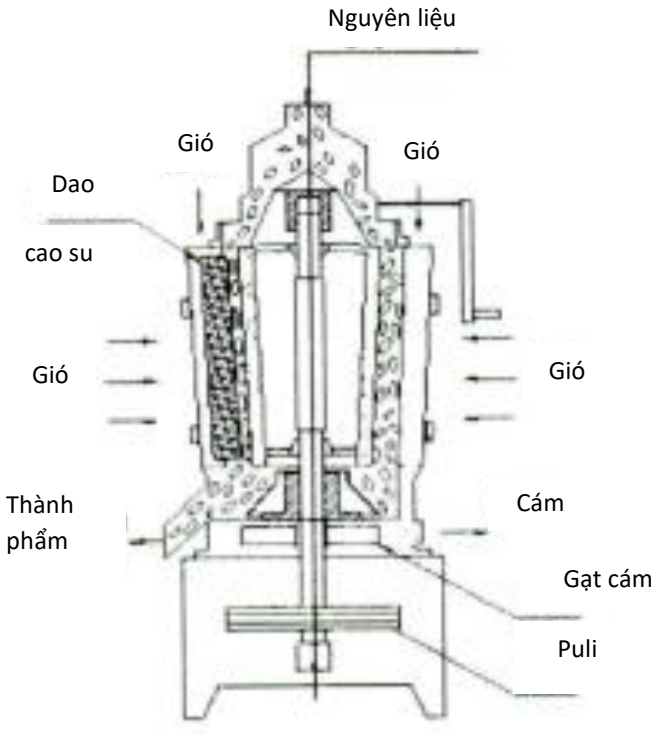
Hình 1.8. Sàng tách thóc

Cối col

Xát nhẹ lớp cám bên ngoài hạt gạo để hạt gạo được bóc hết lớp cám bên ngoài, đảm bảo độ trắng cho xuất khẩu.

Máy xát trắng gạo

Máy được thiết kế dựa vào ma sát giữa gạo – lưới – đá (Có dạng hình trụ côn). Kết hợp với thanh cản cao su để bóc đi lớp cám trên bề mặt gạo. Đồng thời, áp lực gió đưa trực tiếp vào giữa khe hở của đá và lưới nên cám được lấy ra rất tốt, gạo thành phẩm sạch cám và mát. Hiệu quả xát trắng gạo cao. Độ bóc cám từ 4-8% tỉ lệ gãy vỡ, rạn nứt (≤ 3-8%). Công suất tuỳ loại từ 4-6 tấn/giờ.



Hình 1.9. Máy xát trắng

Đặc điểm kỹ thuật của máy:

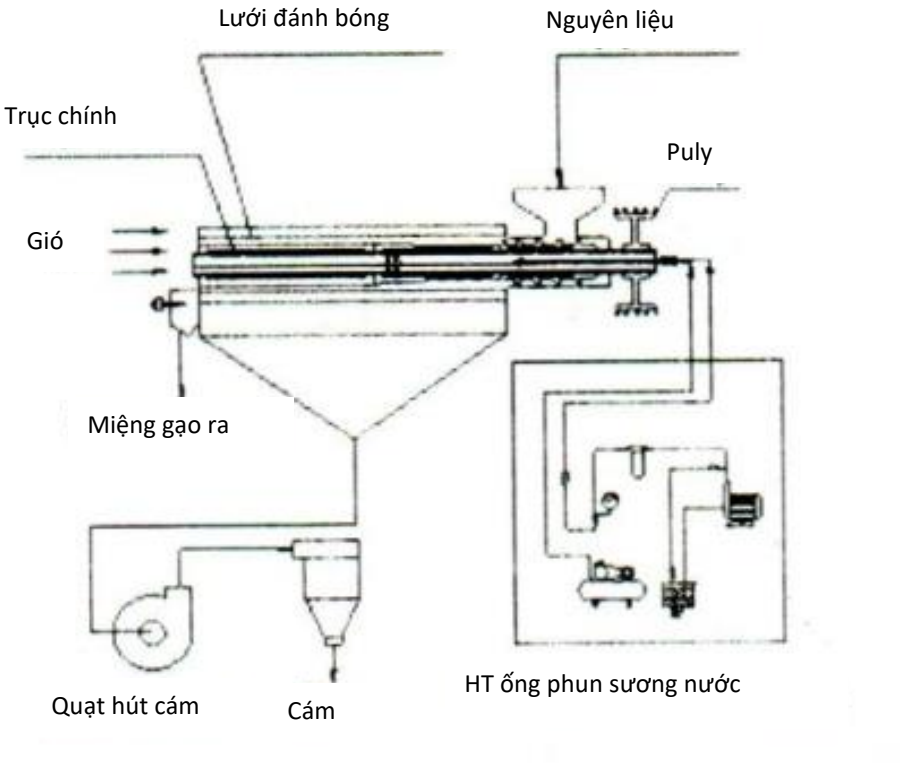
- Năng suất đầu vào: 7/20 tấn/h.

- Động lực: 75-100 HP.

Số vòng quay trục chính: 285

Máy đánh bóng gạo

Máy được thiết kế dựa trên sự ma sát giữa gạo và các bộ phận trong buồng xát kết hợp với nước được phun dạng sương để bóc lớp cám trên bề mặt hạt gạo và tạo độ bóng cho hạt gạo. Tỷ lệ bóc cám đến 5% tỷ lệ gãy vỡ thấp (< 1,5%). Công suất tuỳ loại từ 3-4 tấn/giờ.



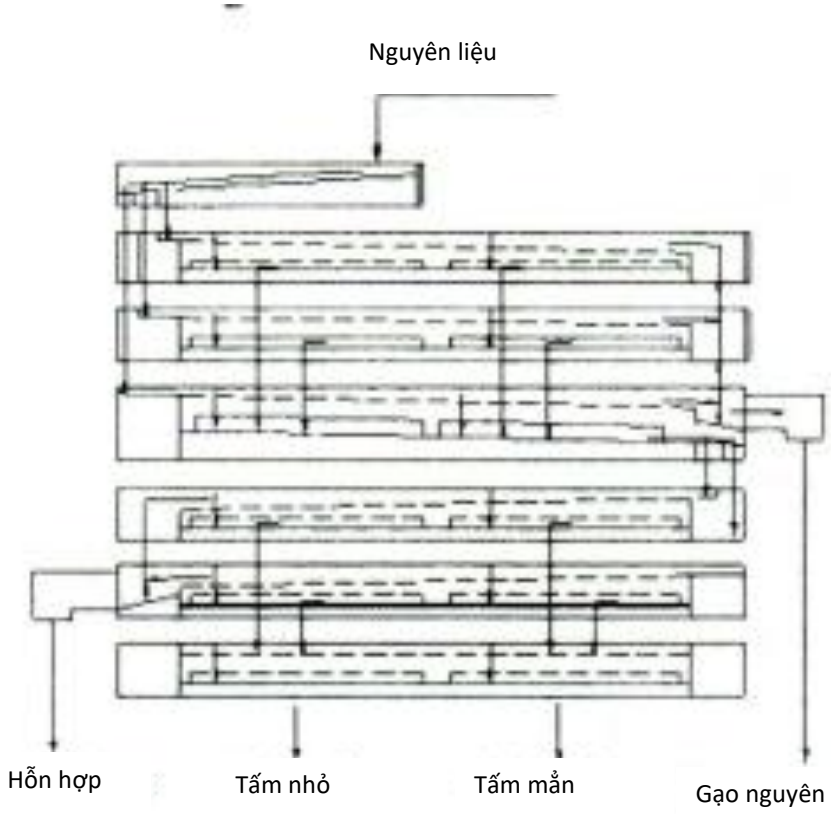
Hình 1.10. Máy đánh bóng gạo

Đặc điểm kỹ thuật của máy:

- Năng suất đầu vào: 4-8 tấn/h.
- Động lực: 75-100 HP.
- Số vòng quay: Trục chính là 800-850 v/p, quạt là 28000 v/p.
- Trọng lượng 950kg.
- Trọng lượng có bao bì: 1090 kg.
- Kích thước máy: 2100x870x1900 (mm).
- Kích thước máy có bao bì: 222x950x2100 (mm).

Sàng đảo

Nhằm tách hạt gạo bị gãy (tấm) ra khỏi gạo thành phẩm. Công đoạn này là để giảm bớt việc phân loại: 5%, 10%, 15%,.. tấm theo đơn đặt hàng. Công suất tuỳ loại từ 3-6 tấn/giờ.



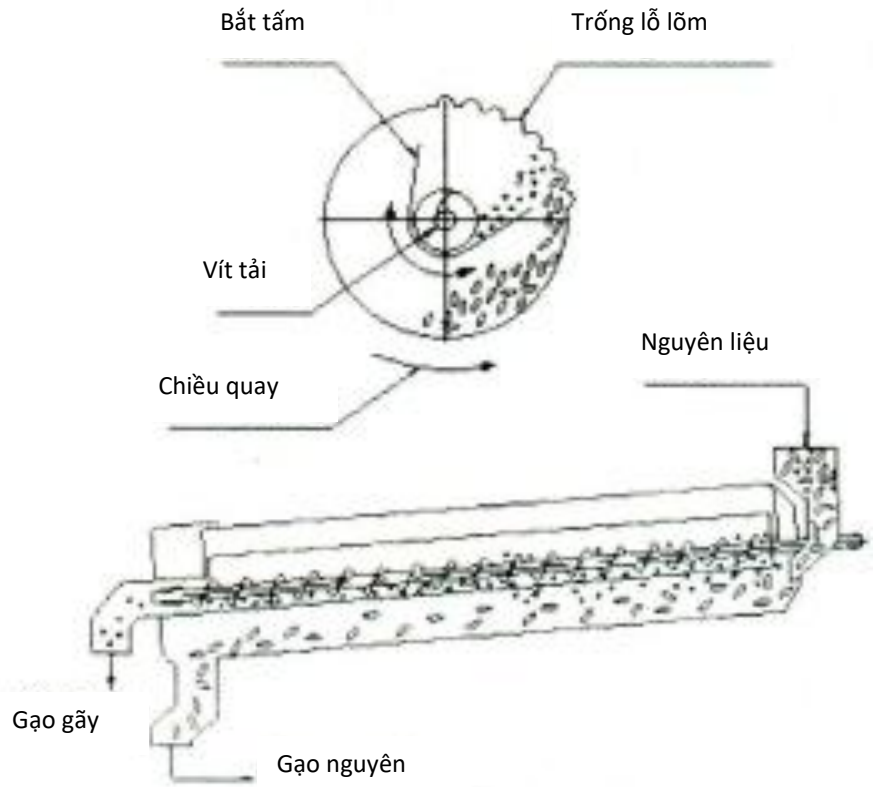
Hình 1.11. Máy sàng đảo

Đặc điểm kỹ thuật của máy:

- Năng suất: 4-5 tấn/h.
- Công suất động cơ: 2HP.
- Số vòng quay: 280 vòng/phút.

Trống chọn gạo

Pha trộn tỉ lệ tấm trong cơ cấu gạo thành phẩm theo yêu cầu tiêu chuẩn của đơn đặt hàng (gạo 5% tấm, gạo 10% tấm, gạo 20% tấm, gạo 25% tấm,…)



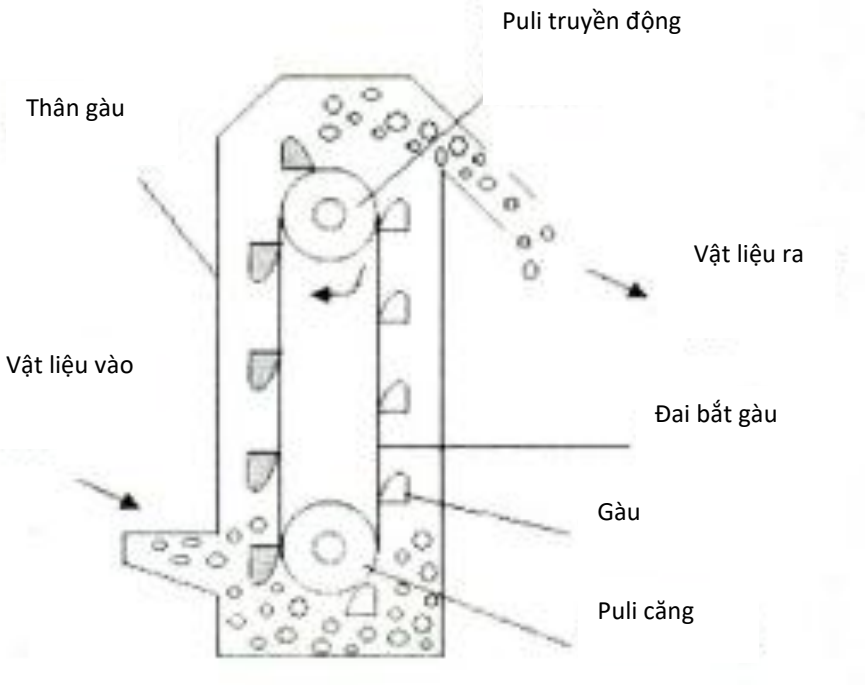
Hình 1.12. Trống chọn gạo

Đặc điểm kỹ thuật của máy:

- Nâng suất đầu vào: 1,5 tấn/h.
- Động lực: 0,5 HP.
- Số vòng quay trục chính: 45 v/p.
- Trọng lượng: 339kg.
- Trọng lượng có bao bì: 389kg.
- Kích thước máy: 3200x600x940 (mm).
- Kích thước có bao bì: 3250x650x1040 (mm).

Bồ đài

Chuyển tải liên tục nguyên liệu dạng hạt theo hướng thẳng đứng từ công đoạn chế biến trước sang công đoạn tiếp theo để dây chuyền thiết bị hoạt động liên tục.



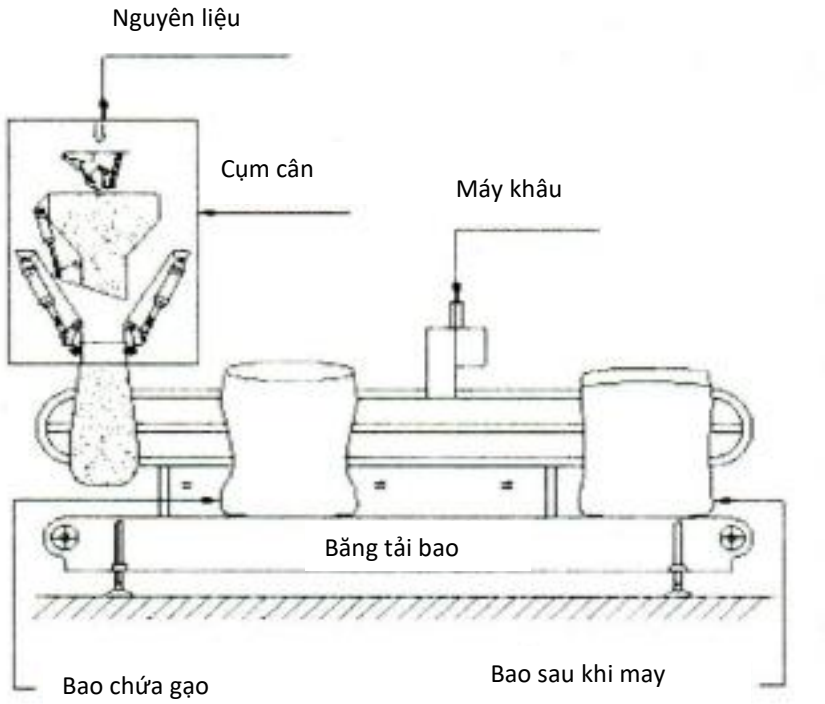
Hình 1.13. Bồ đài

Đặc điểm kỹ thuật của máy:

- Năng suất: 8-20 m^3/h.
- Công suất động cơ: 2 KW.

Cân tự động

Được thiết kế dựa trên nguyên lý cảm biến tải và định lượng tự động điều khiển bằng trình PLC thông qua hộp van cân. Quá trình định lượng của hộp van gồm hai giai đoạn: cân thô và cân tinh, đóng mở van bằng khí nén nên đảm bảo cân có độ chính xác cao.



Hình 1.14. Cân tự động

Đặc điểm kỹ thuật của máy:

- Năng suất: 15 tấn/h.
- Dung sai ±0.2%
- Nguồn cấp khí nén P.min 5-7kg/cm^2
- Điện năng: Nguồn điện đơn pha 220VAC.-Kích thước (DxRxC): 2375 x 420 x4185mm.

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Vị trí của Cơ sở không nằm trong khu quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh.

Công ty Cổ phần thực phẩm GAP đã được UBND T.An Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1545/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của dự án "Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An"

Quyết định số 202/QĐ-STNMT ngày 5 tháng 02 năm 2021 của dự án "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của công ty Cổ phần thực phẩm GAP" do UBND tỉnh An Giang phê duyệt.

Do vậy, hoạt động của nhà máy hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của tỉnh, thành phố.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

2.1. Đối với nước thải

Hoạt động sản xuất của cơ sở phát sinh nước thải khá thấp, chủ yếu là nước thải sinh hoạt của nhân viên. Cơ sở đã đầu tư xây bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ và đưa vào hệ thống xử lý nước thải với công suất 5m^3/ngày.đêm của nhà máy trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau khi được xử lý đảm bảo các thông số trong nước thải sau khi được xử lý đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải vào Mương công cộng và thoát ra Rạch Cái Tàu Thượng .

Để đánh giá hiện trạng chất lượng nguồn nước khu tiếp nhận nước thải, Chủ Cơ sở phối hợp với Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ tiến hành thu và phân tích mẫu nước mặt tại Rạch Cái Tàu Thượng, khu vực tiếp nhận nước thải của Cơ sở vào ngày 27 tháng 10 năm 2023. Kết quả phân tích mẫu nước mặt được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.1. Chất lượng nước mặt tại khu vực tiếp nhận nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B- bảng 2)
1	pH	-	7,,62	6 – 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	46	≤100
3	BOD_5	mg/L	4,6	≤6
4	COD	mg/L	11	≤15
5	NH_4^+	mg/L	0,32	0,3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B- bảng 2)
6	NO_3^-	mg/L	2,4	-
7	S^{2-}	mg/L	KPH	-
8	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH	5,0
9	Tổng coliform	MPN/100mL	4.000	≤5.000

(Nguồn:Chủ cơ sở,2025)

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng nước mặt tại khu vực tiếp nhận nước thải cho thấy, tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong khoảng cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước mặt – QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B - bảng 2) Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

2.2. Đối với khí thải

Hoạt động sản xuất của cơ sở có phát sinh bụi và khí thải tuy nhiên cơ sở đã thực hiện thu gom và xử lý bụi đạt QCVN 19:2009, (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ.

2.3. Đối với chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

Cơ sở thực hiện thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng yêu cầu của nhà nước theo nghị đinh 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022.

2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung

Cơ sở thực hiện các giải pháp quản lý nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống dẫn, thoát nước mưa cho cơ sở để đảm bảo khả năng thoát nước mưa hiệu quả. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Cống thoát nước mưa sử dụng cống hở BTCT có khả năng chịu lực, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống là 3 năm. Kích thước cống D500 mm. Tuyến thoát nước được bố trí dọc theo đường nội bộ và quanh khuôn viên khu vực sản xuất nhằm mục đích thu gom 100% lượng nước mưa phát sinh ra nguồn tiếp nhận một cách nhanh nhất, tránh ứ đọng, ngập úng cục bộ. Ngoài ra còn nhằm mục đích tránh lưu lượng dồn về một khu vực. Các tuyến thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy đảm bảo tiêu thoát cho toàn bộ khu vực. Độ dốc cống lấy theo độ dốc san nền, độ dốc cống được lấy trong khoảng 0,02 – 0,025% để đảm bảo chiều sâu chôn cống và khả năng thoát nước mưa.

Đối với nước mưa chảy qua khu vực có mái che thì được thu gom bằng Sê nô, qua đường ống dẫn nước mưa từ trên mái đưa vào cống thoát nước mưa của cơ sở. Sau đó, được dẫn về khu vực thoát nước phía Mương công cộng và thoát ra Rạch Cái Tàu Thượng.

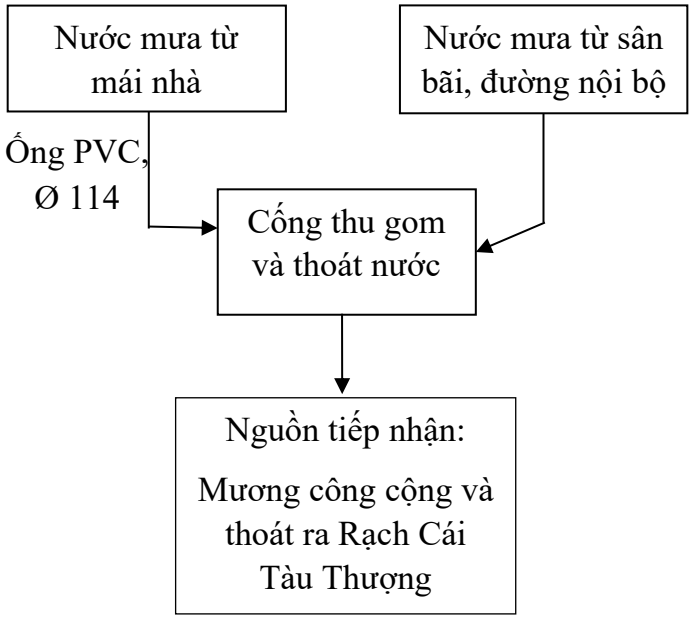
Định kỳ nạo vét đường ống thoát nước mưa để hạn chế ô nhiễm trên tuyến thoát nước mưa, đặc biệt là hạn chế gây ô nhiễm nước mưa.

Với hệ thống thu nước mưa và định kỳ nạo vét nêu trên. Cơ sở đã giảm thiểu ô nhiễm nước mưa chảy tràn qua khu vực. Đảm bảo tiêu thoát tốt, không gây ngập úng nội bộ cũng như khu vực xung quanh.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước mưa

STT	Thông số kỹ thuật	Vật liệu	Kích thước
1	Cống hộp thu gom và thoát nước mưa	BTCT	D500
2	Ống thu gom nước mưa từ máy nhà	PVC	Ø 114
3	Cửa xả	BTCT	D500

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom thoát nước mưa tại cơ sở

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Công trình thu gom nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng tách biệt hoàn toàn so với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được tính với hệ số K=1,2 sẽ được tính như sau: (1,2 +1,68) * 1,2 = 3,456 m^3/ngày.đêm.

Lượng nước thải tại cơ ở sẽ được xử lý bằng hầm tự hoại trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở và thoát ra Mương công cộng và ra Rạch Cái Tàu Thượng.

Nước thải sau khi qua hệ thống sẽ đạt QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.3. Xử lý nước thải

a) Hầm tự hoại 03 ngăn

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn. Hầm tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong hầm từ 3 – 6 tháng dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Các ngăn hầm tự hoại được chia làm hai phần: Phần lắng nước thải (trên) và phần lên men cặn lắng (dưới). Nước thải vào với thời gian lưu lại trong hầm là 3 ngày. Tổng thể tích hầm tự hoại là 9,6 m^3 đã được xây dựng. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

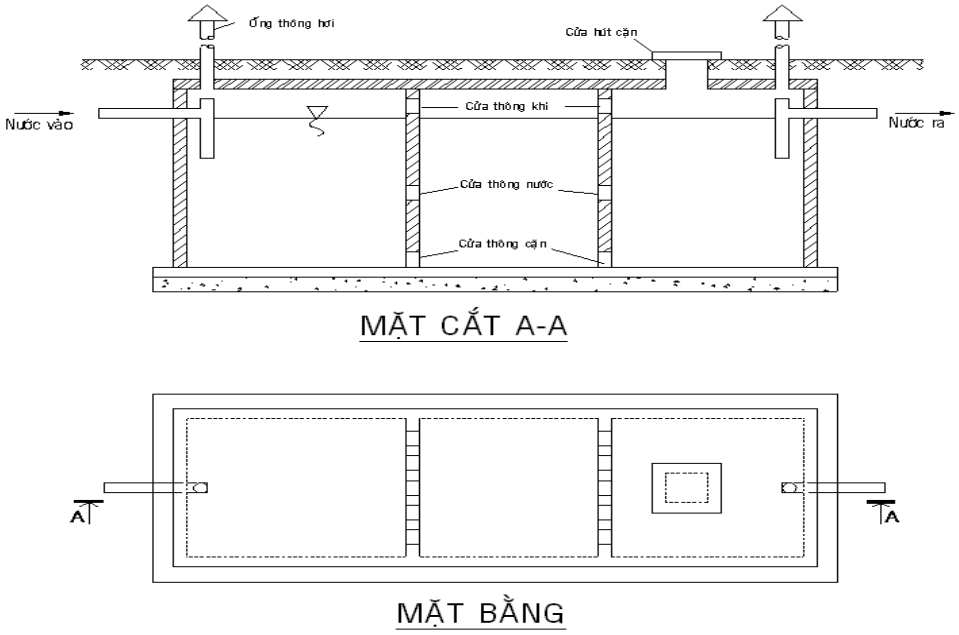
Cặn lắng trong hầm tự hoại sẽ được hút định kỳ 06 tháng/lần (Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị chức năng hút và xử lý chất thải sau khi hút). Hầm tự hoại 03 ngăn với chức năng sau:

+ Ngăn chứa phân: Ngăn có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân;

+ Ngăn lọc: Chiếm 3/4 thể tích còn lại, chứa vật liệu lọc là đá, than. Ngăn này chỉ nhận nước từ ngăn chứa phân đi qua bằng các lỗ thông trên vách;

+ Ngăn khử mùi: Chứa than. Nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thụ mùi hôi trước khi đấu về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Sơ đồ cấu tạo Hầm tự hoại được trình bày ở Hình sau:



Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn

Nước từ quá trình vệ sinh lò đốt sẽ được thu gom lắng cặn sau đó tuần hoàn tiếp tục sử dụng. Phần tro sẽ được đưa vào bao chứa và lưu giữ lại tại khu vực chứa tro của cơ sở.

b) Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở

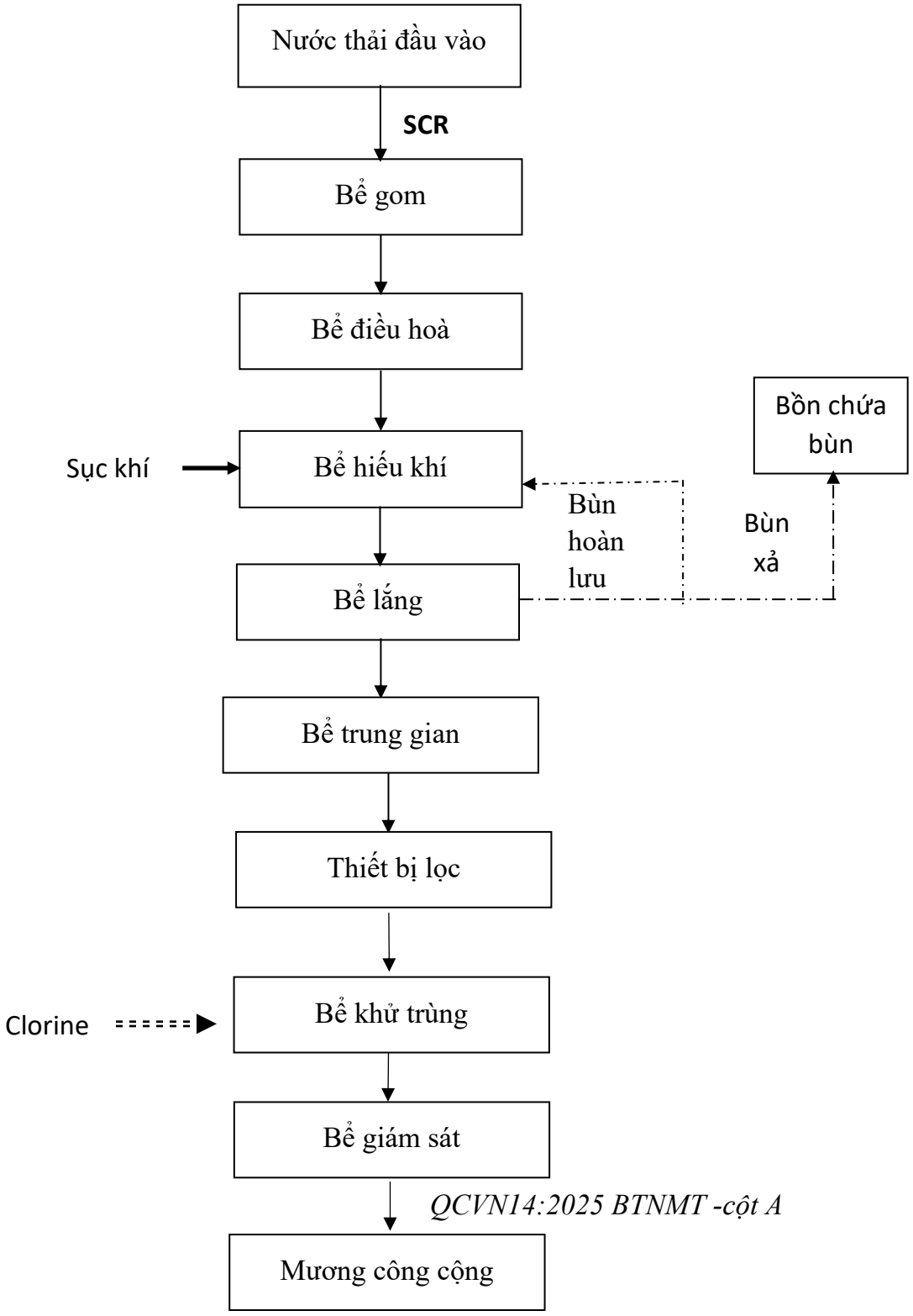
Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở được hợp đồng thi công xây dựng, lắp đặt với Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ Môi trường Tân Tiến;

- Công suất: công suất xử lý nước thải 5m^3/ngày đêm.

- Chế độ vận hành: 24/24.

- Công nghệ xử lý: hoá lý kết hợp sinh học (thiếu khí, hiếu khí).

Sơ đồ quy trình xử lý nước thải được thể hiện dưới hình sau:



Hình 3.3. Quy trình công nghệ HTXLNT công suất 5m^3/ngày đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ

Bể gom.

Bể gom thực hiện nhiệm vụ thu gom lượng nước thải tại cơ sở và loại bỏ rác thải có kích thước lớn bằng các song chắn rác trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Bể điều hòa (khối bồn chuyên dụng)

Bể điều hoà có tác dụng điều hòa lưu lượng cũng như nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo chế độ làm việc ổn định cho các công đoạn xử lý nước thải phía sau. Bể điều lưu còn được trang bị các đĩa phân phối khí dưới đáy bể nhằm khuấy trộn nước thải liên tục và tăng lượng oxy hòa tan trong nước thải, tránh được sự lắng và phân hủy kỵ khí các chất rắn dưới đáy bể, tránh được mùi hôi, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoạn xử lý sinh học hiếu khí tiếp theo.

Bể hiếu khí (khối bồn chuyên dụng)

Nước thải sau khi qua xử lý thiếu khí được dẫn vào bể xử lý sinh học. Ở bể hiếu khí sử dụng bùn hoạt tính lơ lửng với các chủng vi sinh vật đặc hiệu cho quá trình phân hủy hiếu khí. Tại đây, không khí được tăng cường bằng các máy thổi khí công suất lớn qua hệ thống các thiết bị phân phối khí bố trí dưới đáy bể, đảm bảo lượng oxygen hòa tan trong nước thải từ 2 – 4mg/lít để đảm bảo cung ứng đủ lượng oxi cho vi sinh vật sống và tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải.

Tại đây các chất hữu cơ có hại cho môi trường sẽ được vi sinh vật hiếu khí sử dụng làm nguồn thức ăn, sản phẩm của quá trình này chủ yếu sẽ là khí CO_2 và sinh khối vi sinh vật. Các hợp chất chứa nitơ và lưu huỳnh sẽ được chuyển thành dạng NO_3, SO_4^{2-} và tiếp tục bị khử nitrat, khử sulfate bởi các vi sinh vật. Hiệu quả xử lý trong giai đoạn này có thể đạt từ 70 đến 80% theo BOD với thời gian lưu là 4 - 8 giờ.

Phương trình diễn ra như sau

$$(CHO)_nNS \xrightarrow{O_2} \underset{60\%}{CO_2} + H_2O + \underset{40\%}{\text{Tế bào vi sinh}} + \text{các sản phẩm dự trữ}$$

chất hữu cơ

$$+ NH_4^+ + H_2S + \text{năng lượng}$$

$$\downarrow NO_3^- \qquad \downarrow SO_4^{2-}$$

Bể lắng (khối bồn chuyên dụng)

Nước thải từ bể hiếu khí aerotank chảy tràn vào bể lắng bùn hoạt tính. Tại đây được tách ra ba phần như sau.

1. Bùn sinh khối lắng xuống đáy và bùn cần được hồi lưu về bể sục khí một cách liên tục, nhằm tạo khả năng hoạt tính cho bùn.

2. Bùn sinh học dư tạo sinh khối phải được lấy ra định kỳ để giữ cân bằng cho nồng độ bùn sinh học của hệ thống bể sục khí ổn định. Bùn dư được bơm qua bể chứa bùn.

3. Phần nước trong nổi trên bề mặt, được tháo tràn qua bể chứa .

Chức năng:

Được xây dựng nhằm mục đích lắng các vật chất lơ lửng tồn tại sau quá trình xử lý hiếu khí . Bể cũng có tác dụng chứa nước thải sau xử lý sinh học để bơm về bể aerotank nhằm pha loãng nước thải trước khi vào các bể aerotank .

Bồn trung gian (khối bồn chuyên dụng)

Bồn Trung Gian có nhiệm vụ chứa nước phục vụ cho máy bơm áp lực. Tránh hiện tượng hụt nước cho máy bơm. Nước sau khi qua bồn Trung Gian sẽ được bơm qua Bể Lọc. Tại đây nước thải sẽ được khử trùng bằng ống xáo trộn tĩnh có chứa Clorine dạng viên nén. Nước thải tiếp tục được bơm sang cột lọc để xử lý.

Bể khử trùng (khối bồn chuyên dụng)

Nước thải từ bể trung gian chảy về bể khử trùng có tiếp xúc với clorine dạng viên nén. Bể có nhiệm vụ loại bỏ các thành phần hữu cơ độc hại. Quá trình xử lý bằng clorine giúp cho quá trình xử lý sinh học đạt hiệu quả cao. Đồng thời còn giúp tăng quá trình khử khuẩn, độc tính của nước, giải quyết mùi phát sinh từ quá trình sinh học, khử trùng nước. Nước thải sau đó được bơm lọc áp lực đẩy qua cột lọc áp lực nhằm loại bỏ phần cặn bẩn còn lại và thải ra môi trường.

Bể giám sát

Lượng nước thải sau khi qua bể khử trùng sẽ được đưa sang bồn giám sát. Bồn giám sát sẽ thuận tiện cho việc giám sát chất lượng nguồn nước đầu ra và là nơi để thực hiện giám sát mẫu và thu mẫu nước thải sau khi xử lý.

Bồn chứa bùn

Lượng bùn sinh ra từ bể lắng được đưa vào bồn chứa bùn bằng bơm bùn. Sau một thời gian nhất định, bùn đã ổn định sẽ được lấy ra bằng xe rút hầm cầu và được vận chuyển đến bãi rác xử lý đúng quy định.

Lượng nước thải sau khi được xử lý qua HTXLNT tại cơ sở sẽ được đấu nối thoát ra mương công cộng với toạ độ X=1144043; Y= 580742 và tự chảy ra Rạch cái Tàu Thượng. Mương công cộng là con mương nối liền với Rạch cái Tàu Thượng với chiều dài khoảng 90m nằm giữa Công ty Cổ phần thực phẩm GAP và chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia.

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của HTXLNT tập trung công suất 5m^3/ngày đêm

STT	Hạng mục	Kích thước (m) LxDxH	Thể tích (m^3)	Vật liệu
1	Bể gom	1,0 x 1,0 x 1,2	1,2	BTCT
2	Bồn điều hòa	-	3	Nhựa
3	Bồn hiếu khí	-	3	Nhựa

STT	Hạng mục	Kích thước (m) LxDxH	Thể tích (m^3)	Vật liệu
4	Bồn lắng	-	1	Nhựa
5	Bồn trung gian	-	0,2	Nhựa
6	Thiết bị lọc	-	-	Nhựa
7	Bồn khử trùng	-	0,2	Nhựa
8	Bồn quan trắc	-	0,2	Nhựa
9	Bồn chứa bùn	-	0,2	Nhựa

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải là Clo dạng viên nén với khối lượng 1,0 kg/tháng (khoảng 0,033 kg/ngày).

Bảng 3.3. Thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Vị trí đặt tương ứng	Công suất	Số lượng
1	Máy thổi khí	Nhà điều hành	1 hp	02
2	Bơm bể gom	Bể gom	1/3 hp	01
3	Bơm bồn điều hòa	Bồn điều hòa	1/3 hp	01
4	Song chắn rác	Đầu bể gom	-	-
5	Bơm bùn	Bể lắng	1/3 hp	01
6	Bơm lọc áp lực	Nhà điều hành	125 W	01
7	Đĩa thổi khí	Bồn điều hòa và bồn hiếu khí	-	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

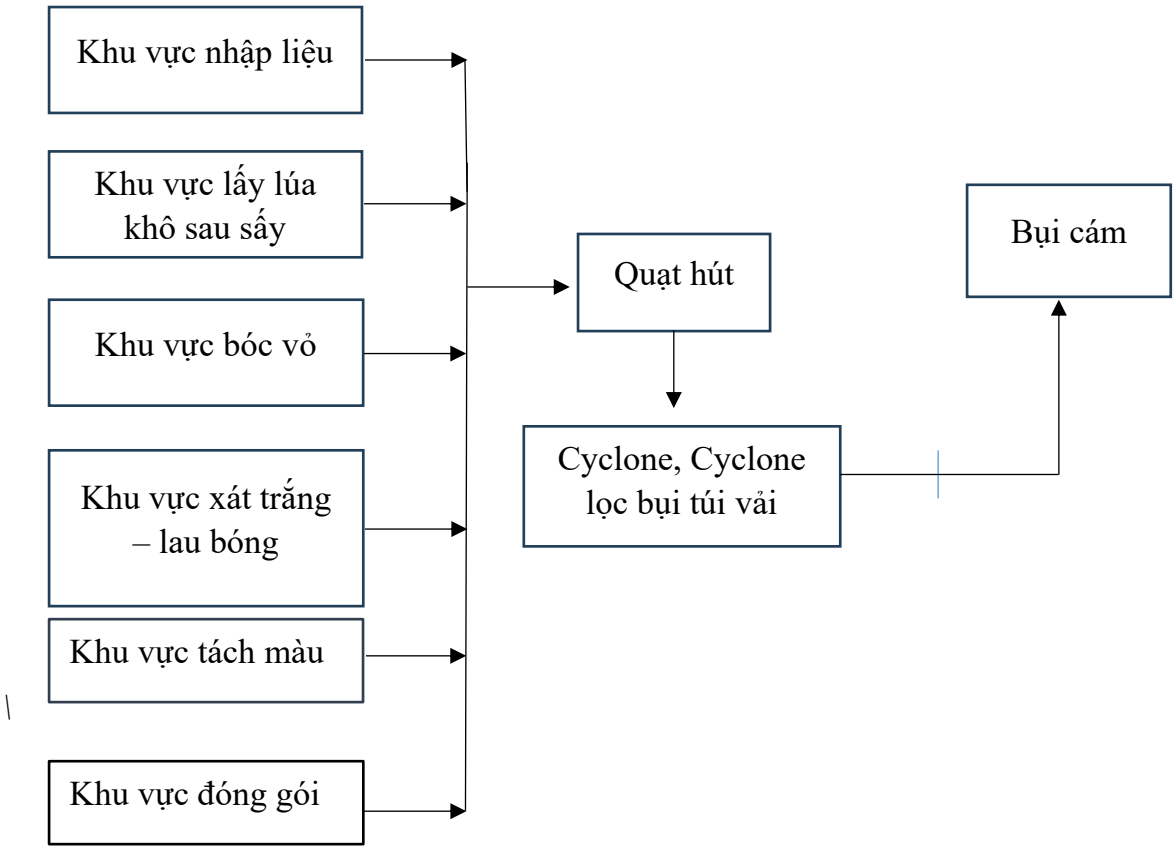
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ dây chuyền sấy; dây chuyền xay xát, lau bóng; Lò hơi; máy phát điện dự phòng; khâu vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm; …Công ty đã thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải đến môi trường không khí xung quanh khu vực Công ty như sau:

a). Bụi từ quá trình sản xuất

Trong quy trình sấy lúa, xay xát và lau bóng gạo của nhà máy thì chất ô nhiễm đặc trưng là bụi, bụi phát sinh ở hầu hết các công đoạn của các quy trình sản xuất trên.

Để giảm thiểu ô nhiễm do tác nhân này, Công ty đã đầu tư trang bị dây chuyền sản xuất ở dạng khép kín và khâu đóng bao có sử dụng hút chân không. Bên cạnh đó, lắp đặt hệ thống thu gom bụi đi kèm với các quy trình sản xuất. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi được thể hiện như hình sau:



Hình 3.4. Quy trình xử lý bụi tại nhà máy

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Trong quá trình hoạt động của nhà máy, bụi chủ yếu phát sinh từ dây chuyền sản xuất của cơ sở. Do đó, ở khu vực phát sinh bụi chủ cơ sở đã lắp đặt các quạt hút để thu khí mang bụi đưa về cyclone và lọc bụi túi vải. Cụ thể, quy trình xử lý bụi ở các dây chuyền sản xuất như sau:

Đối với công đoạn nhập liệu:

Tại công đoạn nhập liệu cơ sở đã lắp đặt 02 Cyclone lọc bụi túi vải với 02 quạt hút công suất 30HP để thu hồi lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển từ ghe tàu lên công đoạn tiếp theo. Lượng bụi sau khi được thu gom vào bao chứa và vận chuyển đến khu vực chứa cám của cơ sở.

Đối với công đoạn lấy lúa khô ra sau sấy:

Tại máng thu lúa sau sấy sẽ được lắp dạng hộp kín bao quang máng thu lúa, đồng thời lắp đặt đồng bộ hệ thống thu gom kín nhờ vào tác dụng của các quạt hút bụi từ các bộ phận ghép nối và thổi vào 1 Cyclon lọc bụi túi vải với 32 túi vải, công suất của quạt hút 30HP. Bụi được thu gom sẽ được lưu trữ trong kho chứa cám và bán cho các hộ dân cần sử dụng.

Đối với dây chuyền bóc vỏ:

Dây chuyền phát sinh chủ yếu là bụi, đất sẽ được nhà máy lắp đặt các quạt hút để hút bụi từ các bộ phận vào buồng thu bụi. Tại công đoạn này cơ sở lắp đặt 05 Cyclon với 02 quạt hút công suất của quạt hút 30HP thu bụi. Bụi được thu gom sẽ lưu trữ vào kho cám của cơ sở.

Đối với dây chuyền xát trắng – lau bóng:

Tại dây chuyền xát trắng và lau bóng cơ sở đã lắp đặt tổng cộng 21 Cyclon và 21 quạt hút với công suất 40Hp cho từng quạt. Các Cyclon sẽ thực hiện thu bụi cám phát sinh tại dây chuyền hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh ra bên ngoài môi trường. Lượng cám thu hồi được sẽ đươc đóng bao và lưu trữ trong kho chứa của cơ sở.

Đối với khu vực tách màu:

Lượng bụi phát sinh tại khu vực tách màu tương đối ít, cơ sở đã lắp đặt 05 Cyclone thu bụi và 01 quạt hút với công suất quạt 20HP để thu hồi lượng bụi phát sinh tại khu vực này. Lượng bụi cám sau khi thu gom sẽ được vận chuyển đến khu chứa cám của cơ sở.

Đối với khu vực đóng gói:

Tại khu vực đóng gói cơ sở đã lắp đặt 1 Cyclone hút bụi và 01 quạt hút với công suất quạt hút 10Hp để thu hồi lượng bụi phát sinh tại khu vực này. Lượng bụi phát sinh tại khu vực tương đối ít so với các khu vực còn lại của cơ sở. Lượng bụi sau khi được thu gom sẽ đóng bao và vận chuyển đến khu vực chứa cám của cơ sở.

Nguyên tác hoạt động của Cyclone:

Nguyên tắc hoạt động của Cyclone là dựa trên sự sử dụng lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoáy trong thân dụng cụ do đưa dòng khí vào Cyclone theo phương tiếp tuyến. Do tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi có trong khí bị văng về phía thành Cyclone và tách khỏi dòng. Khí sạch tiếp tục chuyển động quay và sau đó ngoặt hướng 180^0 và đi ra khỏi cyclone qua ống thải đặt theo trục Cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành Cyclone, dưới tác động của dòng chuyển động hướng trục và của trọng lực sẽ chuyển động về phía ống thu bụi và được lấy ra ngoài.

Với hiệu quả lọc bụi của các Cyclone từ 80 - 90% (đối với thành phần bụi có kích cỡ > 5 micromet) đảm bảo nồng độ bụi đầu ra đạt tiêu chuẩn cho phép thể hiện qua thông số nồng độ bụi đầu ra của các hệ thống xử lý. Trấu và các hạt bụi có kích thước lớn hơn 5 micromet sẽ được giữ lại tại đây, sau đó được thu gom vào bao và đưa vào kho chứa cám.

Bụi có kích thước nhỏ hơn 5 micromet sẽ theo không khí đi vào thiết bị lọc túi vải. Vải có kích thước lỗ rất nhỏ, lại có nhiều lông tơ trên bề mặt sợi nên khả năng lọc bụi đạt được hiệu suất rất cao (trên 99% đối với bụi có kích thước 1 micromet trở lên). Ngoài ra, như đã trình bày ở phần trước, dây chuyền công nghệ sản xuất của nhà máy là dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín nên đã phần nào hạn chế đến mức tối đa quá trình phát tán bụi ở các công đoạn phát sinh.

Cấu tạo của mỗi Cyclone hút bụi: Cấu tạo của mỗi Cyclone bao gồm các bộ phận sau:

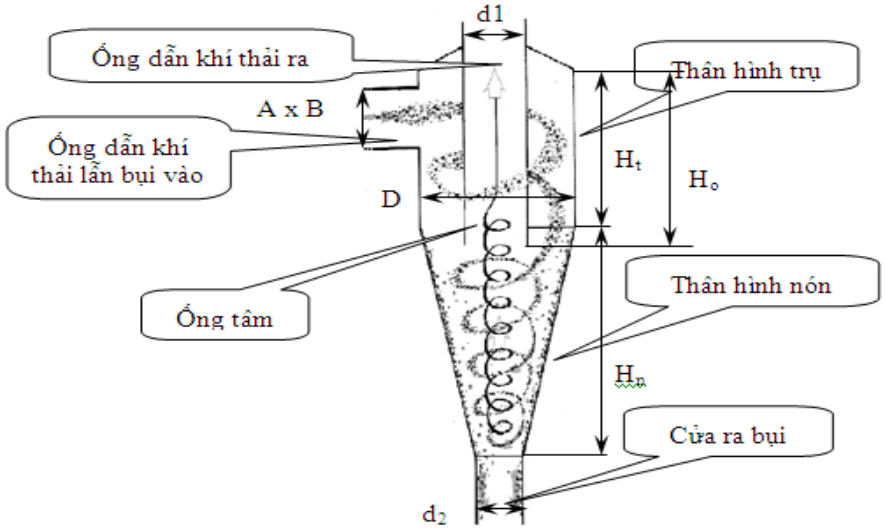
- Quạt hút: có công suất đủ lớn để hút các bụi lơ lửng xung quanh vào bên trong thiết bị;

- Đường ống dẫn bụi: là các ống hình hộp chữ nhật bằng nhôm hoặc sắt, có trách nhiệm kết nối quạt hút với bộ phận chính của thiết bị lắng Cyclone;

- Thân Cyclone: là một bộ phận có dạng hình trụ đứng;

- Đầu ra: hình trụ đứng nhưng có đường kính nhỏ hơn đường kính của hình trụ thân Cyclone;

- Đáy Cyclone: hình nón quay ngược như dạng phễu.



Hình 3.6. Sơ đồ nguyên lý cấu tạo của cyclone thu bụi

Cyclone lọc bụi đặt tại vị trí phát sinh nhiều bụi như đặt tại dây chuyền sản xuất. Khi vận hành một thời gian cyclone sẽ bị bám bụi và khả năng xử lý bị hạn chế. Công ty sẽ tiến hành lấy lớp vật liệu lọc ra và cho thổi dòng khí ngược từ dưới lên để rủ bụi bám vào, sau đó sẽ tiếp tục sử dụng. Ngoài ra định kỳ 5 năm tiến hành thay lớp vật liệu lọc.

Chọn Cyclon trụ là loại Cyclon thuộc nhóm năng suất cao. Chọn Cyclon có đường kính 1,5 m, chiều cao 4 m. Điều chỉnh vận tốc dòng khí qua Cyclon 4 m/giây. Định kỳ 1 tuần làm sạch cyclon 1 lần.

Bụi từ các cyclone thu bụi sẽ được thu gom và bán cho các hộ chăn nuôi hoặc các Cơ sở chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy hải sản.

Giải pháp thay thế cyclon cũ: Khi cyclon bị cũ hoặc hư hỏng được thay thế bằng cyclon mới, cyclon hư hỏng được bán phế liệu.

Danh mục các thiết bị thu gom, xử lý bụi được trang bị trong từng dây chuyền sản xuất tại cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.4. Danh mục trang thiết bị thu gom và xử lý bụi tại cơ sở

STT	Hạng mục thiết bị	số lượng	đơn vị tính
1	**Khu vực nhập liệu**		
	Cyclone	02	Cái
	Quạt hút	02 (30HP)	Cái
2	**Khu vực lấy lúa sau sấy**		

	Cyclone	01	Cái
	Quạt hút	01 (30HP)	Cái
3	**Khu vực bóc vỏ**		
	Cyclone	05	Cái
	Quạt hút	02 (30HP)	Cái
4	**Khu vực xát trắng – lau bóng**		
	Cyclone	21	Cái
	Quạt hút	21 (40HP)	Cái
5	**Khu vực tách màu**		
	Cyclone	04	Cái
	Quạt hút	01 (20HP)	Cái
6	**Khu vực đóng gói**		
	Cyclone	01	Cái
	Quạt hút	01 (10HP)	Cái

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

b. Giảm thiểu ô nhiễm hơi nóng khí thải từ sàn sấy lúa:

Kết cấu lò sấy Tĩnh vỉ ngang không trở mẻ nên khi sấy lúa hơi ẩm và khí có mùi đặc trưng của lúa ướt "mùi chua" bóc lên, hơi ẩm, khí và mùi này không độc hại nhưng gây cảm giác khó chịu khi tiếp xúc nên công ty sẽ thiết kế khu vực sàn sấy lúa kín và giữa khu vực sàn sấy lúa sẽ thiết kế mái cao khoảng 8 – 10m có khe trống phía trên mái để hơi nóng ẩm và "mùi chua" bóc lên khuếch tán vào môi trường tránh ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh.

Chủ Cơ sở phân công công nhân quét dọn nền nhà, mạng nhện, bụi vây bám trong nhà máy, lúc nhà máy không hoạt động phân công công nhân quét và lau sạch bụi bám trên các máy móc thiết bị để hạn chế bụi làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân (mỗi tháng quét dọn 1 hoặc 2 lần, tùy theo mùa vụ và thời gian hoạt động của nhà máy). Nền nhà thì ngày nào cũng quét dọn thu gom cám, tấm,... và dẹp dọn không để rác đọng trong nhà máy.

c. Khí thải từ phương tiện giao thông

Khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển của các phương tiện giao thông như: bụi, CO, SO_2, …

Cơ sở có vị trí khá thuận tiện cho việc nhập nguyên liệu từ đường thuỷ lẫn đường bộ. Tuy nhiên nguyên liệu cung cấp cho cơ sở chủ yếu nhập bằng đường thuỷ, đường bộ chủ yếu là lưu thông ra vào cơ sở. Mặt khác, 100% lao động của nhà máy sử dụng xe máy để đi lại. Khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải mang đặc trưng của khí thải do đốt nhiên liệu, thành phần chứa chủ yếu là bụi, SO_2, NO_X, CO, CO_2, THC. Tải lượng khí thải từ các phương tiện vận chuyển là không lớn. Đây là nguồn thải động nên rất khó kiểm soát. Chúng sẽ phát tán và được pha loãng bởi khí quyển nên các tác động tới môi trường do khí thải của các phương tiện giao thông cũng được giảm thiểu đáng kể.

❖ **Biện pháp giảm thiểu**

- Quy định các phương tiện giao thông giảm tốc độ khi ra vào nhà máy nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh.

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo xe hoạt động trong tình trạng tốt hạn chế phát sinh bụi và khí thải.

- Cơ sở thực hiện trồng cây xanh xung quanh để tăng mỹ quang xung quanh và góp phần giảm bụi xung quanh khu vực cơ sở.

d. Giảm thiểu ô nhiễm hơi nóng khí thải từ sàn sấy lúa:

Cơ sở sử dụng hơi được lấy từ lò hơi của cơ sở để phục vụ cho công đoạn sấy. Khi sấy lúa hơi ẩm và khí có mùi đặc trưng của lúa ướt "mùi chua" bóc lên, hơi ẩm, khí và mùi này không độc hại nhưng gây cảm giác khó chịu khi tiếp xúc nên công ty sẽ thiết kế khu vực sàn sấy lúa kín và giữa khu vực sàn sấy lúa sẽ thiết kế mái cao khoảng 8 – 10m có khe trống phía trên mái để hơi nóng ẩm và "mùi chua" bóc lên khuếch tán vào môi trường tránh ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh.

Chủ Cơ sở phân công công nhân quét dọn nền nhà, mạng nhện, bụi vây bám trong nhà máy, lúc nhà máy không hoạt động phân công công nhân quét và lau sạch bụi bám trên các máy móc thiết bị để hạn chế bụi làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân (mỗi tháng quét dọn 1 hoặc 2 lần, tùy theo mùa vụ và thời gian hoạt động của nhà máy). Nền nhà thì ngày nào cũng quét dọn thu gom cám, tấm,... và dẹp dọn không để rác đọng trong nhà máy.

e. Máy phát điện dự phòng

Tại cơ sở chỉ sử dụng máy phát điện cho hoạt động của văn phòng trong trường hợp điện lưới điện quốc gia gặp sự cố mất điện. Do máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp lưới điện có sự cố, nên biện pháp giảm thiểu khí thải như sau:

+ Để giảm nồng độ Đioxit lưu huỳnh trong khí thải, chủ Cơ sở sẽ sử dụng nhiên liệu đốt có hàm lượng lưu huỳnh thấp (Dầu DO).

+ Máy phát điện được đặt tại khu vực riêng biệt, cách xa khu vực làm việc của công nhân. Khu vực đặt máy phát điện được thiết kế cao, rộng, thoáng và bố trí ở vị trí có khoảng cách hợp lý so với Cơ sở sản xuất chính.

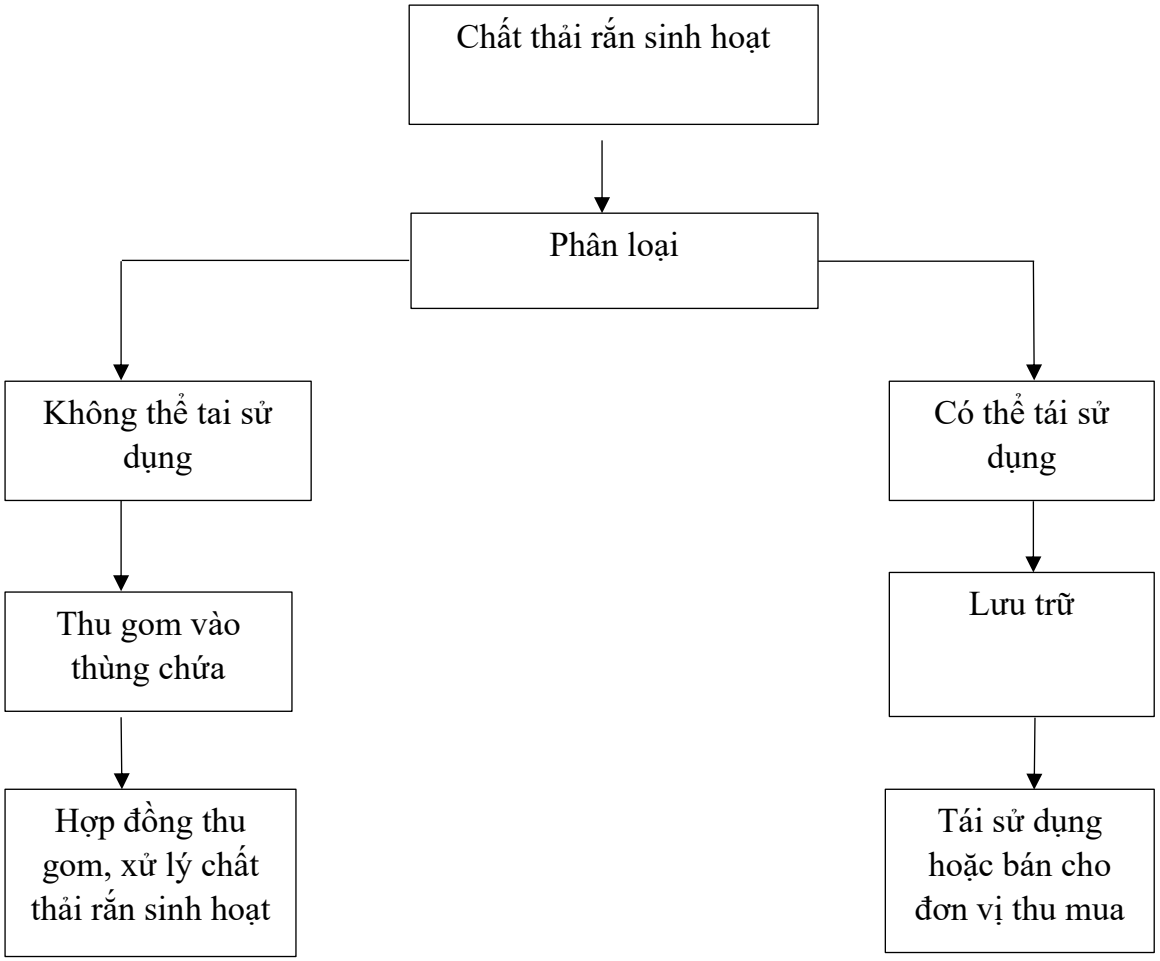
+ Định kỳ thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng máy.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Do cơ sở không bố trí bếp ăn tại chỗ và căn cứ theo QCXDVN 01;2019/BXD lượng rác thải cho một người là 0,8kg/người/ngày. Tuy nhiên do nhân viên làm việc theo ca và không bố trí bếp ăn nên lượng rác thải ước tính khoảng 0,5 kg/người/ngày. Hiện tại cơ sở đang hoạt động với khoảng 52 nhân viên nên lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được tính như sau: 52 x 0,5 = 25 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là chất thải hữu cơ như rau củ, thức ăn thừa… và chất thải vô cơ như bìa giấy, chai nhựa, dây ni lon…

Để giảm thiểu những tác động đến môi trường do sự phân hủy của 25 kg/ngày chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, chủ cơ sở sẽ bố trí công nhân lao động làm công tác thu gom rác thải sinh hoạt theo một quy trình thu gom và quản lý CTR sinh hoạt như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ phân loại chất thải

Đối với CTR có thể tái sử dụng bao gồm các chất thải vô cơ như chai nhựa, hộp giấy , bao bì,… sẽ được cơ sở thu gom và tách riêng để lưu trữ. Sau khi lưu trữ với số lượng có thể bán được, cơ sở sẽ liên hệ và bán lại với đơn vị thu mua.

Đối với CTR không thể tái sử dụng bao gồm các chất thải hữu cơ như rau củ, thực phẩm thừa, vỏ trái cây… sẽ được cơ sở thu gom vào các thùng chứa có thể tích 120 lít có nắp đậy được bố trí dọc theo khuôn viên xung quanh khu vực văn phòng, khuôn viên nhà máy và khu vực cầu tàu đê thu gom.

Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom lượng rác thải này về nơi chứa tạm chất thải thông thường được với tần suất 1 lần/ngày. Tại vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt sẽ bố trí các thùng chứa bằng nhựa PE thể tích 240 lít, có nắp đậy để chứa các túi rác được thu gom tại các khu vực của cơ sở. Cuối ngày lượng CTR phát sinh của cơ sở sẽ được đơn

vị thu gom rác của xã Hoà An thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định. (*Hợp đồng thu gom được đính kèm sau phụ lục*)

3.2. Giảm thiểu chất thải rắn sản xuất

CTR sản xuất phát sinh tại cơ sở bao gồm: Trấu, xỉ tro, cám, tạp chất, bụi, văn phòng phẩm, bao bì và dây khâu được vận chuyển, xử lý thường xuyên nên ít bị tồn đọng chất thải. Các loại chất thải rắn phát sinh tại cơ sở bao gồm các loại sau:

Bảng 3.5. Chất thải rắn sản xuất tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/ngày)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Trấu	114	25.650
2	Bao bì, dây buộc	0,02	7,3
3	Bụi từ các cyclone	57,024	12.830,4
4	Tro từ quá trình đốt lò sấy	38,18	8590
Tổng		390	44.077,7

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

- Chất thải rắn sản xuất sản xuất phát sinh chủ yếu như bao bì thải không dính hóa chất, dây buộc.... khoảng 20 kg/ngày được công nhân thu gom mỗi ngày, phân loại và bán cho các Cơ sở thu mua phế liệu, tái chế tại địa phương.

Lượng trấu sinh ra từ quá trình xay xát một phần sẽ được chủ Cơ sở tái sử dụng cho quá trình đốt lò sấy, phần còn lại với khối lượng khoảng 78 tấn/ngày sẽ được công ty TNHH Phước Tâm Th thu mua theo hợp đồng đã được ký kết 2 bên.

Lượng tro sinh ra từ việc đốt trấu sẽ được cho vào bao chứa và buộc chặt sau khi để nguội, không để tràn đổ ra bên ngoài, làm phát tán bụi gây ô nhiễm môi trường không khí, với tổng khối lượng phát sinh là 38 tấn/ngày. Tro sinh ra từ việc đốt trấu sẽ có nhiệt độ cao, trước khi cho vào bao chứa sẽ được đưa đến khu vực chứa tro để làm nguội tự nhiên. Lượng tro phát sinh tại cơ sơ sẽ được tịnh chất cây để bán lại cho các nông dân có nhu cầu sử dụng. Ngoài ra, nếu lượng tro phát sinh nhiều cơ sở sẽ vận chuyện vào khu vực chứa tro được bố trí tại cơ sở để lưu trữ tạm thời. Khu vực chứa tro có diện tích 420m^2 và ký Hợp đồng mua bán tro với các đơn vị lân cận phục phục cho quá trình trồng trọt với tần suất thu gom, vận chuyển 1 lần/ngày. Chủ cơ sở cam kết không để xảy ra trường hợp tro tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan khu vực cơ sở. Bên cạnh đó, bụi tro từ các bao chứa tro cũng được hạn chế bằng cách phun nước thường xuyên khu chứa tro để tránh bụi tro phát tán vào môi trường xung quanh gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc tại cơ sở.

Bụi từ các cyclon và cám gạo được thu gom vào bao chứa và buộc chặt, không để tràn đổ ra bên ngoài, làm phát tán bụi gây ô nhiễm môi trường không khí, với tổng khối lượng phát sinh là 57 tấn/ngày sẽ được đưa vào khu vực chứa của cơ sở. Toàn bộ lượng bụi từ các cyclon và cám gạo này chủ cơ sở sẽ lưu trữ vào khu vực riêng biệt và bán cho các hộ gia đình lân cận phục vụ cho chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản….. Chủ cơ sở

cam kết không để xảy ra trường hợp tro tồn đọng gây ô nhiễm môi trường khu vực cơ sở sản xuất.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Về chất thải nguy hại

Trong hoạt động sản xuất, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sẽ phát sinh các loại CTNH ảnh hưởng đến môi trường nếu không được thu gom và xử lý. CTNH phát sinh tại cơ sở bao gồm dạng lỏng và rắn, cụ thể như: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, ... Khối lượng CTNH ước tính theo thực tế và định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.6. Danh sách thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	4
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	13
4	Đuôi que hàn thải	Rắn	07 04 01	5
Tổng cộng				25

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Cơ sở phát sinh với tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại là 25 kg/năm được lưu trữ trong kho chất thải nguy hại được bố trí gần khu vực nhà vệ sinh với diện tích 5m^2, kho có mái che, nền bê tông, vách và mái bằng tole cao 2m và có xây gờ chắn phía cửa kho để hạn chế chất thải dạng lỏng có thể thoát ra bên ngoài khi có sự cố.

Việc xây dựng khu lưu trữ sẽ được tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn môi trường, không để rò rỉ, thất thoát chất thải ra ngoài trong suốt quá trình lưu chứa. Công ty đã ký hợp đồng số 107/2025/HĐ-MĐ với Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông (*Hợp đồng được đính kèm tại phần phụ lục*) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định (thu gom 1 lần/năm).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung của cơ sở chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành các thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất của Nhà máy.

Để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ quá trình sản xuất, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt, dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, hạn chế nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Gia cố nền móng, làm giảm độ rung và tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tránh làm việc quá tải, không sử dụng các thiết bị quá niên hạn theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như nút bịt tai và lập chế độ ca phù hợp để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

- Bố trí tại khu vực có tường chắn cách âm đảm bảo không gây tác động đến môi trường xung quanh.

- Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ quá trình sản xuất đã áp dụng tại cơ sở đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.7. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống XLNT

STT	Nguy cơ xảy ra sự cố	Biện pháp ứng phó	Phương án phòng ngừa
1	Lưu lượng nước thải tăng đột ngột	Bước 1: xác định nguyên nhân, tiến hành khắc phục. Bước 2: Lưu lượng nước thải phát sinh đột ngột sẽ được bơm về bể điều hòa. Bước 3: Ghi nhận, kiểm tra lại toàn bộ hệ thống.	- Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng. - Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng đã được thiết lập cho hệ thống XLNT.
2	Chất lượng nước thải đầu ra không đạt QCVN	Bước 1: Xác định chỉ tiêu vượt QCVN; Sau đó, lấy mẫu ở từng công đoạn xử lý. Bước 2: Điều chỉnh lại công đoạn chưa đạt. Bước 3: Sau khi điều chỉnh, lấy mẫu kiểm nghiệm lại.	- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải đầu ra cho hệ thống XLNT. - Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành.
3	Máy thổi khí bị hỏng trong quá trình vận hành	Bước 1: Sử dụng máy thổi khí dự phòng để sử dụng. Bước 2: Sửa chữa máy bị hư, sau đó sẽ tiến hành lắp đặt lại.	- Thường xuyên kiểm tra bảo trì các máy móc, thiết bị. - Các trang thiết bị được sử dụng tại cơ sở có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, các nhà cung cấp có uy tín.
4	Số lượng vi sinh vật tại bể hiếu khí giảm bất thường	Bước 1: xác định nguyên nhân. Bước 2: tiến hành bơm nước tuần hoàn về bể điều hòa. Bước 3: khắc phục sự cố.	- Bố trí công nhân vận hành HTXLNT. - Công nhân viên vận hành hệ thống XLNT phải được đào tạo về quy trình vận hành.

5	Mùi phát sinh tại bể điều hòa nước thải	Bước 1: xác định nguyên nhân. Bước 2: tiến hành sục khí ở bể điều hòa, để giảm mùi hôi phát sinh. Bước 3: đánh giá quá trình khắc phục.	- Giám sát thường xuyên HTXLNT để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra trong thời gian sớm nhất. - Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành.
6	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chưa thao tác đúng quy trình	Bước 1: xác định nguyên nhân Bước 2: thực hiện lại thao tác theo đúng quy trình. Bước 3: nhắc nhở nhân viên vận hành thao tác đúng.	- Công nhân viên vận hành hệ thống XLNT phải được đào tạo. - Giám sát thường xuyên HTXLNT để kịp thời phát hiện sự cố.

6.2. Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra

Cơ sở sử dụng các máy móc thiết bị sử dụng điện và nhiên liệu đốt, bên cạnh đó còn phải kể đến sản phẩm của cơ sở là những nguồn dễ cháy, có tiềm năng gây cháy lan nếu không có biện pháp quản lý tốt.

Các khu vực dễ cháy nổ như trạm biến áp, các tủ phân phối điện, máy móc, khu vực bồn chứa thành phẩm, kho chứa nguyên nhiên liệu…

Nhìn chung, sự cố cháy nổ trong quá trình hoạt động của Cơ sở xuất phát từ những nguyên nhân sau:

- Tồn trữ vật liệu rắn dễ cháy bị bắt lửa;

- Vận chuyển các chất dễ cháy (trấu, xăng, dầu,…) qua những nơi có nguồn phát sinh nhiệt hay qua những tia lửa;

- Vứt tàn thuốc hay nguồn lửa khác vào khu vực dễ cháy nổ như khu chứa xăng dầu, máy móc đang bảo trì (có phát sinh dầu nhớt thải),,…

- Bất cẩn trong việc thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy (lưu trữ trấu, dầu, nhớt,…) không đúng quy định.

- Sự cố về các thiết bị điện: dây trần, dây điện động cơ phát sinh nhiệt dẫn đến cháy hoặc sự cố chập mạch.

- Sự cố sét đánh cũng có thể dẫn đến cháy nổ.

Biện pháp phòng ngừa cháy nổ:

Để bảo đảm an toàn tuyệt đối trong suốt quá trình hoạt động, Cơ sở sẽ áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong việc thiết kế và vận hành hoạt động, các biện pháp an toàn phòng chống cháy ngay từ khi xây dựng các bồn chứa, thiết kế hệ thống PCCC theo đúng quy định nhằm đảm bảo an toàn cho mọi tài sản và con người. Ngoài ra cơ sở đã có quyết định thẩm duyệt kế hoạch PCCC của Công an tỉnh An Giang, Phòng cảnh sát PCCC và CNCH số 168/TD – PCCC *(quyết định được đính kèm sau phụ lục*). Cơ sở đã đầu tư thiết bị PCCC

tại cơ sở để ứng phó khi có sự cố xảy ra. Danh mục các thiết bị được trang bị ứng phó sự cố cháy nổ được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.8. Danh mục thiết bị phục vụ ứng phó sự cố cháy nổ

STT	Loại phương tiện, hệ thống PCCC	Ký mã hiệu	Số lượng	Đơn vị tính
1	Bình chữa cháy CO_2	MT-30	04	Bình
2	Bình chữa cháy Bột	MFZ4	03	Bình
3	Bình cầu chữa cháy Bột	XZFTB8-8	22	Bình
4	Hệ thống chữa cháy vách tường	HTCCVT	01	HT
5	Máy chữa cháy dầu (DO)	MD-15	01	Máy
6	Hệ thống chống sét	HTCS	03	Bộ
7	Bộ phuy cát, xẽng	---	08	Bộ
8	Tủ đựng đồ bảo hộ chữa cháy	---	01	Cái

(Nguồn:Chủ cơ sở, 2025)

Ngoài ra, Cơ sở sẽ kết hợp với Công an PCCC địa phương và các đơn vị chức năng liên quan liên kết hình thành phương án ứng cứu sự cố khi có cháy lớn xảy ra, đồng thời tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo đảm an toàn như sau:

- Lập phương án PCCC tại cơ sở theo quy định;

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật;

- Hệ thống cứu hoả được kết hợp giữa khoảng cách của các phân xưởng, đảm bảo cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hoả bố trí đều khắp phạm vi của cơ sở, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO_2, bình bột,…trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện. Hệ thống phun nước chữa cháy tự động theo giới hạn nhiệt độ 70^0C bố trí đều trên mái xưởng kết hợp hệ thống bơm điều khiển bằng áp lực trong đường ống hoặc từ bể dự trữ nước trên cao;

- Trong các vị trí sản xuất thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc;

- Các loại nguyên liệu và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa dung môi sẽ được lắp đặt các van an toàn, các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động;

- Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu và thành phẩm sẽ được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động. Tất cả các hoạt động sửa chữa, hàn cắt phải được giám sát nghiêm ngặt;

- Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện;

- Xây dựng đội chuyên trách ứng cứu phòng chống cháy nổ cho cơ sở;

- Công nhân làm việc trực tiếp trong các nhà xưởng sản xuất, kho chứa nhiên liệu sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa hàng hóa nhiên liệu.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị chống cháy nhằm cứu chữa kịp thời khi sự cố xảy ra.

Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ

Khi có dấu hiệu cháy cần thông báo khẩn cấp cho công nhân xung quanh;

Mang găng tay bảo vệ và ngắt tất cả nguồn điện;

Dùng bình chữa cháy, cát, nước chữa cháy tại chổ;

Điện thoại số 114 nhờ sự trợ giúp của đội chữa cháy chuyên nghiệp

Biện pháp phòng ngừa sự cố kho CTNH

Bổ sung bình chữa cháy tại khu vực lưu trữ chất thải.

Xây dựng kho chứa chắc chắn, nền kho chứa cao ráo tránh mưa bão và nước mưa chảy tràn vào.

Biện pháp ứng phó sự cố kho CTNH

Nếu hóa chất bị chảy tràn lớn có thể thu hồi bằng cách sử dụng bơm hút, bên cạnh đó, sử dụng các chất hấp thụ có thể có để ngăn chặn sự chảy tràn.

Thông báo ngay với cơ quan chức năng để có biện pháp khắc phục sự cố.

6.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do sạt lở bờ sông

Để giảm thiểu tác động sạt lở bờ sông, công ty thực hiện các biện pháp sau:

Việc giảm thiểu tác động do sạt lở bờ sông trong quá trình hoạt động. Cơ sở đã thiết kế xây dựng bờ kè có độ dốc để hạn chế sạt lở trong hoạt động do dòng chảy và hoạt động của các phương tiện cặp bến.

Xây dựng bờ kè dọc theo chiều dài khu đất xây dựng cơ sở với BTCT dày 20cm. Bên cạnh đó cơ sở sẽ của cán bộ thường xuyên kiểm tra bờ kè để kịp thời phát hiện sữa chữa khi có rạn nứt, sụp lún.

Yêu cầu phương tiện cặp bến không lưu thông vào mái dốc chỉ đậu ngoài khu vực có độ sâu ổn định.

Trong quá trình hoạt động nếu phát hiện nguy cơ sạt lở bờ kè. Cơ sở nhanh chóng thông báo đến cơ quan chức năng để kịp thời có biện pháp xử lý và ứng phó.

6.5. Giảm thiểu tác động do cản trở giao thông đường thuỷ

Để phòng ngừa tác động do cản trở giao thông đường thuỷ, cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

Mở đèn chiếu sáng cho cầu tàu vào ban đêm.

Sắp xếp vị trí đậu phương tiện một cách hợp lý để tránh cản trở giao thông

Liên hệ với đơn vị quản lý, cục quản lý đường thuỷ nội địa hướng dẫn lập bình đồ cấp phép phạm vi vùng nước hoạt động của cầu tàu. Lắp biển báo hiệu đúng quy định.

6.6. Phòng ngừa ứng phó sự cố rơi vãi hàng hoá.

Thường xuyên nhắc nhở người điều khiển phương tiện vận chuyển cẩn thận tránh gây tai nạn làm hư hỏng nguyên liệu, hàng hoá .

Băng chuyền xuất hàng hoá che chắn, đồng thời bao bì thành phẩm trước khi vào băng chuyền điều phải mai kín miệng.

Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, thu gom bụi từ các băng chuyền. Thu gom, vệ sinh nền nhà máy để hạn chế phát sinh bụi trong khu vực.

Mọi hoạt động của tàu thuyền điều phải tuân theo nội quy về an toàn cháy nổ và bến thuỷ nội địa.

6.7. Ngăn ngừa sự cố va đụng tàu thuyền.

Bố trí biển báo khu vực cầu cảng theo quy định của luật giao thông đường thuỷ nội địa. Thực hiện nghiệm các quy định đảm bảo an toàn của bến thuỷ nội địa.

Hướng dẫn các phương tiện ra vào hợp lý tránh gây ùn tắc, tai nạn khi vận chuyển hàng hoá.

Nhắc nhở các phương tiện không vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm quá trọng tải của tàu tránh gây tai nạn giao thông hay sự cố đắm tàu có thể xảy ra.

6.8. Về bệnh nghề nghiệp

- Trang bị tủ thuốc y tế có các dụng cụ y tế, thuốc men, bông băng để sơ cấp cứu kịp thời khi công nhân bị tai nạn.

- Thực hiện đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm xã hội cho công nhân viên làm việc tại cơ sở.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động bao gồm: quần áo bảo hộ không thấm qua da, găng, giày… bắt buộc công nhân mặc đồ bảo hộ khi làm việc để đảm bảo an toàn lao động cũng như bảo vệ sức khỏe công nhân.

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân viên theo Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế về hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp cho người lao động để kịp thời phát hiện bệnh nghề nghiệp và để ra phương pháp điều trị cho từng trường hợp bị bệnh nghề nghiệp do quá trình làm việc tần suất khám 01 lần/năm.

- Khi công nhân viên mắc bệnh hoặc bị tai nạn khi làm việc chủ cơ sở ngoài việc áp dụng các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ra sẽ có các khoảng phúc lợi như trợ cấp tiền chữa bệnh để khích lệ tinh thần. Ngoài ra, chủ cơ sở sẽ tính chế độ độc hại phù hợp cho trong lương cho người tham gia sản xuất tại cơ sở.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không có

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có)

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

STT	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hoà An Số 1545/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt.	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của nhà máy xay xát lúa gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của công ty cổ phần thực phẩm GAP: số 202/QĐ-STNMT ngày 5 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt	Hiện trạng
1	Nhà máy hoạt động với 2 dây chuyền xát trắng – lao bóng có tổng công suất thiết kế 90.000 tấn gạo lứt/năm (nhà máy hoạt động 234 ngày/năm) tương đương với tỷ lệ thành phẩm chiếm 67% tương đương 60.300 tấn thành phẩm/năm.	Nhà máy hoạt động với dây chuyền sản xuất bao gồm: - 1 hệ thống sấy công suất 700 tấn lúa ướt/năm (nhà máy hoạt động 225 ngày/năm) tương đương 157.500 tấn lúa ướt/năm, với tỷ lệ thành phẩm chiếm 80% thì lượng lúa khô sau khi sấy là 560 tấn/ngày tương đương 126.000 tấn/năm - 1 dây chuyền bóc vỏ công suất 600 tấn lúa khô/ngày (nhà máy hoạt	Hiện tại cơ sở đã ghép hai nhà máu lại thành một quy trình, công suất hoạt động của nhà máy hiện tại như sau: - 1 hệ thống sấy lúa công suất 700 tấn/ngày và tỷ lệ thu thành phẩm đạt 80% sản lượng tương đương với 560 tấn/ngày, 126.000 tấn/năm. - 1 dây chuyền bóc vỏ công suất 600 tấn/ngày và tỷ lệ thu thành phẩm đạt

		động 225 ngày/năm) tương đương 135.500 lúa khô/năm), với tỷ lệ thành phẩm chiếm 75% thì lượng gạo lứt sau bóc vỏ là 450 tấn/ngày tương đương 101.250 tấn/ngày. - 2 dây chuyền xát trắng – lau bóng với tổng công suất 500 tấn gạo lứt/ngày (nhà máy hoạt động 225 ngày/năm) tương đương 112.500 tấn gạo lứt/năm, tỷ lệ gạo thành phẩm chiếm 67% thì lượng gạo thành phẩm của nhà máy là 335 tấn gạo thành phẩm/ngày tương đương 75.375 tấn gạo thành phẩm/năm.	75% tương đương với 450 tấn gạo lứt/ngày (101.250 tấn/năm). - 2 dây chuyền xát trắng – lau bóng công suất 500 tấn/ngày và tỷ lệ đạt thành phẩm tới 67% tương đương 112.500 gạo lứt/năm và gạo thành phẩm thu được sau dây chuyền sấy thu được
2	Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại 3 ngăn có công suất thiết kế là 13,2 m^3 (3m x 2m x 2,2m) để xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường	Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại 3 ngăn có công suất thiết kế là 13,2 m^3 (3m x 2m x 2,2m) để xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường	Hiện tại cơ sỡ đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý 5m^3/ngày.đêm và được đấu nối với các nhà vệ sinh để xử lý, đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A QCVN14:2025/BTNMT trước khi xả ra môi trường
3	Nhà máy hoạt động trên diện tích đất là 11.309 m^2	Nhà máy hoạt động trên diện tích đất là 10.874 m^2	Hiện tại nhà máy đã ghép lại thành một quy trình và đang hoạt động trên 2 DTM đã được cấp với diện tích đất là 22.264 m^2

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt với lưu lượng phát sinh khoảng 3,456 m^3/ngày.đêm

Lưu lượng xả nước thải tối đa: 5m^3/ngày.đêm.

1.2. Dòng nước thải xả nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ được dẫn thoát ra nguồn tiếp nhận là mương công cộng và tự chảy ra Rạch Cái Tàu Thượng.

b. Vị trí xả thải sau xử lý:

Lượng nước thải sau khi được xử lý sẽ được xả ra mương công cộng và thoát ra Rach Cái Tàu Thượng với Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0): X=1144052 ; Y= 580797.

c. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5m^3/ngày.đêm

d. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả ngầm**.**

e. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm

f. Dòng nước thải: 01 (một) dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy thoát ra nguồn tiếp nhận.

g. Chất lượng của nước thải

Trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải: Giá trị giới hạn tối đa của thông số xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A). Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2025/BTNMT, Cột A (K=1,2)
1	pH	-	5 – 9
2	BOD_5	mg/L	30
3	COD	mg/L	80
4	TSS	mg/L	50
5	Amoni	mg/L	6

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2025/BTNMT, Cột A (K=1,2)
6	Tổng Nitơ	mg/L	25
7	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/L	4
8	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3000
9	Sunfua	mg/L	0,2
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	3

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh

+ Nguồn số 01: Khí thải từ đầu ra ống khói lò hơi số 1

+ Nguồn số 02: Khí thải từ đầu ra ống khói lò hơi số 2.

+ Nguồn số 03: Khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi khu vực nhập liệu.

+ Nguồn số 04: Khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi khu vực lấy lúa sau sấy.

+ Nguồn số 05: Khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi khu vực bóc vỏ

+ Nguồn số 06: Khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi khu vực xát trắng – lau bóng

+ Nguồn số 07: Khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi khu vực tách màu

+ Nguồn số 08: Khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi khu vực đóng gói

+ Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2.2. Dòng khí thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận khí thải và vị trí xả khí thải

a. **Nguồn tiếp nhận khí thải:**

Môi trường không khí nằm trong khu vực xung quanh cơ sở.

b. Dòng khí thải

Nguồn số 01: Dòng khí thải phát sinh tại lò hơi thoát ra môi trường.

Nguồn số 02: Dòng khí thải phát sinh tại lò hơi thoát ra môi trường.

Nguồn số 03: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý bụi (Cyclone thu bụi, cám) tại khu vực nhập liệu.

Nguồn số 04: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý bụi (Cyclone thu bụi, cám) tại khu vực lấy lúa sau sấy.

Nguồn số 05: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý bụi (Cyclone thu bụi, cám) tại khu vực bóc vỏ.

Nguồn số 06: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý bụi (Cyclone thu bụi, cám) tại khu vực xát trắng – lau bóng.

Nguồn số 07: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý bụi (Cyclone thu bụi, cám) tại khu vực tách màu.

Nguồn số 08: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý bụi (Cyclone thu bụi, cám) tại khu vực đóng gói.

Nguồn số 09: Dòng khí thải đầu ra hê thống xử lý khí thải của máy phát điện.

c. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0):

+ Nguồn số 01: X= 1144167, Y=580719;

+ Nguồn số 02: X= 1144132, Y=580701;

+ Nguồn số 03: X=1144121, Y= 580816;

+ Nguồn số 04: X=1144075, Y= 580618;

+ Nguồn số 05: X=1144061, Y= 580653;

+ Nguồn số 06: X=1144067, Y= 580683;

+ Nguồn số 07: X=1144089, Y=580814;

+ Nguồn số 08: X=1144088, Y=580779;

+ Nguồn số 09: X=1144110, Y= 580791;

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất được tính theo công suất thiết kế của quạt hút thu bụi tại các nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Lưu lượng xả thải tối đa 2.000 m^3/giờ (Theo hệ thống xử lý tích hợp trong lò hơi)

+ Nguồn số 02: Lưu lượng xả thải tối đa 2.000 m^3/giờ (Theo hệ thống xử lý tích hợp trong lò hơi)

+ Nguồn số 03: Lưu lượng xả thải tối đa 6.400 m^3/giờ (Bao gồm 2 quạt hút với công suất 30HP)

+ Nguồn số 04: Lưu lượng xả thải tối đa 3.200 m^3/giờ (Bao gồm 1 quạt hút với công suất 30HP)

+ Nguồn số 05: Lưu lượng xả thải tối đa 6.400 m^3/giờ (Bao gồm 2 quạt hút với công suất 30HP)

+ Nguồn số 06: Lưu lượng xả thải tối đa 88.200 m^3/giờ (Bao gồm 21 quạt hút với công suất 40HP)

+ Nguồn số 07: Lưu lượng xả thải tối đa 2.200 m^3/giờ (Bao gồm 1 quạt hút với công suất 20HP)

+ Nguồn số 08: Lưu lượng xả thải tối đa 1.200 m^3/giờ (Bao gồm 1 quạt hút công suất 10HP)

+ Nguồn số 09: Lưu lượng xả thải tối đa 4000 m^3/giờ (theo hệ thống xử lý tích hợp theo máy phát điện)

Phương thức xả thải:

+ Nguồn số 01: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 02: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 03: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 04: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 05: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 06: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 07: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 08: Cưỡng bức gián đoạn theo thời gian hoạt động của nhà máy.

+ Nguồn số 09: xả thải không thường xuyên, mang tính chất dự phòng khi mạng lưới điện cung cấp cho cơ sở bị ngắt

e. Chất lượng của khí thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải: Giá trị giới hạn tối đa của các thông số xả thải vào nguồn tiếp nhận của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C.

Bảng 4.2. Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong khí thai

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị (Cmax)
1	Bụi	mg/Nm^3	35
2	CO	mg/Nm^3	450
3	SO_2	mg/Nm^3	350
4	NO_x	mg/Nm^3	500
5	H_2S	mg/Nm^3	4

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực sấy lúa.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực xay xát.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực lau bóng gạo.

- Nguồn số 04 : Tiếng ồn, độ rung phát sinh do quá trình hoạt động của phương tiện vận chuyển tại khu vực bến thủy nội địa.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tọa độ X=1144095, Y= 580749 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0).

Nguồn số 02: Tọa độ X=1144074, Y= 580724 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0).

Nguồn số 03: Tọa độ X= 1144076, Y= 580742 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0).

Nguồn số 04: Tọa độ X =1144092; Y = 580826 (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0).

3.3. Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Giới hạn cho phép về tiếng ồn: Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép trong giới hạn quy định của QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc cho phép (dBA)	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70	60

Giới hạn cho phép đối với độ rung: Giá trị giới hạn độ rung đề nghị cấp phép trong giới hạn quy định của QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 4.4. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về độ rung

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc cho phép (dB)	
	Từ 6 giờ đến trước 21 giờ	Từ 21 giờ đến trước 6 giờ
Khu vực thông thường	70	60

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Không có

Chương V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình công tác bảo vệ môi trường:

Cơ sở đã đầu tư xây dựng các công trình và thực hiện tốt các vấn đề về môi trường tại cơ sở đạt tiêu chuẩn theo đúng quy định của nhà nước.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải.

Sau khi hoàn thành hệ thống xử lý nước thải, cơ sở đã liên với đơn vị có chuyên môn để phân tích chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống. Đảm bảo các thông số đầu ra đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột A với K_p=1, K_v=1,2 trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Thời Gian thu mẫu: mẫu được thu vào ngày 16/6/2025

Các vị trí quan trắc:

+ Nước thải: Tại đầu ra HTXLNT của cơ sở.

Bảng 5.1. Bảng vị trí điểm quan trắc

STT	Tên quan trắc	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí quan trắc		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	**Vĩ độ**	
1	Nước thải 01	NT01	16/06/2025	1144054	580764	Tại đầu ra HTXLNT
Thành phần quan trắc						Theo QCVN
Nước thải tại đầu ra của cống thoát nước: TSS, TDS, BOD_5, hàm lượng Sunfua, hàm lượng Amoni(NH^+_4), hàm lượng Nitrat (NO_3^-), hàm lượng Photphat (PO_4^{3-}), hàm lượng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.						QCVN 14

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường năm 2025 đối với nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K_p=1, K_v=1,2
1	pH	-	6,94	5-9
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	19	30

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K_p=1, K_v=1,2
3	Hàm lượng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	174	500
4	Hàm lượng BOD_5	mg/L	7	30
5	Hàm lượng sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	0,02	1.0
6	Hàm lượng Amoni (NH_4^+), (tính theo N)	mg/L	KPH	5
7	Hàm lượng Nitrat(NO_3^-)	mg/L	1,2	30
8	Hàm lượng photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	KPH	6
9	Hàm lượng dầu mỡ động vật	mg/L	KPH	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	5
11	Coliforms	MPN/100 mL	$2,4 \times 10^2$	3000

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Nhận xét: Qua kết quả phân tích đầu ra HTXLNT trên cho thấy hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đạt hiệu quả xử lý cao, các thông số chất lượng môi trường của hệ thống đều đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột A

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Trong năm 2024 công ty chưa nhận được thông tin đầy đủ nên 2 quý đầu năm chưa thực hiện quan trắc môi trường. Sau khi đã được nhắc nhở công ty đã thực hiện giám sát môi định kỳ của Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang, Công ty đã hợp đồng với Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ thực hiện thu mẫu khí thải theo quy định.

- Thời Gian: Quý 3 năm 2024 vào ngày 30/08/2024

- Tần suất và vị trí lấy mẫu:

+ Tại đầu ra của lò sấy: toạ độ X=1144088, Y=058079. Tần suất 1lần/3 tháng.

+ Tại đầu ra của Cyclon thu bụi của khu vực tách màu: toạ độ X=1144089, Y=0580814. Tần suất thực hiện 1 lần/3 tháng.

+ Tại đầu ra của ống khói lò hơi 01: Toạ độ X=1144176, Y=0580719. Tần suất thực hiện 1 lần/3 tháng.

+ Tại đầu ra của ống khói lò hơi 02: Toạ độ X=1144132, Y=0580701. Tần suất thực hiện 1 lần/3 tháng.

+ Tại đầu ra của Cyclone tách bụi khu vực lấy lúa khô sau sấy: Toạ độ X=1144075, Y=0580618. Tần suất thực hiện 1 lần/3 tháng.

+ Tại đầu ra của Cyclone tách bụi của dây chuyền xát trắng – lau bóng: toạ độ X=1144067, Y=0580683. Tần suất thực hiện 1 lần/3 tháng.

+ Tại đầu ra Cyclone ống thoát khu vực nhập liệu; Toạ độ X=1144121, Y=0580816. Tần suất thực hiện 1 lần/3 tháng.

+ Tại khu vực tiếp giáp với nhà dân gần nhất: toạ độ X=1144139, Y=0580793. Tần suất thực hiện 1lần/6 tháng.

Bảng 5.3. Kết quả phân tích mẫu khí thải năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT cột B với K_p=1, K_v=1,2
Tại khu vực lò sấy				
1	Lưu lượng	m^3/h	8.761	-
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	10.5	200
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	684	1000
4	Hàm lượng NO_x	mg/Nm^3	58	850
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	<2.62	500
Tại đầu ra của Cyclon tách bụi của khu vực tách màu				
1	Lưu lượng	m^3/h	4.026	-
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	9.33	200
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	-	1000
4	Hàm lượng NO_x	mg/Nm^3	-	850

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT cột B với K_p=1, K_v=1,2
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	-	500
Tại đầu ra của ống khói lò hơi 01				
1	Lưu lượng	m^3/h	7.612	-
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	25,79	200
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	659	1000
4	Hàm lượng NO_x	mg/Nm^3	49	850
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	<2,61	500
6	Hàm lượng HF	mg/Nm^3	<0,30[(a)]	
Tại đầu ra của ống khói lò hơi 02				
1	Lưu lượng	m^3/h	7.816	-
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	23,29	200
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	611	1000
4	Hàm lượng NO_x	mg/Nm^3	41	850
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	<2,62	500
6	Hàm lượng HF	mg/Nm^3	<0,30[(a)]	
Tại đầu ra của Cyclone tách bụi khu vực lấy lúa khô sau sấy				
1	Lưu lượng	m^3/h	3.248	-
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	2,43	200
Tại đầu ra của Cyclone tách bụi của dây chuyền xát trắng – lau bóng				
1	Lưu lượng	m^3/h	3.506	-

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT cột B với K_p=1, K_v=1,2
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	3,36	200
Tại đầu ra của Cyclone tách bụi khu vực nhập liệu				
1	Lưu lượng	m^3/h	3.621	-
2	Hàm lượng Bụi tổng	mg/Nm^3	8,75	200

(Nguồn:Chủ cơ sở 2025)

Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu khí thải tại nơi sản xuất cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt so với QCVN 19:2009/BTNMT cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải Công nghiệp. Từ đó cho thấy hoạt động của cơ sở ít gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Bảng 5.4. Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2023/BTNMT
1	Ồn	dBA	67,1	70*
2	Bụi	µg/m^3	80,47	300
3	CO	µg/m^3	8.542	30.000
4	NO_2	µg/m^3	39,8	200
5	SO_2	µg/m^3	101,56	350

(Nguồn:Chủ Cơ sở, 2025)

* Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt so với QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 05:2023/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Từ đó cho thấy hoạt động của dự án ít gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực xung quanh cơ sở.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải : Không có

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (Đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): không có

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.

6.1. chất thải rắn sinh hoạt

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở trong quý 3 năm 2024 của khu vực được thống kê dưới bản sau:

+ Nhà máy chế biến gạo Hoà An

Bảng 5.5: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	CTRSH	Khối lượng (Tấn/năm)	Hình thức xử lý
1	Khối lượng chất thải sinh hoạt của công nhân lưu trú tại nhà máy	1,2	Hợp đồng với đơn vị thu gom rác của xã Hội An thu gom và xử lý
2	Rác thải sinh hoạt của công nhân không lưu trú tại c2ơ sở	2,9	
	Tổng cộng	4,1	

Nguồn: Chủ cơ sở, 2025

+ Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch

Bảng 5.6: khối lượng và loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	CTRSH	Khối lượng (tấn/năm)	Hình thức xử lý
1	Khối lượng chất thải sinh hoạt của công nhân lưu trú tại nhà máy	1,3	Hợp đồng với đơn vị thu gom rác của xã Hội An thu gom và xử lý
2	Rác thải sinh hoạt của công nhân không lưu trú tại cơ sở	2,8	

STT	CTRSH	Khối lượng (tấn/năm)	Hình thức xử lý
	Tổng cộng	4,1	

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Nhận xét: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở phát sinh khoảng 4 tấn/năm. Toàn bộ lượng rác thải phát sinh sẽ được cơ sở thu gom và tập kết tại khu vực của nhà máy. Cơ sở đã hợp đồng với đơn vị thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của xã Hội An thu gom, xử lý đúng theo quy đinh. *(Hợp đồng được đính kèm sau phụ lục)*

6.2. chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở hằng ngày được thống kê thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 5.7: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Khối lượng (tấn/ngày)	Hình thức xử lý
Tro	4,97	hợp đồng với đơn vị thu mua
Trấu	114	Hợp đồng với đơn vị thu mua

(Nguồn: Chủ cơ sở,2025)

Lượng chất thải sản xuất phát sinh tại cơ sở khoảng 116 tấn/ngày, bao gồm trấu và tro. Lượng trấu phát sinh một phần sẽ được cơ sở tái sử dụng cho lò hơi. Số lượng trấu và tro tại cơ sở sẽ được hợp đồng với đơn vị thu mua để tái sử dụng. *(Hợp đồng được đính kèm sau phụ lục)*

6.3. Chất thải rắn nguy hại

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 5.8: Loại, mã CTNH phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng	Hình thức xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	-	*Hợp đồng với công ty môi trường Miền Đông thu gom và xử lý*
2	Giẻ lau	18 02 01	-	
3	Dầu nhớt thải	17 02 03	-	
4	Que hàn thải	07 04 01	-	

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở:

Trong 2 năm gần đây không có đợt thanh tra, kiểm tra về vấn đề môi trường tại cơ sở.

Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TẠI CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm dự kiến

Thời gian vận hành thử nghiệm đối với việc quan trắc nước thải thực hiên theo quy định tại khoản 05 điều 21 thông tư 02/2022/TT-BTNMT và điều 01 thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Cơ sở quan trắc với 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống.

Thời gian lấy mẫu vận hành thử nghiệm: cơ sở sẽ thực hiện thu mẫu sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

Trước thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ cơ sở sẽ tiến hành gửi về UBND tỉnh An Giang thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 05, điều 31 của nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Công trình thực hiện vận hành thử nghiệm: cơ sở vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải 05 m^3/ngày.đêm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc các loại hình của khu sản xuất kinh doanh, cụm công nghiệp và không thuộc loại hình nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn quy định trong Cột 3, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nên Chủ cơ sở phối hợp đơn vị đủ chức năng thực hiện quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể như sau:

Nước thải:

Quan trắc 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống. Thời gian lấy mẫy dự kiến được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải

TT	Nội dung	Thời gian
1	Lấy mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý (Lần 1)	01/12/2025
2	Lấy mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý (Lần 2)	02/12/2025
3	Lấy mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý (Lần 3)	03/12/2025

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

- Các thông số phân tích: pH, BOD_5 (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hoà tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni tính theo N, Nitrat (NO_3^-), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphate, tổng Coliforms.

- Vị trí thu mẫu: đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại hố giảm sát: X=1144054; Y= 580764.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT (cột A), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Lưu lượng xả nước thải tối đa của cơ sở là 05 m^3/ngày.đêm do đó cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ được quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Tuy nhiên để quản lý, giám sát chất lượng nước thải, khí thải tại cơ sở, chủ cơ sở đề xuất thực hiện chương trình quan trắc như sau:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 97, khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ thì cơ sở này không thuộc trường hợp phải quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải và bụi, khí thải công nghiệp.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc loại hình cơ sở được quy định trong Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên không thuộc trường hợp quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải và bụi, khí thải công nghiệp.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Nhằm đánh giá chất lượng môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở, Công ty *tự* đề xuất thực hiện chương trình quan trắc như sau:

Quan trắc nước thải:

+ Giám sát lưu lượng nước thải và những thông số ô nhiễm có trong nước thải gồm: pH, BOD_5, TSS, Sunfua, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, Tổng Coliform.

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải đầu ra tại HTXLNT

+ Tần suất: 06 tháng/01 lần.

+ Trách nhiệm thực hiện: Chủ cơ sở.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, K = 1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Quan trắc khí thải:

*** Hệ thống xử lý khí thải lò hơi:**

- Thông số giám sát: Lưu lượng, NO_2, CO, SO_2, Bụi tổng.

- Vị trí: Đầu ra HTXL khí thải lò hơi 01. Tọa độ: : X=1128500, Y=559164; (KT).

- Đầu ra HTXL khí thải lò hơi 02. Tọa độ: : X=1128500, Y=559164; (KT).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BNTMT (cột B, Kp = 1, Kv = 0,9) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Tần suất: 06 tháng/01 lần.

*** Đầu ra của hệ thống xử lý khí thải tại khu vực sản xuất:**

+ Vị trí: khí thải đầu ra hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực xay xát – lau bóng, Khu vực lấy lúa sau sấy, khu vực bóc vỏ.

+ Tần suất: 3 tháng/lần

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, Tiếng ồn, Độ rung, Bụi tổng, CO, SO_2, NO_2.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BNTMT (cột B, Kp = 1, Kv = 0,9) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm đối với nước thải, khí thải khoảng 15.000.000 đồng/năm.

Chương VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty cam kết nội dung, thông tin trong báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

Công ty cam kết về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Công ty cam kết việc xử lý chất thải, nước thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường, nghiêm túc thực hiện các giải pháp khắc phục, giảm thiểu tác động của công trình đến môi trường;

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 14:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. (K=1,2);

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ Các TCVN và QCVN khác có liên quan.

+ Quản lý chất thải nguy hại đúng theo hướng dẫn của Thông tư 02/2021/TT-BTNMT.

Công ty cam kết không xả nước thải, khí thải ra môi trường ngoài vị trí đề nghị cấp phép;

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, đền bù thỏa đáng cho nhân dân địa phương và mau chóng khắc phục sự cố, rủi ro môi trường do Cơ sở gây ra

Công ty cam kết chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu để xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, suy thoái môi trường hoặc tác động xấu đến KT-XH của địa phương trong quá trình xây dựng và vận hành cơ sở.

Trong quá trình hoạt động nếu có phát sinh sự cố, đơn vị sẽ tiến hành xử lý ngay và thông báo kết quả với chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
5. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC ngày 11/09/2023.
6. Biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy ngày 22 tháng 7 năm 2024.
7. Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa số 586/QĐ – SGTVT ngày 17-08-2022.
8. Hợp đồng mua bán trấu: Công ty TNHH Phước Tâm TH. Hợp đồng số 02/HĐB-GAP/24
9. Giấy chứng nhận kết quả kiểm định nồi hơi có hiệu lực đến 14/12/2025.
10. Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.
11. Phiếu kết quả mẫu.
12. Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng thoát nước mưa, mặt bằng thoát nước thải, vị trí quan trắc môi trường.
13. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.
14. Bản vẽ Cyclone thu gom xử lý khí thải.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1602067074

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 03 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 02 tháng 05 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THỰC PHẨM GAP
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GAP FOODS JOINT STOCK COMPANY
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp An Thạnh, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0907249404* Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
Tổng số cổ phần: 18.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VÕ CÔNG HIỀN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *06/06/1989* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Căn cước*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *049089013902*

Ngày cấp: *22/09/2024* Nơi cấp: *Bộ Công An*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 13, Khối Phố Châu Hiệp, Thị Trấn Nam Phước, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 13, Khối Phố Châu Hiệp, Thị Trấn Nam Phước, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ TÀI CHÍNH T. AN GIANG

Nguyễn Minh Trí

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 0433562035

Chứng nhận lần đầu, ngày 08 tháng 7 năm 2009
Chứng nhận thay đổi lần thứ: 1 ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chứng nhận thay đổi lần thứ: 2 ngày 23 tháng 7 năm 2019

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 521031000246 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2009; chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2010;

Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá giữa Công ty Cổ phần Du lịch An giang với Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia;

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia và Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP;

Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và kèm theo hồ sơ dự án " Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An" của Công ty Cổ phần Du lịch An Giang.

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 62 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định: "Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 33 Nghị định này tại cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định nội dung dự án đầu tư được điều chỉnh và ghi lại toàn bộ nội dung dự án đầu tư không điều chỉnh, đang có hiệu lực theo quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư và các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương"..

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Chứng nhận: Dự án đầu tư **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU HÒA AN**; Giấy chứng nhận đầu tư số 521031000246 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2009; chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2010.

được đăng ký điều chỉnh: Nhà đầu tư; Tổng vốn đầu tư và Tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602067074 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0933 407 975.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vivek Omprakash Sharma, sinh ngày 18/06/1985, Quốc tịch: Ấn Độ; Hộ chiếu nước ngoài số: Z4211247, Ngày cấp: 16/5/2017, Nơi cấp: Đại sứ Quán Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: 35, B47 Weet Home CHSL, Anand Nagar Dahisare, Mumbai, Ấn Độ.

Chỗ ở hiện tại: CT-1-16, Lô C, tầng 16, Riverside, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU HÒA AN**

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gạo.

3. Quy mô dự án:

-Tổng diện tích sử dụng đất: 11.390 m^2.

- Công suất thiết kế: 30.000 tấn (Sản lượng 90.000 tấn/ năm).

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Gạo, nếp, tấm, cám, trấu.

Quy mô kiến trúc xây dựng:

+ Diện tích xây dựng: 11.390 m^2.

+ Diện tích sàn: 11.390 m^2.

+ Số tầng: 01 tầng.

+ Chiều cao công trình: 12 m.

4. Địa điểm thực hiện dự án: ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 11.390 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư: 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng), tương đương 2.146.844 USD (Bằng chữ: Hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi bốn đô la Mỹ).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 20.000.000.000VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng), tương đương 858.737 USD (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi bảy đô la Mỹ) bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 40 %/tổng vốn đầu tư, đã góp đủ.

** Tỷ giá quy đổi 1 USD ≈ 23.290 VNĐ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 12/7/2019.*

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư, môi trường, xây dựng: Từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019.

- Thời gian xây dựng các hạng mục công trình (bao gồm lắp đặt thiết bị): Từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021.

- Thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Tháng 12/2021.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã được cấp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 521031000246 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2009; chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2010:

- Giảm 50% tiền sử dụng đất.

- Miễn thuế nhập khẩu hàng hóa để tạo thành tài sản cố định của dự án, Công ty đăng ký danh mục máy móc, thiết bị, hàng hóa cụ thể làm việc trực tiếp với Hải Quan An Giang để xác định danh mục được miễn thuế nhập khẩu.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động và bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư.

2. Chế độ báo cáo định kỳ: thực hiện theo Phụ lục III Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động;

- Thời hạn báo cáo:

+ Báo cáo tháng: ngày 12 của tháng sau tháng báo cáo (trong trường hợp dự án đầu tư có phát sinh vốn đầu tư thực hiện trong tháng).

+ Báo cáo quý: ngày 12 của tháng đầu quý sau quý báo cáo.

+ Báo cáo năm: ngày 31 tháng 3 của năm sau năm báo cáo.

Báo cáo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư: Số 03 Lê Triệu Kiết, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang hoặc Email: sokhdt@angiang.gov.vn.

3. Thực hiện đúng quy định Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

4. Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP phải tuân thủ quy định của pháp luật về: đầu tư, môi trường, đất đai, xây dựng, lao động, các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình triển khai dự án.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 521031000246 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2009; chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản chính, Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thành Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 962 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 03 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP" tại ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP nộp ngày 29 tháng 03 năm 2018;

Xét Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 241/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602067074 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông VIVEK OMPRAKASH SHARMA, Sinh năm: 18/6/1985, Quốc tịch: Ấn Độ; Hộ chiếu nước ngoài số: Z4211247, Ngày cấp: 16/5/2017, Nơi cấp: Đại sứ quán Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: 35, B47 Weet home CHSL, Anand Nagar Dahisar Mumbai, Ấn Độ.

Nơi ở hiện tại: CT-1-16, Lô C tầng 16 Riverside, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0902.636379

Chức vụ: Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY XAY XÁT LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP.

2. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nhà máy xay xát với hệ thống sấy – tách vỏ lúa, xát trắng, lau bóng và bảo quản nông sản sau khu hoạch.

3. Quy mô dự án đầu tư:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 9.693 m^2.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống bồn chứa nguyên liệu lúa ướt: 1.500 tấn

+ Hệ thống bồn chứa nguyên liệu sấy khô: 1.400 tấn.

+ Hệ thống chứa gạo lức: 1.400 tấn.

+ Hệ thống bồn chứa thành phẩm: 5.000 tấn.

+ Tháp sấy: 1.000 tấn/ngày.

+ Tách vỏ: 900 tấn/ngày.

+ Xát trắng - Lau bóng: 800 tấn/ngày.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: lúa, gạo, trấu, tấm, cám

- Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng Nhà xưởng (lắp đặt dây chuyền sản xuất), hệ thống bồn chứa và bờ kè: 9.693 m^2.

- Quy mô đầu tư trang thiết bị sản xuất:

+ Hệ thống 10 bồn chứa nguyên liệu lúa ướt: 1.500 tấn.

+ Hệ thống 15 tháp sấy.

+ Hệ thống 09 bồn chứa nguyên liệu lúa khô sau khi sấy.

+ Hệ thống tách vỏ lúa.

+ Hệ thống 07 bồn chứa gạo lức.

+ Hệ thống xát trắng, lau bóng.

+ 04 máy tách màu.

+ Hệ thống bồn chứa thành phẩm: 5.000 tấn.

+ Hệ thống đóng bao tự động.

+ Hệ thống băng tải, mái che, cầu tàu xuất – nhập.

+ Hệ thống trạm điệ, máy phát điện, máy biến áp.

+ Xe nâng, hệ thống cân nhập – xuất và các thiết bị phụ trợ khác.

4. Diện tích sử dụng đất: 9.693m^2.

5. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: tại các thửa đất 171, 718, 807, 808, 814, 785 tờ bản đồ số 2 thuộc ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

6. Tổng vốn đầu tư: 181.500.000.000 (*Một trăm tám mươi mốt tỷ, năm trăm triệu*) đồng tương đương 7.951.807 (*Bảy triệu, chín trăm năm mươi mốt ngàn, tám trăm lẻ bảy*) đô la Mỹ. Trong đó:

6.1. Vốn góp của Công ty để thực hiện dự án là: 54.450.000.000 (*Năm mươi bốn tỷ, bốn trăm năm mươi triệu*) đồng tương đương 2.385.542 (*Hai triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn, năm trăm bốn mươi hai*) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư và góp trong vòng 06 tháng kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư.

6.2. Vốn vay từ tổ chức tín dụng: 127.050.000.000 (*Một trăm hai mươi bảy tỷ, không trăm năm mươi triệu*) đồng tương đương 5.566.265 (*Năm triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi lăm*) đô la Mỹ.

** Tỷ giá quy đổi 1USD ≈ 22.825 VNĐ (Nguồn tham khảo: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ngày 12/4/2018).*

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày có Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng: Từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018.
- Tiến độ vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Tháng 12 năm 2018.
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu:

+ Chuẩn bị đầu tư: Từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 06 năm 2018.

+ Thời gian xây dựng các hạng mục công trình: Từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018.

+ Mua sắm, lắp đặt thiết bị: Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng:

1. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP" tại huyện Chợ Mới.

Giao Cục trưởng Cục thuế tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

2. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP" tại huyện Chợ Mới.

Giao Cơ quan Thuế phối hợp Nhà đầu tư xác định mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế the quy định.

3. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP" tại huyện Chợ Mới.

Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP đăng ký danh mục máy móc, thiết bị, hàng hóa cụ thể và làm việc trực tiếp với cơ quan Hải Quan, nơi lập thủ tục nhập khẩu để xác định danh mục được miễn thuế nhập khẩu.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án.

1. Chấm dứt hiệu lực của văn bản quyết định chủ trương đầu tư:

- Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.

- Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động và thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.

2. Về môi trường: Dự án đầu tư thực hiện thủ tục môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP lập bản vẽ phương án bố trí tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 để trình UBND huyện Chợ Mới phê duyệt, đồng thời phải tiến hành lập các thủ tục có liên quan về quyền sử dụng đất và mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Lưu ý: Đối với việc xây dựng các hạng mục chính công trình (nhà máy, hệ thống kho, nhà làm việc, nhà nghỉ nhân viên, nhà ăn,...) phải cách mép sông Hậu tối thiểu 20m; trường hợp phương án bố trí mặt bằng có hạng mục lấn ra ngoài sông Hậu phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường sông;

Bản vẽ bố trí tổng mặt bằng phải đảm bảo các quy định về mật độ xây dựng, khoảng cách các hạng mục công trình, có giải pháp khắc phục các yêu cầu về môi trường (bụi, tiếng ồn, ...), và đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh từ các lò sấy đến khu dân cư, công trình công cộng tối thiểu 50m và phải được kiểm soát chặt chẽ về các tiêu chí môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định.

4. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP" thuộc trường hợp phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư năm 2014.

- *Mức ký quỹ dự án:* Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ thì mức ký quỹ dự án là: 3%/vốn đầu tư.

- *Giảm tiền ký quỹ:* dự án "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP" đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Căn cứ Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định: "Căn cứ Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định: "*Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn*".

Do đó, nhà đầu tư được giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án.

ĐVT: đồng

tt	Tên Nhà đầu tư	Vốn đầu tư của dự án	Mức ký quỹ dự án (%)	Giảm tiền ký quỹ (%)	Số tiền ký quỹ nhà đầu tư phải nộp
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP	181.500.000.000	3	25	4.083.750.000

- *Thời điểm ký quỹ:* Sau khi được Quyết định chủ trương đầu tư nhưng trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và Nhà đầu tư ký văn bản thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Mẫu II.5 - Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

5. Chế độ báo cáo định kỳ: thực hiện theo Phụ lục III Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: Vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động;

- Thời hạn báo cáo:

+ Báo cáo tháng: Ngày 12 của tháng sau tháng báo cáo (trong trường hợp dự án đầu tư có phát sinh vốn đầu tư thực hiện trong tháng).

+ Báo cáo quý: Ngày 12 của tháng đầu quý sau quý báo cáo.

+ Báo cáo năm: Ngày 31 tháng 3 của năm sau năm báo cáo.

Báo cáo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư: Số 03 Lê Triệu Kiết, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang hoặc . Email: sokhdt@angiang.gov.vn

6. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về: Đầu tư, môi trường, đất đai, xây dựng, lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình triển khai dự án.

Điều 4. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm hỗ trợ Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP trong quá trình triển khai thực hiện dự án " Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP".

Điều 5. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư

- Quyết định chủ trương đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Chấm dứt hiệu lực của văn bản quyết định chủ trương đầu tư: Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động và thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Điều 6. Quyết định này được lập thành 03 *(ba)* bản chính. Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP được cấp 01 bản, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang./.

CHỦ TỊCH

Vương Bình Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 621 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban Ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 962/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Báo cáo thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư số150 /BC-SKHĐT ngày 18 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6 và Khoản 8 Điều 1 Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Khoản 3 Điều 1 Quy mô dự án đầu tư

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 10.874 m^2

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống bồn chứa nguyên liệu lúa ướt: 1.500 tấn

+ Hệ thống bồn chứa nguyên liệu sấy khô: 1.400 tấn.

+ Hệ thống chứa gạo lức: 1.400 tấn.

+ Hệ thống bồn chứa thành phẩm: 5.000 tấn.

+ Tháp Sấy: 700 tấn/ngày.

+ Tách vỏ: 600 tấn/ngày.

+ Xát trắng- Lau bóng: 500 tấn/ngày.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: lúa, gạo, trấu, tấm, cám

- Quy mô xây dựng: Diện tích xây dựng Nhà xưởng (lắp đặt dây chuyền sản xuất), hệ thống bồn chứa và bờ kè: 10.874 m^2.

- Quy mô đầu tư trang thiết bị sản xuất:

+ Hệ thống 10 bồn chứa nguyên liệu lúa ướt: 1.500 tấn.

+ Hệ thống 15 tháp sấy

+ Hệ thống 09 bồn chứa nguyên liệu lúa khô sau khi sấy.

+ Hệ thống tách vỏ lúa.

+ Hệ thống 07 bồn chứa gạo lức.

2. Khoản 4 Điều 1 Diện tích sử dụng đất

Diện tích sử dụng đất: 10.874 m^2.

3. Khoản 6 Tổng vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư: 47.850.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 2.058.950 USD (Bằng chữ: Hai triệu không trăm năm mươi tám ngàn chín trăm năm mươi đô la Mỹ).

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 14.355.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng), tương đương 617.685 USD (Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy ngàn sáu trăm tám mươi lăm đô la Mỹ), bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư, góp trong vòng 06 tháng kể từ ngày có Quyết định chủ trương đầu tư.

** Tỷ giá 1USD ≈ 23.240VNĐ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31/01/2019.*

4. Khoản 8 Tiến độ thực hiện dự án

- Tiến độ xây dựng: từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019.

- Tiến độ vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: tháng 12 năm 2019.

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu:

+ Chuẩn bị đầu tư: từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019.

+ Thời gian xây dựng các hạng mục công trình: từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019.

+ Mua sắm, lắp đặt thiết bị: từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019.

Điều 2. Điều chỉnh Điều 3 Quyết định chủ trương đầu tư số 962/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh như nhau:

1. Bổ sung Khoản 3 Điều 3: Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Lập bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cho dự án (có cập nhật phần diện tích mở rộng) trình UBND huyện Chợ Mới thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- Lưu ý: Phương án tổng mặt bằng phải đảm bảo các quy định về mật độ xây dựng, kết nối với hạ tầng kỹ thuật với khu vực xung quanh, đảm bảo khoảng cách các hạng mục công trình về vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định, ...

- Lập thủ tục xin phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

2. Điều chỉnh Khoản 4 Điều 3: Đảm bảo thực hiện dự án đầu tư

Đối với phần vốn giảm còn 47.850.000.000 VNĐ:

- ***Mức ký quỹ dự án:*** Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ thì mức ký quỹ dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP" là 3%/vốn đầu tư.

- Giảm tiền ký quỹ: Dự án "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP" thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Chợ Mới). Căn cứ Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định: *"Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn"*.

- Số tiền kỹ quỹ dự án đầu tư "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP", cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

Stt	Tên Nhà đầu tư	Vốn đầu tư giảm của dự án	Mức ký quỹ dự án	Giảm tiền ký quỹ	Số tiền ký quỹ, nhà đầu tư phải nộp
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP	47.850.000.000	3%	50%	717.750.000

Thời điểm ký quỹ: sau khi được Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP có trách nhiệm nộp tiền ký quỹ vào tài khoản nhận tiền ký quỹ của Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn ***30 ngày*** kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư ký Văn bản thỏa thuận, nhưng trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và Nhà đầu tư ký văn bản thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư quy định tại Điều 27 Nghị định số

118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Mẫu II.5 - Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung khác không nêu tại Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư này được thực hiện theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 4. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản chính. Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP được cấp 01 bản, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 799/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban Ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 962/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho dự án "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP" của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP;

Xét Báo cáo thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 295/BC-SKHĐT ngày 03 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Tiến độ thực hiện dự án tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ tháng 4/2019 đến tháng 12/2020.

- Tiến độ vận hành, sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Tháng 12/2020.

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu:

+ Chuẩn bị đầu tư: Từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2019.

+ Thời gian xây dựng các hạng mục công trình: Từ tháng 4/2019 đến tháng 12/2020.

+ Mua sắm, lắp đặt thiết bị: Từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung khác không nêu tại Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư này được thực hiện theo Quyết định số số 962/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản chính. Công ty Cổ phần thực phẩm GAP được cấp 01 bản, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Đồng thời, Quyết định này được sao gửi đến các đơn vị: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và UBND huyện Chợ Mới./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 317/UBND-KT V/v thực hiện dự án nhà máy xay xát lúa, gạo và bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP"	*Chợ Mới, ngày 12 tháng 3 năm 2019*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang

Căn cứ Công văn số 123/SKHĐT-DN ngày 22/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang về việc lấy ý kiến điều chỉnh dự án "Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP".

Căn cứ Công văn số 810/VPUBND-KTN ngày 22/02/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thực hiện dự án nhà máy xay xát lúa, gạo và bảo quản nông sản sau thu hoạch.

Trên cơ sở ý kiến của ngành chuyên môn tại Văn bản số 80/KTHT ngày 12/3/2019 của Phòng Kinh tế-Hạ tầng huyện về việc thực hiện dự án nhà máy xay xát lúa, gạo và bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP". Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới có ý kiến như sau:

1. Dự án nêu trên có quy mô 9.693 m^2 tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty cổ phần thực phẩm GAP làm chủ đầu tư tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 03/5/2018. Nay Công ty đề nghị điều chỉnh tăng quy mô lên 10.874m^2 (tăng 1.181m^2) cho phù hợp với diện tích khu đất. Thống nhất điều chỉnh quy mô dự án theo đề nghị của Công ty.

2. Về quản lý đầu tư xây dựng: đề nghị chủ đầu tư thực hiện các thủ tục sau:

- Chủ đầu tư tổ chức lập bản vẽ phương án bố trí tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 gửi Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới thẩm định trình UBND huyện Chợ Mới phê duyệt để làm cơ sở lập dự án và triển khai các bước tiếp theo.

* *Lưu ý:* Đối với việc xây dựng các hạng mục chính công trình (nhà máy, hệ thống kho, nhà làm việc, nhà nghỉ nhân viên, nhà ăn,...) phải cách mép sông Hậu tối thiểu 20m; trường hợp phương án bố trí mặt bằng có hạng mục lấn ra ngoài sông Hậu phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường sông.

- Sau khi phương án tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt, chủ đầu tư phải tiến hành lập các thủ tục có liên quan về quyền sử dụng đất và mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Lập thủ tục xin phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng các hạng mục công trình.

3. Trong quá trình hoạt động, đề nghị chủ đầu tư thực hiện đúng theo các quy định về công tác bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Trên đây là ý kiến đóng góp thực hiện dự án nhà máy xay xát lúa, gạo và bảo quản nông sản sau thu hoạch của "của Công ty cổ phần thực phẩm GAP" tại ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND AG;
- CT, PCT;
- P.KT-HT;
- P. TN-MT;
- UBND Hòa An;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI TỈNH AN GIANG

Nguyễn Hồng Viễn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Thực phẩm GAP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602067074, cấp lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018
Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang.

CO 556534

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 121 , tờ bản đồ số: 45

b) Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang

c) Diện tích: 155,6m², (bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm phẩy sáu mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/07/2058

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

An Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2018

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

TUQ.CHỦ TỊCH

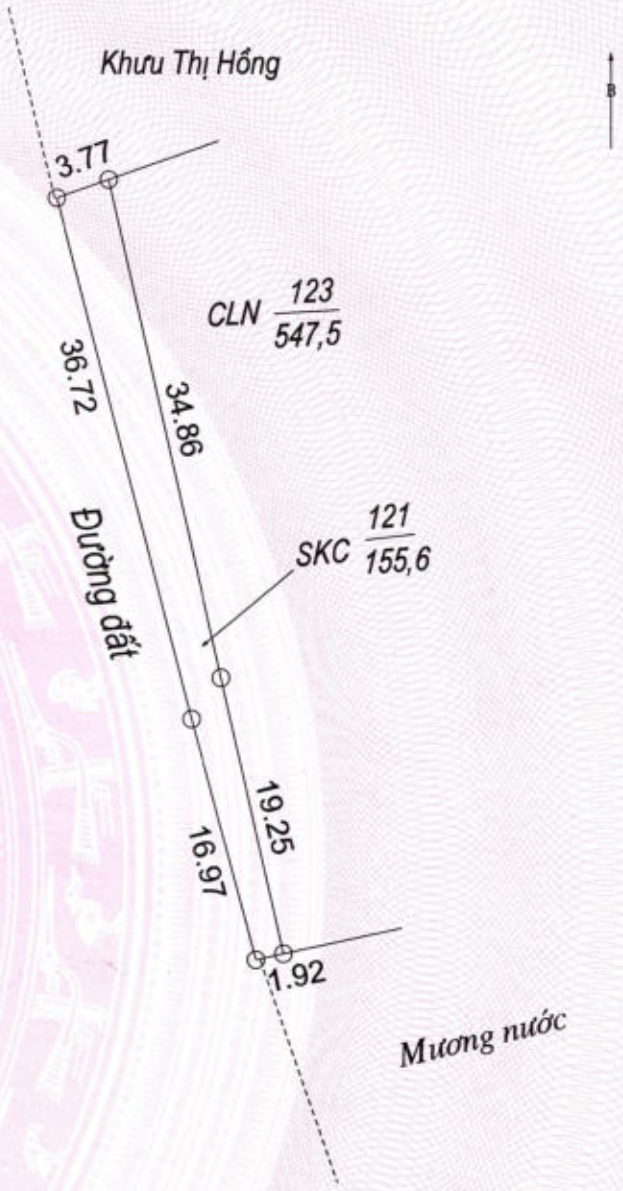
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT17064

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 6 4 0 1 8 0 0 0 0 4 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Thực phẩm GAP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602067074, cấp lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018

Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang.

CO 556535

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 122 , tờ bản đồ số: 45

b) Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang

c) Diện tích: 9598,1m², (bằng chữ: Chín nghìn năm trăm chín mươi tám phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/07/2058

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà máy	6253,0	6253,0	Sở hữu riêng	Loại 2 (theo QĐ10)	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

An Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2018

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

TUQ.CHỦ TỊCH

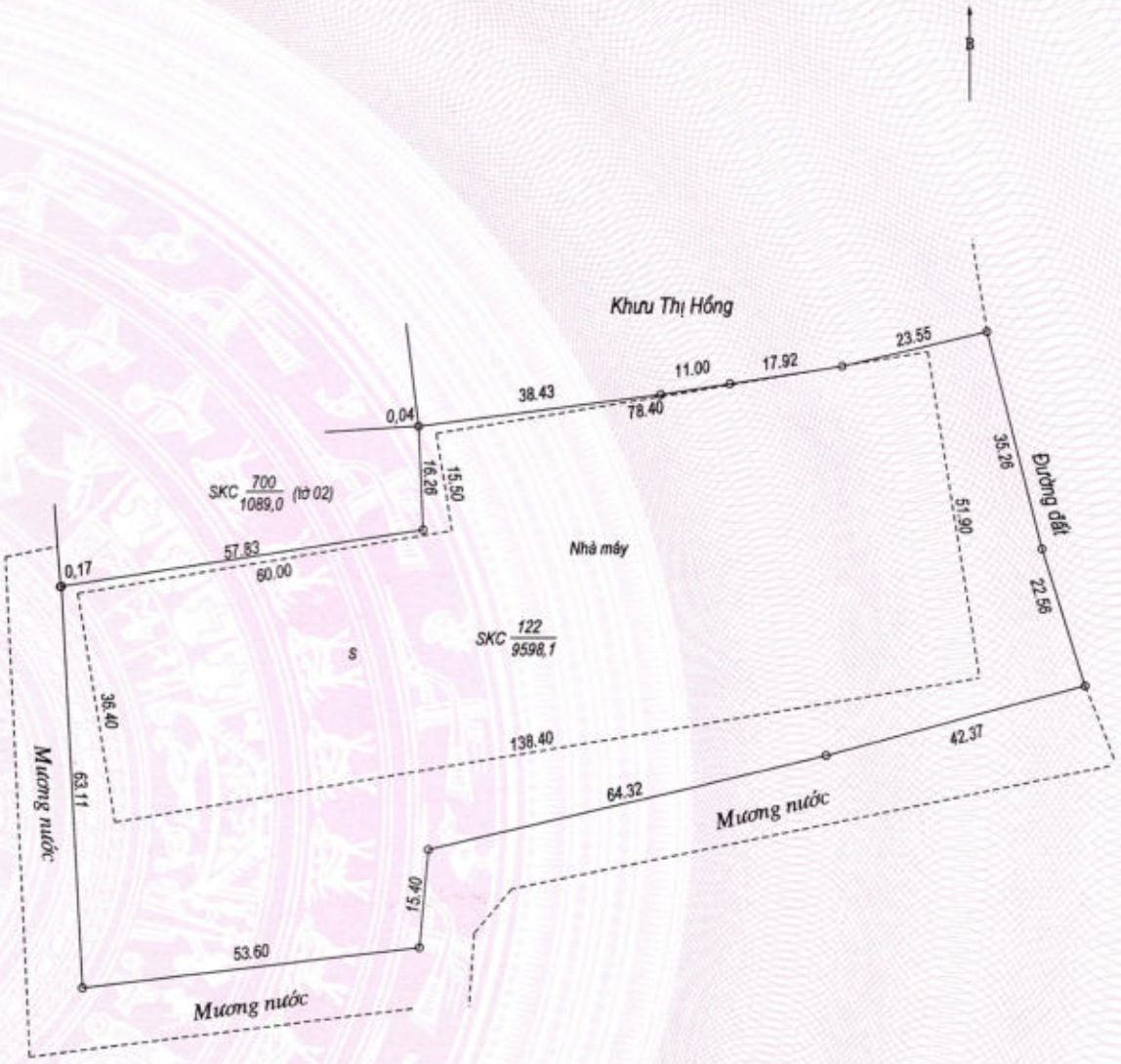
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT17065

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 6 4 0 1 8 0 0 0 0 4 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Thực phẩm GAP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602067074, cấp lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018
Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang.

CO 556536

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 123 , tờ bản đồ số: 45

b) Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang

c) Diện tích: 547,5m², (bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy phẩy năm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26/10/2059

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

An Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2018

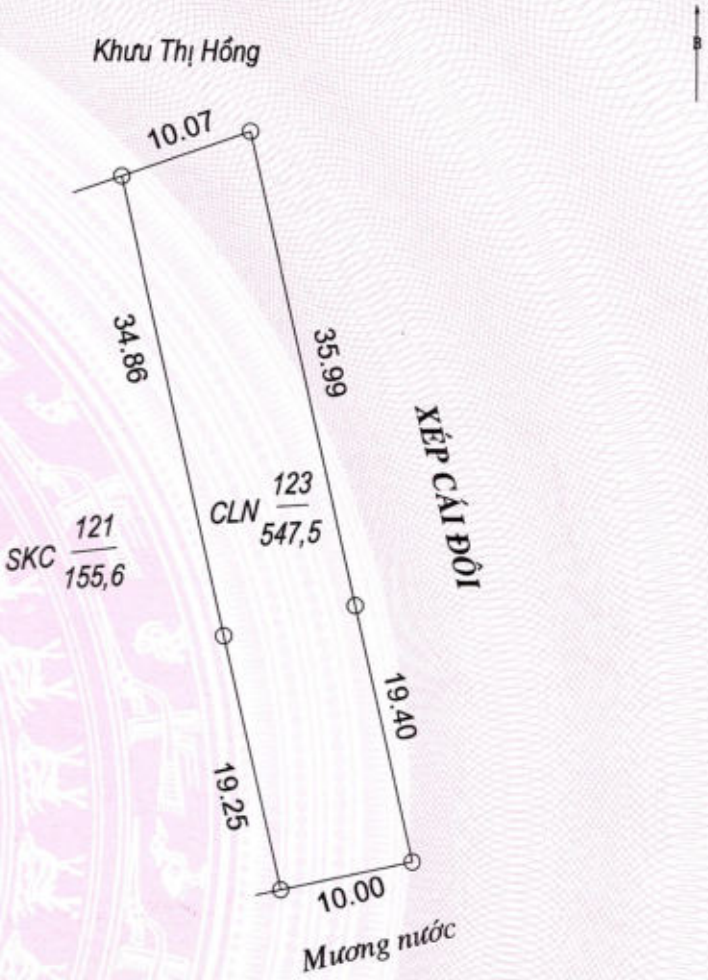
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT17066

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 6 4 0 1 8 0 0 0 0 4 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Thực phẩm GAP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602067074, cấp lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018

Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang.

CO 556537

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 700 , tờ bản đồ số: 2

b) Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang

c) Diện tích: 1089,0m², (bằng chữ: Một nghìn không trăm tám mươi chín phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/07/2058

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

An Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2018

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

TUQ.CHỦ TỊCH

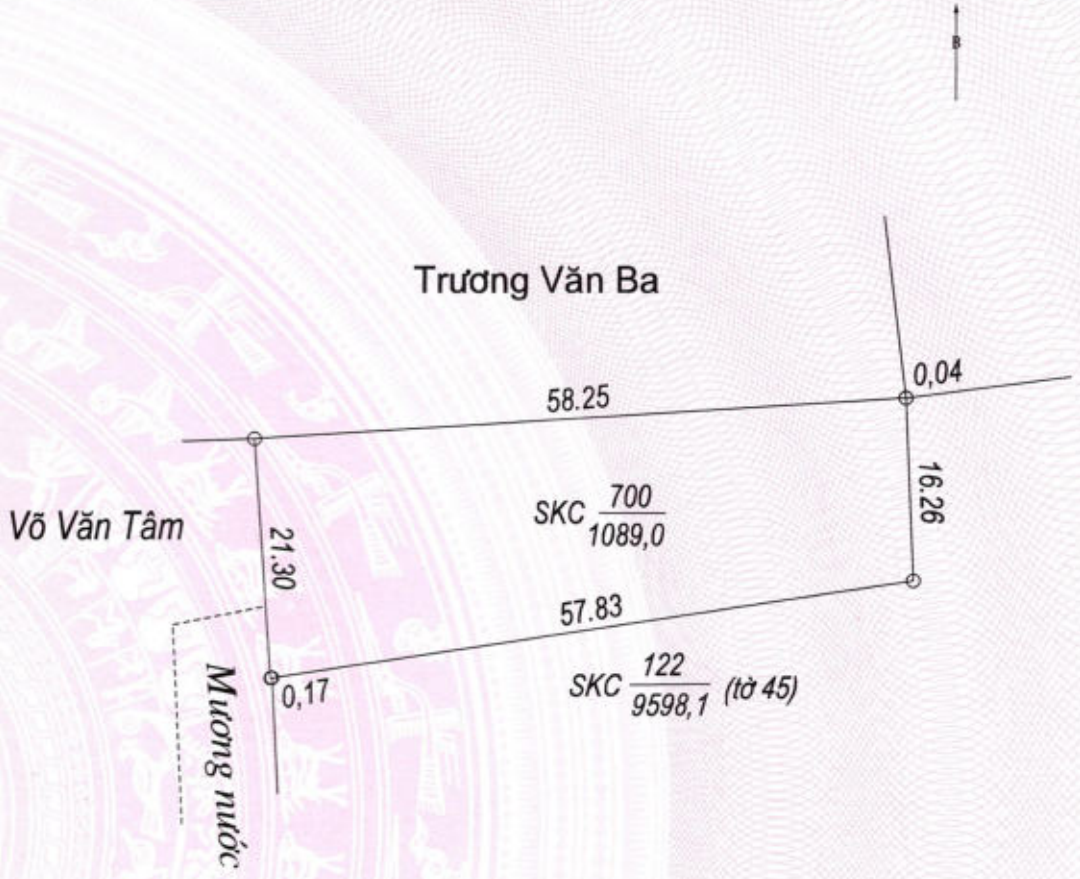
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT17067

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 6 4 0 1 8 0 0 0 0 4 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Thực phẩm GAP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602067074, cấp lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2018

Địa chỉ: Ấp An Thạnh, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang.

CX 233203

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **93** , tờ bản đồ số: **73**

b) Địa chỉ: Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang

c) Diện tích: 10878,0m², (bằng chữ: Mười nghìn tám trăm bảy mươi tám phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 03/5/2068

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Được miễn tiền thuê đất 15 năm (kể từ ngày 08/7/2020 đến ngày 08/7/2035) theo Quyết định số 4035/QĐ-CT ngày 11/9/2020 của Cục thuế tỉnh An Giang.

An Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

TUQ.CHỦ TỊCH

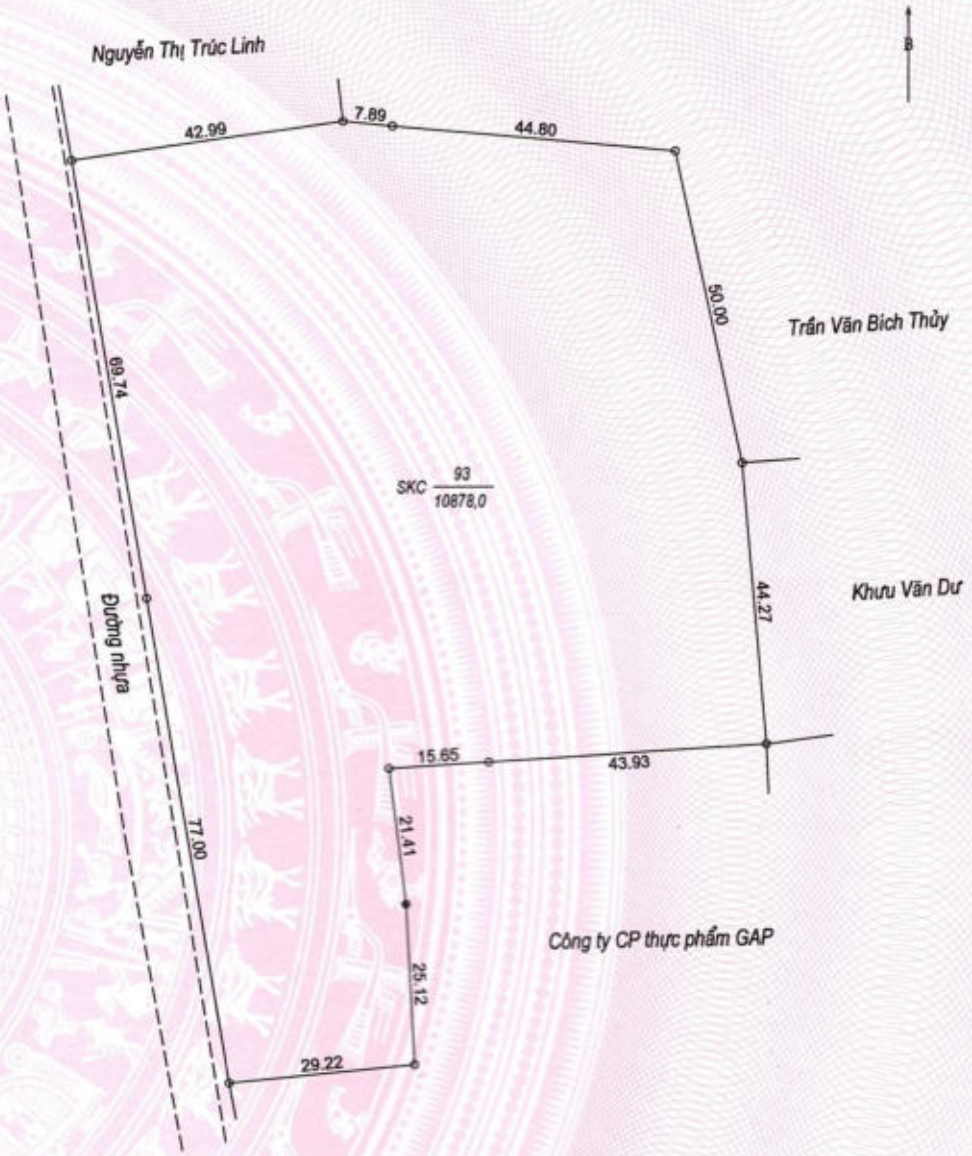
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Nguyễn Việt Trí

Số vào sổ cấp GCN: CT20549

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 6 4 0 2 0 0 0 0 0 5 7

UBND TỈNH AN GIANG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Số: 1545/QĐ-STNMT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *An Giang, ngày 06 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An họp ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 04/CV-GAPFOODS ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP về việc trình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

Được quét bằng CamScanner

Scanned with CamScanner

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An (sau đây gọi tắt là Dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần thực phẩm GAP (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Trường hợp có thay đổi Chủ dự án, Chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, NN&PTNT;
- UBND huyện Chợ Mới;
- Phòng TN&MT huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa An;
- CCBVMT, CCQLĐĐ;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Nguyễn Việt Trí

Được quét bằng CamScanner

Scanned with CamScanner

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 202 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
An Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP tại kết quả họp thẩm định họp ngày 14 tháng 01 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 01.01/CV-GAP ngày 27 tháng 01 năm 2021 và Công văn số 03.02/CV-GAP ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP về việc chỉnh sửa bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải đối chiếu và thực hiện đúng theo quy định tại Điều 15 và Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

4. Trường hợp có thay đổi Chủ dự án, Chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, KH&CN, NN&PTNT;
- UBND huyện Chợ Mới;
- Ban Giám đốc;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (công khai kết quả giải quyết TTHC);
- Chi cục BVMT; Thanh tra Sở;
- Phòng TNMT huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa An;
- Lưu: VT, Phú(2b).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Nguyễn Việt Trí

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP
(Kèm theo Quyết định số ..2122../QĐ-STNMT ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

- *Tên dự án:* Dự án đầu tư Nhà máy xay xát lúa gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP.

- *Chủ dự án:* Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP.

- *Địa chỉ liên hệ:* Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Địa điểm thực hiện dự án:* Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Loại hình dự án:* chế biến nông sản (sấy lúa, xay xát, lau bóng gạo).

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất Dự án:

- Phạm vi dự án được xác định theo tọa độ các điểm giới hạn của Dự án:

Điểm góc tọa độ	Hệ tọa độ (VN 2000)	
	Tọa độ X	Tọa độ Y
A	0580576	1143867
B	0580671	1143869
C	0580682	1143758
D	0580627	1143746
E	0580635	1143706
F	0580604	1143709

- Quy mô tổng diện tích đất của dự án là 10.874 m^2, trong đó bố trí các hạng mục công trình, gồm:

(1) Các hạng mục công trình chính: Kho chứa lúa khô – Nhà máy có diện tích 3.097,090 m^2; Lò sấy có diện tích 2.088,09 m^2; Kho chứa gạo liệu và gạo thành phẩm có diện tích 2.322,8 m^2.

(2) Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ có diện tích 9 m^2; Nhà vệ sinh chung có diện tích 10 m^2; Kho chứa tro có diện tích 420 m^2; các công trình phụ trợ khác còn lại như giao thông, sân nền, cây xanh và công trình bảo vệ môi trường,…

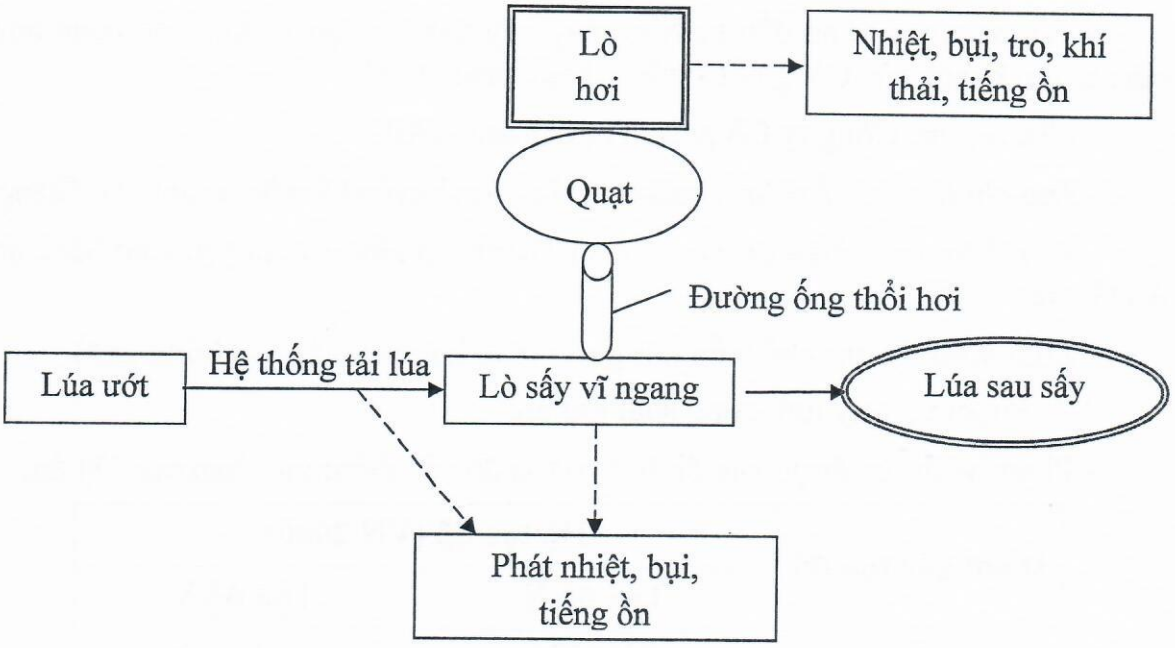
- Công suất sản xuất của dự án: sấy lúa công suất 700 tấn lúa ướt/ngày tương đương 126.000 tấn lúa khô/năm; bóc vỏ lúa công suất 600 tấn/ngày tương

đương 101.250 tấn gạo lứt/năm; xát trắng – lau bóng công suất 500 tấn gạo lứt/ngày tương đương 75.375 tấn gạo thành phẩm/năm.

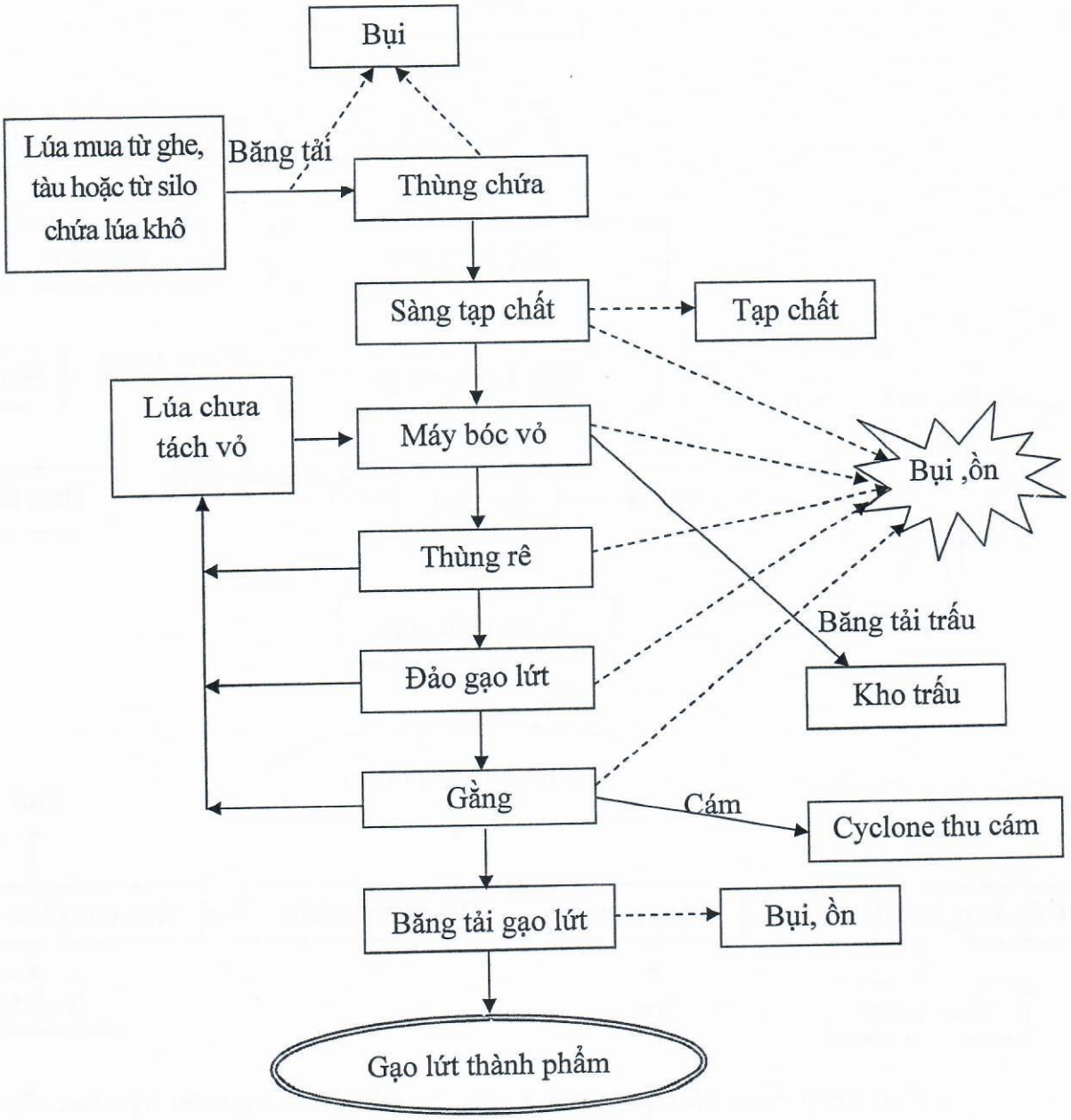
- Tổng vốn đầu tư dự án: 47.850.000.000 đồng.

1.2. Công nghệ sản xuất của Dự án:

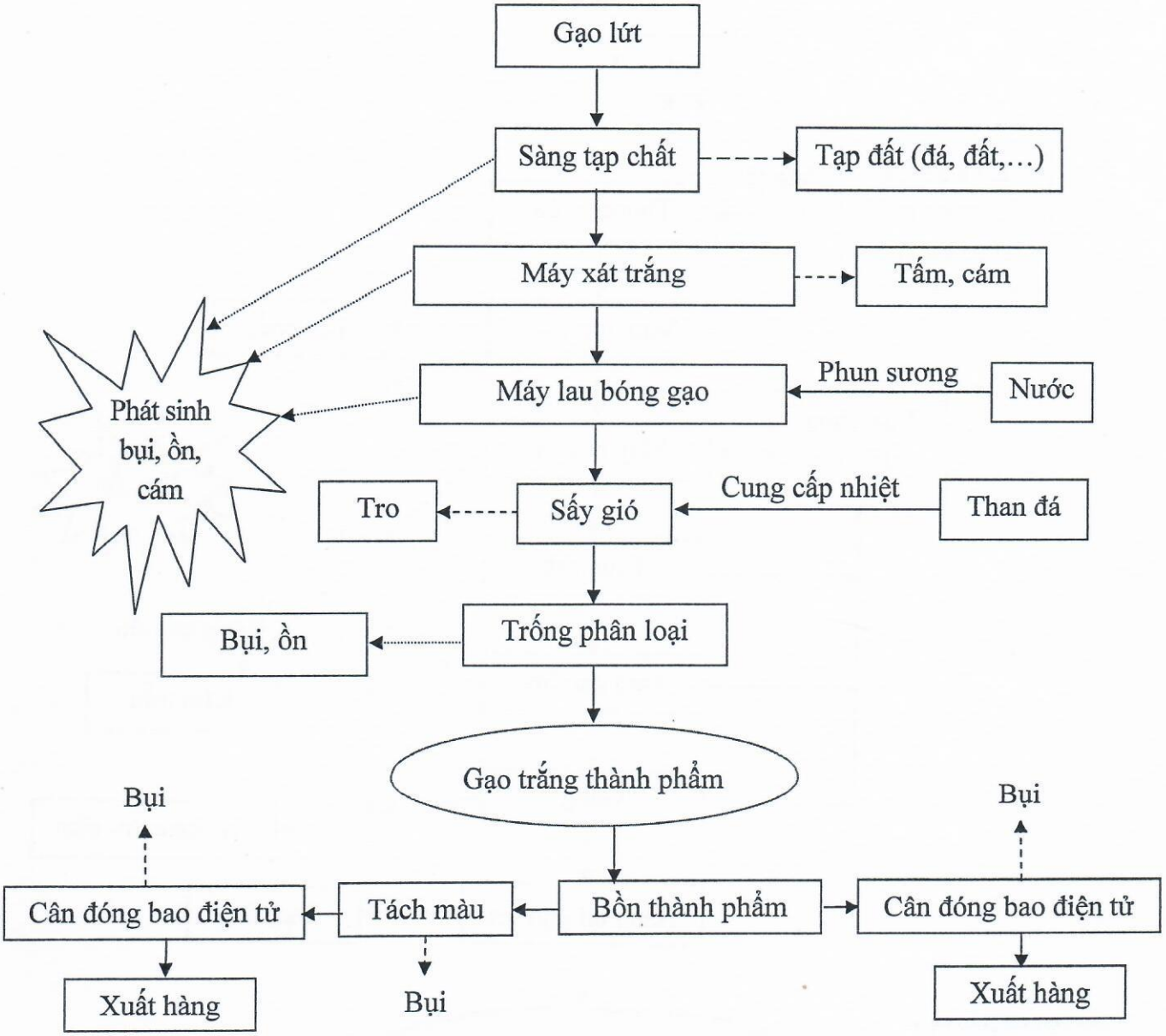
- Quy trình công nghệ sấy lúa (gồm 02 lò hơi tầng sôi lấy nhiệt gián tiếp công suất 4 tấn/lò, 8 tấn/lò, với 10 lò sấy vĩ ngang):



- Quy trình công nghệ bóc vỏ lúa (01 dây chuyền công suất 600 tấn lúa khô/ngày):



- Quy trình công nghệ xát trắng – lau bóng gạo (02 dây chuyền công suất 500 tấn gạo lứt/ngày):



- Các hạng mục bảo quản nông sản: 16 silo chứa nguyên liệu lúa sấy khô với sức chứa 1.680 tấn (105 tấn/silo) và 09 silo chứa gạo lức với sức chứa 1.125 tấn (125 tấn/silo).

1.3. Nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất dự án: lúa tươi để sấy 612.000 tấn/năm; lúa khô bóc vỏ 656.160 tấn/năm và gạo lứt xát trắng – lau bóng khoảng 540.960 tấn/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Nước mưa chảy tràn khu vực dự án.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân.

- Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất.

- Chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Chất thải nguy hại.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:

+ Tiếng ồn từ quá trình hoạt động;

+ Tác động đến đời sống người dân trong khu vực;

+ Sạt lở bờ sông;

+ Giao thông đường thủy;

+ Giao thông đường bộ.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Nước mưa chảy tràn:* Tổng khối lượng phát sinh khoảng 96,35m^3/ngày, thành phần chủ yếu là cặn lắng, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án, khách hàng khoảng 4,25 m^3/ngày.đêm, thành phần chủ yếu là TSS, COD, BOD_5, nitrat, photphat,...

2.3. Quy mô, tính chất của khí thải, bụi:

- *Bụi:* phát sinh chủ yếu tại các công đoạn nhập liệu, hệ thống sấy, dây chuyền xay xát, dây chuyền xát trắng - lau bóng, tại kho chứa trấu, cám, tro trấu và hoạt động xuất trấu,... thành phần chủ yếu là bụi đất và bụi cám.

- *Bụi, khí thải từ lò hơi đốt trấu:* Phát sinh từ quá trình đốt cháy nhiên liệu (trấu) sinh ra hơi khí thải, thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO_2, NO_x, HF,…

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- *Rác thải sinh hoạt:* Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên và khách hàng khoảng 140 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thực phẩm dư thừa, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon,…

- *Rác thải sản xuất:* Phát sinh từ quá trình sản xuất của dự án chủ yếu gồm tro trấu, trấu, tạp chất, rác thải văn phòng,... Trong đó, tổng khối lượng tro trấu phát sinh từ hoạt động lò sấy khoảng 6,39 tấn/ngày; trấu từ hoạt động bóc vỏ phát sinh khoảng 78 tấn/ngày; tạp chất phát sinh khoảng 3,5 tấn/ngày,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 25 kg/năm; thành phần chủ yếu gồm: dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, đuôi que hàn thải,...

2.6. Tiếng ồn và độ rung: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành dây chuyên sản xuất và các phương tiện giao thông thủy bộ trong quá trình xuất, nhập nguyên liệu cũng như sản phẩm.

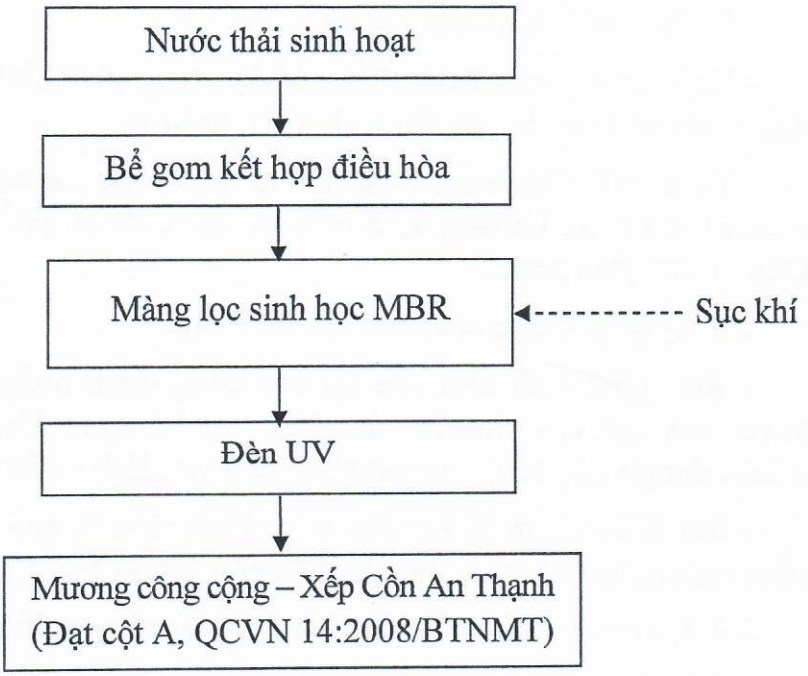
3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống sê nô thu gom nước mưa từ mái công trình và dẫn theo ống nhựa đường kính 114mm xuống đất chảy vào hố ga và mương

dẫn rộng 300mm ra mương thoát nước công cộng bằng 01 cửa xả với đường ống 315mm.

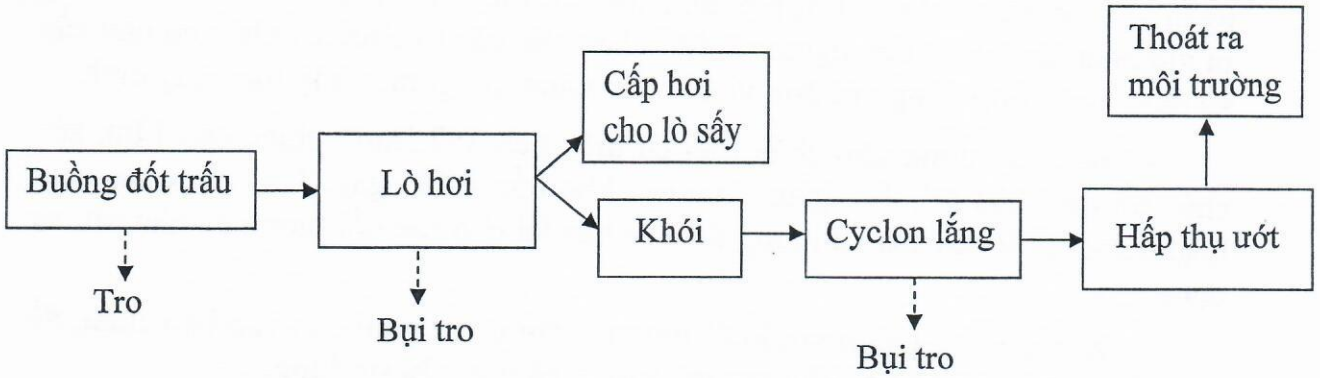
- Nước thải sinh hoạt: bố trí hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 13,2m^3, kích thước hầm tự hoại: 3m x 2m x 2,2m, thời gian lưu chứa > 2 ngày bao gồm 04 nhà vệ sinh tại khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ công nhân viên, sau đó nước thải được dẫn đấu nối vào Hệ thống xử lý nước thải có công suất 5 m^3/ngày đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra mương công cộng, rồi sau đó tự chảy ra Xếp Cồn An Thạnh theo quy trình xử lý như sau:



3.2. Về xử lý khí thải, bụi:

- Lò hơi đốt trấu: Nhiệt và khí thải tại buồng đốt trấu sẽ được thu gom, dẫn theo ống kín vào buồng trao đổi nhiệt. Tại buồng trao đổi nhiệt, dòng khí nóng được dẫn vào các ống kẽm (đặt bên trong buồng trao đổi nhiệt), nhiệt sẽ được tỏa ra ngoài qua thành các ống kẽm này làm nước sôi, bốc hơi và được quạt hút cấp hơi cho các mẻ sấy lúa. Đối với khói bụi vẫn được giữ bên trong các ống kẽm và tiếp tục được dẫn theo ống kín qua bộ khử bụi cyclon chùm với 30 túi vải bên trong (đường kính 1,0m cao 2,5m) để tách lượng bụi còn xót trong dòng khí, sau đó khí thải được đưa qua tháp hấp thụ ướt để giảm thiểu 1 lần nữa lượng bụi và các khí độc hại trước khi thoát ra môi trường bằng ống khói cao đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp = 1 và Kv = 1.

Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi đốt trấu như sau:



- Giảm thiểu bụi tại các khâu phát sinh bụi khác (hệ thống thu gom, thiết bị lọc bụi) đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, như sau:

+ Tại công đoạn lấy lúa khô ra sau khi sấy: lắp đặt đồng bộ hệ thống thu gom kín nhờ vào tác dụng của quạt hút để hút bụi từ các bộ phận ghép nối rồi thổi vào 02 cyclon với 32 túi vải, công suất quạt hút 30HP (đường kính 2,5m, cao 3,8 m) thu bụi, cyclon này được bao che kín trong buồng thu bụi.

+ Tại dây chuyền bóc vỏ: lắp đặt đồng bộ hệ thống thu gom kín nhờ vào tác dụng của quạt hút để hút bụi từ các bộ phận ghép nối rồi thổi về buồng thu bụi. Tại mỗi buồng thu bụi sẽ lắp đặt 01 cyclon với 93 túi vải, công suất quạt hút 30HP (đường kính 2,5m, cao 3,8 m) thu bụi, các cyclon này được bao che kín trong buồng thu bụi.

+ Tại dây chuyền xát trắng – lau bóng gạo: lắp đặt đồng bộ hệ thống thu gom kín nhờ vào tác dụng của quạt hút để hút cám từ các cối xát trắng – lau bóng rồi thổi cám về buồng thu cám. Tại mỗi buồng thu cám sẽ lắp đặt 12 cyclon (đường kính 2,5m, cao 3,8 m) thu cám, các cyclon này được bao che kín trong buồng thu cám.

+ Tại khu vực nhập liệu (hoạt động cầu cảng): lắp đặt 02 thiết bị lọc bụi túi vải (đường kính 0,3m, cao 2,5 m, số lượng mỗi bộ là 6 cái) tại 02 điểm xuất nhập hàng hóa tại khu vực cầu cảng.

+ Tại khu vực máy tách màu: bố trí 02 thiết bị lọc bụi túi vải (đường kính 0,3m, cao 2,5 m, số lượng mỗi bộ là 6 cái).

+ Hoạt động xuất trấu xuống ghe, tàu: thực hiện che chắn bằng lưới rây có kích thước lỗ thoát khí nhỏ để chắn bụi phát tán theo gió. Trấu từ kho được hút theo đường ống nhựa kín, tại đầu ra của ống thổi trấu sẽ lắp thêm 01 túi vải (đường kính 0,5m) và vòng tròn sắt tại đầu ra của túi vải để kiểm soát trấu rơi xuống ghe, tàu.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 5 thùng nhựa có nắp đậy, loại thùng có dung tích 120 lít, đặt tại khu vực nhà làm việc, khu vực nhà xưởng sản xuất và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương thu gom và xử lý hằng ngày.

- Tro thải: xây dựng kho chứa tro có diện tích 420m^2, chiều cao 4m, vách ngăn và mái bằng tole, kết hợp phun sương, được che chắn kín đảm bảo không bị gió phát tán bụi ra bên ngoài sẽ được bán cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Trấu: xây dựng kho chứa trấu có diện tích 357,56m^2, chiều cao 14m, sức chứa tối đa 5.003 m^3, thời gian chứa của kho trấu 8,34 ngày. Trấu được sử dụng hoạt động các lò sấy lúa và lượng thừa sẽ bán lại cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

- Xỉ than: Phát sinh với khối lượng ít được thu gom cho vào bao chứa, để trong kho chứa tro và bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

- Tạp chất: Các bao bì hư hỏng, dây buộc, các tạp chất (*đá, sỏi, rơm rạ, dây bao, lúa lép,..)* phát sinh tại sàn tạp chất được thu gom để đúng nơi quy định và bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

- Rác văn phòng: Đối với rác thải phát sinh từ văn phòng như giấy, bút,… và các vật dụng văn phòng bị hư hỏng thải bỏ được tách riêng. Đối với rác thải tái chế được thì bán cho các cơ sở tái chế, còn rác thải không tái chế thì xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Bố trí thiết bị, dụng cụ để lưu giữ và kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5m^2, kếu cấu: nền bê tông, vách tole cao 2m, mái lợp tole. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý và thực hiện báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Bố trí khu vực sản xuất cách biệt với khu vực xung quanh và đảm bảo không làm phát sinh tiếng ồn làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.6. Biện pháp giảm thiểu tác động do sạt lở bờ sông: xây dựng bờ kè dọc theo chiều dài khu đất xây dựng dự án, kết cấu trụ đá BTCT 20x20cm; mặt kè BTCT dày 20 cm. Bên cạnh đó sẽ cử cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra bờ kè để kịp thời phát hiện sửa chữa khi có rạn nứt hư hỏng, tránh sự cố sạt lỡ xảy ra.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi đốt trấu.

- Hệ thống thu gom, thiết bị lọc bụi: công đoạn lấy lúa khô ra sau khi sấy; dây chuyền bóc vỏ; dây chuyền xát trắng – lau bóng gạo; khu vực nhập liệu (hoạt động cầu cảng); khu vực máy tách màu; hoạt động xuất trấu xuống ghe, tàu.

- Thiết bị, dụng cụ thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn: sinh hoạt, tro thải, trấu, xỉ than, tạp chất, rác văn phòng.

- Thiết bị, dụng cụ thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và phải được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi đi vào vận hành chính thức theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng:

* Giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ Tại khu vực nhà dân gần nhất dưới hướng gió, 01 mẫu.

+ Tại vị trí xây dựng, 01 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, NO_2 , SO_2, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

* Giám sát chất thải rắn

- Thành phần, khối lượng: khối lượng, thành phần chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Thực hiện thống kê, định kỳ báo cáo chung vào phần nội dung của quyển báo cáo quan trắc của nhà máy khi nộp Sở Tài nguyên và môi trường.

5.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

* Giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Vị trí giám sát: Tại hướng tiếp giáp nhà dân gần nhất.

- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, NO_2 , SO_2, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

* Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt:

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ Tại đầu vào Hệ thống xử lý nước thải (nước thải trước xử lý).

+ Tại đầu ra Hệ thống xử lý nước thải (nước thải sau xử lý).

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, BOD_5 (20°C), Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

** Giám sát khí thải*

1) Khu vực dây chuyền sấy lúa

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO_x, SO_2, HF.

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra 02 ống khói của 02 lò sấy.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

2) Khu vực dây chuyền bóc vỏ

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra ống thoát sau xử lý.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

3) Công đoạn lấy lúa khô ra sau khi sấy:

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra ống thoát sau xử lý.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

4) Dây chuyền xát trắng – lau bóng gạo:

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra ống thoát sau xử lý.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

5) Khu vực nhập liệu (hoạt động cầu cảng):

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra ống thoát sau xử lý.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

6) Khu vực hoạt động xuất trấu xuống ghe, tàu:

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra ống thoát sau xử lý.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

** Giám sát chất thải rắn*

- Thành phần, khối lượng: khối lượng, thành phần chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Thực hiện thống kê, định kỳ báo cáo chung vào phần nội dung của quyển báo cáo quan trắc của nhà máy khi nộp Sở Tài nguyên và môi trường.

** Giám sát sụp lún, sạt lở bờ sông khu vực dự án*

- Vị trí giám sát: Đoạn bờ sông khu vực dự án.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Nội dung: Theo dõi, đánh giá mức độ lún, xói lở bờ sông so với hiện trạng trước khi dự án đi vào hoạt động.

Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi các quy chuẩn trên thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng dự án:

- Dự án chỉ được phép triển khai khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường và những ảnh

hưởng bất lợi đến các hoạt động kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của Dự án.

- Lập kế hoạch thi công và điều tiết giao thông, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng thuê đơn vị chức năng xử lý và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Bố trí nhà vệ sinh cho công nhân sử dụng trong suốt quá trình thi công.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động làm việc trực tiếp tại Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung Báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp có tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới ban hành thay thế các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường đã được áp dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường này thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện giám sát môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới.

- Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi thực hiện Dự án biết về các hoạt động thi công của Dự án.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công Dự án.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường thì phải dừng ngay các hoạt động và tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.

6.2. Trong quá trình hoạt động:

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải rắn phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ lượng khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động lò sấy lúa, nhà xưởng sản xuất đảm bảo hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động và hiệu quả xử lý đảm bảo đạt B, QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất,...phải đảm bảo các biện pháp giảm thiểu đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt đảm bảo hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động và đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thoát ra mương công cộng.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải dừng hoạt động, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi quy chuẩn này thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ./.

CÔNG AN TỈNH AN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 20/2023/ĐN-GAP ngày 20/07/2023 của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP.

Người đại diện pháp luật là ông: Nguyễn Bảo Hòa; Chức vụ: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH CÔNG AN TỈNH AN GIANG
CHỨNG NHẬN:

Công trình: **Nhà máy xay xát lúa gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch của Công ty cổ phần thực phẩm GAP**

Hạng mục: **Kho chứa gạo thành phẩm 20.000 tấn**

Địa điểm xây dựng: **Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang**

Chủ đầu tư: **Công ty Cổ phần thực phẩm GAP**

Đơn vị tư vấn thiết kế: **Công ty TNHH MTV TMDV xây dựng 5239 và Công ty TNHH kỹ thuật an toàn PCCC Phát Đạt**

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Giao thông phục vụ chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC; Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy, nổ và bố trí công năng; Giải pháp thoát nạn; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; Giải pháp cấp nước chữa cháy ngoài nhà; Hệ thống báo cháy tự động; Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn; Phương tiện chữa cháy ban đầu; Sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

An Giang, ngày tháng 09 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:
- Cục C07-BCA;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07 (Đ2), Đang(1b)./.

Thượng tá Võ Phúc Thọ

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số /TD-PCCC ngày /09/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)

STT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ CÔNG TRÌNH**	
1	Kho chứa gạo thành phẩm 20.000 tấn có diện tích xây dựng 3.125,11m^2, chiều cao đỉnh mái 17,2m, khối tích khoảng 41.000m^3	Bản vẽ và Văn bản đề nghị
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
1	Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công	41 trang
2	Bản vẽ thiết kế hệ thống PCCC	34 trang

***Lưu ý:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.*

Mẫu số PC10

CÔNG AN TỈNH AN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
An toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Hồi 13 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại **Công Ty cổ phần Thực phẩm GAP**

Địa chỉ: ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Chúng tôi gồm: Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang

1. Ông: Trần Minh Sáng Chức vụ: Cán bộ - Đội Công tác Phòng cháy

2. Ông: Nguyễn Chí Lý Chức vụ: Cán bộ - Đội CC và CNCH KVCM

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH đối với **Công Ty cổ phần Thực phẩm GAP**

* Đại diện cơ sở: **Công Ty cổ phần Thực phẩm GAP**

Ông: Lê Cao Sang Chức vụ: Quản đốc Nhà máy (được ủy quyền làm việc với đoàn kiểm tra theo giấy ủy quyền số 01/UQ-GAP-2024 ngày 20/7/2024 của Tổng Giám đốc Công ty)

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Phần trình bày của cơ sở:

- **Công Ty cổ phần Thực phẩm GAP** (Cơ sở) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602067074 đăng ký lần đầu ngày 23/03/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 11/03/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh -- sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

- Cơ sở đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định, được xây dựng với tổng diện tích đất 22362 m^2, gồm các hạng mục: khu vực sấy khô lúa, khu vực xay xát lau bóng, khu vực nhập xuất hàng, khu vực đóng gói, khu vực kho chứa hàng.

- Lãnh đạo cơ sở luôn quan tâm đến công tác phòng cháy và chữa cháy, có lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC tại cơ sở.

- Cơ sở đã tổ chức thực hiện các kiến nghị trong biên bản kiểm tra lần trước, định kỳ có tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC và được thể hiện bằng biên bản.

- Ngành nghề: Cơ sở hoạt động loại hình xay xát, lau bóng; tổng số khoảng 40 nhân viên làm việc thường xuyên.

- Tình hình cháy, nổ trong thời gian qua: trong thời gian hoạt động cơ sở chưa xảy ra cháy, nổ.

II. Kiểm tra hồ sơ:

Scanned with CamScanner

1. Hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an:

- Cơ sở có lưu trữ các công văn liên quan đến hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC; các báo cáo định kỳ về công tác PCCC tại cơ sở.

- Cơ sở đã ban hành nội quy an toàn PCCC theo quy định.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 20/TD-PCCC, ngày 24/01/2019 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang cấp (Nhà máy xay xát); biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang lập ngày 01/02/2019 (Hạng mục: Nhà máy xay xát); Công văn chấp thuận kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số /NT-PC07 ngày /02/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 11/TD-PCCC, ngày 08/01/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang cấp (mở rộng nhà máy xay xát); biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy ngày 14/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang; Công văn chấp thuận kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 43/NT-PC07 ngày 15/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 14/TD-PCCC, ngày 29/01/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang cấp (kho gạo liệu và gạo thành phẩm); công trình đang trong quá trình thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy để nghiệm thu và đưa vào hoạt động.

- Cơ sở đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở gồm 12 thành viên (quyết định số 01/CV ngày 04/12/2022 và danh sách kèm theo) theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Cơ sở đã xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC17 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định; cơ sở có lưu trữ báo cáo kết quả thực tập phương án chữa cháy năm 2023.

- Cơ sở lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở có lập và lưu trữ biên bản tự kiểm tra an toàn PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở có lưu trữ báo cáo kết quả kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 06 tháng.

- Hệ thống thu lôi chống sét được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định tại 27, 28, 30 TCVN 9385:2012, Thời điểm kiểm tra ngày 22/12/2023 biên bản kiểm tra xác nhận hệ thống hoạt động bình thường.

Scanned with CamScanner

- Cơ sở tham gia bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ, thời hạn bảo hiểm có giá trị từ ngày 23/02/2024 đến ngày 23/02/2025 (tham gia tại Công ty Bảo hiểm Vietinbank).

2. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định:

Hồ sơ quản lý, theo dõi công tác cứu nạn, cứu hộ được lập chung với hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

III. Kiểm tra đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, gắn với điều kiện an toàn về PCCC của cơ sở:

- Người đứng đầu cơ sở có duy trì công tác kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH định kỳ; cơ sở đã lập sổ theo dõi phương tiện PCCC, theo quy định.

- Việc chấp hành quy định về kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ, đột xuất; văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, kiến nghị của cơ quan Công an: người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tiếp đoàn kiểm tra, có chuẩn bị nội dung, để làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra.

IV. Kiểm tra thực tế:

1. Kiểm tra quy mô công trình, bậc chịu lửa, công năng sử dụng:

- Quy mô công trình: Cơ sở có tổng diện tích đất 22362m^2, gồm các hạng mục công trình:

+ Khu vực kho 1 (kho chứa gạo thành phẩm): có diện tích khoảng 9597m^2, chiều cao mái 20m, kết cấu xây dựng sàn bê tông, tường gạch cao 2m, khung thép máy lợp tole.

+ Khu vực kho 2 (khu vực xấy khô lúa, xay xát, lau bóng, tách màu): có diện tích khoảng 7350m^2, chiều cao mái 20m, kết cấu xây dựng sàn bê tông, tường gạch cao 2m, khung thép máy lợp tole.

+ Khu vực kho 3 (kho chứa gạo thành phẩm): có diện tích khoảng 5415m^2, chiều cao mái 20m, kết cấu xây dựng sàn bê tông, tường gạch cao 2m, khung thép máy lợp tole.

+ Khu vực kho trấu: có diện tích khoảng 756m^2, chiều cao mái 20m, kết cấu xây dựng sàn bê tông, tường gạch cao 2m, khung thép máy lợp tole.

+ Kiểm tra bố trí công năng bên trong cơ sở: tại thời điểm kiểm tra việc bố trí công năng bên trong cơ sở đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.

2. Điều kiện giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy:

- Kiểm tra giao thông phục vụ chữa cháy: Giao thông bên ngoài cơ sở: Cơ sở nằm tiếp giáp đường lộ liên xã có chiều rộng 04 m, xe chữa cháy không tiếp cận được.

- Nguồn nước chữa cháy: Sông Lấp Vò cách cơ sở 60m, nguồn nước vô tận quanh năm, máy bơm chữa cháy lấy nước được.

3. Khoảng cách PCCC:

Scanned with CamScanner

- Công trình có 01 hướng tiếp giáp đường nội bộ thông ra đường lộ liên xã, có chiều rộng khoảng 06m.

- Khoảng cách an toàn PCCC giữa các hạng mục bên trong cơ sở đảm bảo theo quy định.

4. Việc niêm yết nội quy, quy định PCCC:

Cơ sở đã niêm yết nội quy an toàn PCCC, tiêu lệnh chữa cháy tại khu vực kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; tại thời điểm kiểm tra các nội quy, tiêu lệnh đọc rõ, không bị mờ hoặc bố trí che khuất.

5. Hệ thống điện:

- Cơ sở sử dụng hệ thống điện 03 pha, phục vụ sản xuất và sinh hoạt

- Hệ thống điện tại các khu vực được đi nổi và được luồng trong ống bảo vệ, có lặp đặt cầu dao tự động chống quá tải. Không có hiện tượng tự ý câu, mắc điện tại thời điểm kiểm tra chưa phát hiện dấu hiệu chạm chập, mất an toàn về điện.

6. Điều kiện thoát nạn:

- Bên trong cơ sở có 04 lối thoát nạn: 02 lối thoát nạn dẫn trực tiếp ra đường lộ liên xã, 02 lối dẫn trực tiếp ra khu vực đất trống.

- Kiểm tra về lối thoát nạn: tại thời điểm kiểm tra các lối đường thoát nạn đảm bảo thông thoáng, không bố trí hàng hóa, vật dụng cản trở.

- Bên trong cơ sở có trang bị đèn chiếu sáng sự cố, bản chỉ dẫn thoát nạn, tại thời điểm kiểm tra các thiết bị hoạt động bình thường.

7. Trang bị, kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, hệ thống PCCC:

- Bình chữa cháy các loại: bình khí chữa cháy MT5 (số lượng 21 bình), bình bột chữa cháy MFZ8 (số lượng 22 bình), bột khí chữa cháy MFZT35 (số lượng 01 bình), tại thời điểm kiểm tra các bình chữa cháy vẫn còn nguyên kẹp chì đảm bảo áp lực theo quy định, bối trí nơi dễ thấy, dễ sử dụng không bị cản trở.

- Trạm bơm chữa cháy: Cơ sở có trang bị 02 máy bơm động cơ diesel Q=30m^3/h, 01 máy bơm bù áp Q=5m^3/h. Nguồn nước chữa cháy cơ sở lấy trực tiếp từ sông Lấp Vò, nguồn nước vô tận quanh năm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (hệ thống họng chữa cháy vách tường), tại thời điểm kiểm, kiểm tra xác suất 01 cuộn vòi chữa cháy kết hợp kiểm tra áp lực 01 họng chữa cháy tại khu vực xay xát, vòi chữa cháy còn sử dụng được, áp lực nước ra đầu lăng có tầm phun xa 6m.

- Kiểm tra hệ thống đèn chiếu sang sự cố, bản chỉ dẫn thoát nạn: Tại thời điểm kiểm tra đèn chiếu sáng sự cố, bản chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường.

- Cơ sở có trang bị phương tiện chữa cháy, CNCH cho lực lượng PCCC cơ sở, số lượng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 150/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

8. Phổ biến tuyên truyền pháp luật về Phòng cháy:

Scanned with CamScanner

- Cán bộ công nhân viên tại cơ sở đã được người đứng đầu cơ sở phổ biến tuyên truyền về phòng cháy và sử dụng phương tiện phòng cháy được trang bị trong cơ sở.

- Người đứng đầu cơ sở có phân công nhiệm vụ của đội PCCC từ Đội trưởng đến các thành viên, các thành viên trong đội PCCC cơ bản nắm bắt được nhiệm vụ trong việc xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Tại thời điểm kiểm tra các nhân viên trong cửa hàng nắm được các kiến thức cơ bản về PCCC.

- Kiểm tra thao tác sử dụng phương tiện PCCC, triển khai công tác chữa cháy của Đội PCCC cơ sở: kiểm tra xác suất 01 đội viên đội PCCC cơ sở, tại thời điểm kiểm tra đội viên đội PCCC cơ sở sử dụng thành thạo phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị tại cơ sở.

V. Phần kiến nghị PCCC:

Để đảm bảo an toàn PCCC cho cơ sở trong quá trình hoạt động, căn cứ các quy định pháp luật về PCCC hiện hành, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang yêu cầu lãnh đạo cơ sở chỉ đạo thực hiện các kiến nghị sau:

1. Tiếp tục cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 1 Thông tư 32/2024/TT-BCA ngày 10/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên)

2. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm duy trì thường xuyên công tác tự kiểm tra an toàn PCCC trong phạm vi quản lý theo quy định. Định kỳ 06 tháng/lần gửi báo cáo kết quả kiểm tra phòng cháy và chữa cháy về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh An Giang và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện định kỳ)

3. Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo quy định tại Điều 14 Luật phòng cháy và chữa cháy.

(Thời gian thực hiện: Duy trì thường xuyên)

4. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, quy định, kỹ năng thao tác, sử dụng hệ thống, phương tiện PCCC cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên, người lao động.

(Thời gian thực hiện: Duy trì thường xuyên)

5. Tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP và Nghị định 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện trong năm 2024)

6. Tổ chức nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với hạng mục: kho gạo liệu và gạo thành phẩm trước khi đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Scanned with CamScanner

(Thời gian thực hiện: Thực hiện trước khi đưa vào hoạt động)

VI. Ý kiến của cơ sở:

Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, cam kết sẽ duy trì thường xuyên và thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.

VII. Kết luận:

Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở thực hiện những nội dung hướng dẫn, kiến nghị còn tồn tại. Đồng thời cơ sở phải có báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản, và photo các hồ sơ tài liệu chứng minh việc đã thực hiện gửi về Đoàn kiểm tra (Đội Công tác Phòng cháy – Phòng PC07 Công an tỉnh An Giang) theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 14 giờ 40 phút cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, ghi họ tên)*
Lê Cao Sang	**Trung úy Trần Minh Sáng**

Scanned with CamScanner

UBND TỈNH AN GIANG **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 586/QĐ-SGTVT	*An Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI AN GIANG

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-SGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Sở Giao thông vận tải công bố hoạt động bến thủy nội địa Công ty Cổ phần thực phẩm GAP;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị công bố lại bến thủy nội địa của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa Công ty Cổ phần thực phẩm GAP.

Tại vị trí có tọa độ Mốc 1 (1.144.079,518; 580.834,190) dọc theo bờ đến Mốc 2 (1.144.154,966; 580.808,884); Chiều dài bến: 80,0 mét, chiều rộng: 15,0 mét.

Từ km thứ 50+040 đến km thứ 50+120.

Trên bờ phải kênh Lấp Vò Sa Đéc.

Thuộc địa phận: xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Của Công ty Cổ phần thực phẩm GAP.

Địa chỉ ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0933.407.975

Loại bến: xếp dỡ lương thực.

Vùng đất của bến: Tổng diện tích 11.506,9m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT.03647, T.00525oB do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/9/2011, ngày 26/10/2009 và các Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty.

Kết cấu công trình bến: Bờ kè BTCT dài dọc kênh 63 mét, 04 băng tải ı hô ra kênh 09 mét; 04 ống hút nhô ra kênh 09 mét.

Được phép tiếp nhận phương tiện có mớn nước 3,0 mét.

Vùng nước của bến theo bình đồ vùng nước bến do Chủ bến thực hiện ngày

Scanned with CamScanner

19 tháng 4 năm 2021.

Thiết bị xếp, dỡ: băng tải.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Công ty Cổ phần thực phẩm GAP có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng theo nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 đến ngày 17 tháng 8 năm 2025.

Điều 4. Ông (bà) Nguyễn Bảo Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV;
- UBND xã Hòa An, huyện Chợ Mới;
- Thanh tra Sở GTVT;
- Lưu: VP, QLKCHTGT(3).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH AN GIANG

Đinh Văn To

Scanned with CamScanner

CTY CP THỰC PHẨM GAP

****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
****

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số : 02/HĐB-GAP/24

- Căn cứ luật thương mai số 36/2005/QH11 của Quốc hội ban hành ngày 27/06/2005.
- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội ban hành ngày 24/11/2015
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên .

Hôm nay, ngày **23** tháng **06** năm **2024**, tại văn phòng CN CTY CP Quốc Tế Gia, Chúng tôi gồm có :

BÊN A (Bên mua) : CÔNG TY TNHH PHƯỚC TÂM TH

- **Địa chỉ** : Số 472A/2, Ấp Hòa Tân, Xã Tân Hòa, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- **Điện thoại** : 0839574039 Fax:
- **Tài khoản số** : 68566668 NH ACB – PGD Cao Lãnh
- **Mã số thuế** : **1402192550**
- **Đại diện bởi** : **NGÔ NGỌC PHƯỚC** **Chức vụ:** Giám Đốc

BÊN B (Bên Bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

- **Địa chỉ** : Ấp An Thạnh, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, An Giang
- **Tài khoản số** : 113002929114 tại Vietinbank - CN 2- TP.HCM
- **Mã số thuế** : **1602067074**
- **Đại diện bởi** : **NGUYỄN BẢO HÒA** **Chức vụ**: Tổng Giám Đốc làm đại diện

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

ĐIỀU I : TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, BAO BÌ, GIÁ CẢ, THỜI GIAN GIAO HÀNG

+ 1.1 Tên hàng: Trấu
+ 1.2 Xuất xứ Việt Nam
+ 1.3 Qui cách phẩm chất: Trấu theo mẫu đã cho
+ 1.4 Số lượng : 500 tấn
+ 1.5 Giá cả : 700.000 đồng/tấn.
+ 1.6 -Tổng trị giá hợp đồng : 350.000.000 đồng ***(Ba trăm năm mươi triệu đồng)***
+1.8 Thời gian giao hàng : Từ ngày ký hợp đồng
+1.8 Địa điểm giao hàng: Tại kho bên B
+1.9 Phương tiện vận chuyển : Phương tiện của bên A

ĐIỀU II : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị tiền hàng trước khi nhận hàng, Bên B phát hành hóa đơn GTGT cho bên A phù hợp với số lượng thực giao hoặc theo từng lần thỏa thuận giữa hai bn.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

1/ Trách nhiệm bên A:

- Giải phóng phương tiện nhanh nhất.
- Thực hiện thanh toán đúng như Điều II của hợp đồng.
- Bên A từ chối nhận hàng nếu lô hàng không đúng mẫu như đã thống nhất.

2/ Trách nhiệm bên B:

- Bên B đảm bảo giao hàng theo đúng mẫu trấu như hai bên thống nhất và điều kiện giao hàng như đã quy định trong Điều I của hợp đồng này.
- Cung cấp hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên mua .

ĐIỀU IV: CAM KẾT CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng nầy, hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng các phụ kiện bổ sung kèm theo, mọi thay đổi đơn phương một bên đều không có giá trị. Trường hợp có những bất đồng mà hai bên không tự giải quyết được, bất đồng đó sẽ đưa ra Tòa Án Kinh tế Tỉnh An Giang giải quyết. Quyết định của Tòa Án Kinh tế An Giang là cuối cùng cho cả hai bên thi hành . Án phí do bên thua kiện chịu .

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên không còn công nợ lẫn nhau xem như như hợp đồng đã được thanh lý

Hợp đồng này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau .

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN	**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**
NGUYỄN BẢO HÒA	**NGÔ NGỌC PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

No: 005191

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 65 Đường 30, phường Linh Đông, TP. Thủ Đức. TP. HCM
Điện thoại: 028.66834220; Số ĐKCN: CNATXD - 18.0004; 206/GCN-KĐ

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG:
- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP**
- Địa chỉ: Ấp An Thạnh, X. Hòa An, H. Chợ Mới, T. An Giang

2. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH:
- Tên đối tượng: Bình góp hơi
- Mã hiệu: HD-8.0/10BG
- Số chế tạo: HĐ-009/20
- Nhà sản xuất: Công Ty TNHH SX TM DV Cơ Nhiệt Hồng Đức
- Năm chế tạo: 2020
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:
  - Áp suất thiết kế: 10 bar
  - Áp suất làm việc: ≤ 8,0 bar
  - Dung tích: 900 Lít
  - Nhiệt độ làm việc: ≤ 172 ^{0}C
  - Công dụng: Chứa hơi bão hòa phục vụ sản xuất

Địa điểm lắp đặt: theo địa chỉ trên
Đã được kiểm định kỹ thuật đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:
04 / 006357 / KDM, ngày 02 tháng 08 năm 2024.
Tem kiểm định số: 006357
Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến: 02/08/2026

Tp.HCM,ngày 29 tháng 07 năm 2024
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0312288577 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Đô

(*)Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

No: 005190

CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 65 Đường 30, phường Linh Đông, TP. Thủ Đức. TP. HCM
Điện thoại: 028.66834220; Số ĐKCN: CNATXD - 18.0004; 206/GCN-KĐ

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG:

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP**

2. Địa chỉ: Ấp An Thạnh, X. Hòa An, H. Chợ Mới, T. An Giang

3. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH:

- Tên đối tượng: Nồi hơi
- Mã hiệu: HD-8.0/10LĐ
- Số chế tạo: HĐ-008/20
- Nhà sản xuất: Công Ty TNHH SX TM DV Cơ Nhiệt Hồng Đức
- Năm chế tạo: 2020
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:
  - Áp suất thiết kế: 10 bar
  - Áp suất làm việc: ≤ 8,0 bar
  - Nhiệt độ làm việc: ≤ 172 ^{0}C
  - Công suất: 8.000 kg/h
  - Nhiên liệu sử dụng : Trấu, than cám, củi…..
  - Công dụng: cung cấp hơi bão hòa phục vụ sản xuất

Địa điểm lắp đặt: theo địa chỉ trên

Đã được kiểm định kỹ thuật đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số: 01 / …006356…. / KDM, ngày 02 tháng 08 năm 2024.(*)

Tem kiểm định số: 006356

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến: 02/08/2026.

Tp.HCM,ngày 29 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0312288577 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MTV KIỂM ĐỊNH MÁY XÂY DỰNG VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Đô

(*)Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 107/2025/HĐ-MĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025*

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Căn cứ vào nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày **18** tháng **08** năm **2025**, hai Bên gồm có:

Bên A	: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG**
Đại diện	: **(Ông) Nguyễn Duy Phương** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ	: Ấp Cần Lê, xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	: 1900 252 668 Fax: 028 35352275
Mã số thuế	: 3800611275
Tài khoản	: 11768689999 tại ngân hàng VPBANK - CN Hội sở HCM
Bên B	: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP**
Đại diện	: **(Ông) Võ Công Hiền** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ	: Ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
Điện thoại	:
Mã số thuế	: 1602067074

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1.1. Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong hoạt động sản xuất của Bên B.

1.2. Tần suất, thời gian và địa điểm thu gom CTNH:

a. Tần suất thu gom: 1 chuyến/ năm.

b. Thời gian thu gom CTNH: theo thỏa thuận giữa hai Bên nhưng phải báo trước cho Bên A 03 (ba) ngày làm việc cho bộ phận phụ trách thu gom và chứng từ thông qua số điện thoại: 0931.426.922 – Luân hoặc Email: luanlm@mtmiendong.vn của Bên A để có kế hoạch tiếp nhận.

c. Địa điểm thu gom: Ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

d. Phương tiện vận chuyển CTNH: xe chuyên dùng.

1.3. Khối lượng chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận và chứng từ chất thải nguy hại theo thực tế giao nhận giữa hai Bên.

1.4. Khi Bên B có những CTNH phát sinh ngoài danh mục thì phải báo cho Bên A trước để thống nhất phương án, đơn giá xử lý và cùng ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 2. Danh mục và đơn giá

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã Chất thải	ĐVT	Đơn giá
01	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	Khối lượng ≤ **50 kg/năm** *(với điều kiện bóng đèn ≤ **5 kg/năm**)*. Khoán **6.000.000 VNĐ/năm.**
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	
03	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	Kg	
04	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Kg	
05	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Kg	
06	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Kg	
07	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	Kg	

Ghi chú:

- Mã CTNH ký hiệu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*- Đơn giá trên **chưa** bao gồm thuế VAT theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp Nhà nước có sự thay đổi thuế suất GTGT thì hai Bên được quyền điều chỉnh theo quy định.*

*- Đơn giá trên **đã** bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển cho **01 chuyến** và phí xử lý CTNH theo khối lượng khoán như trên. Trường hợp phát sinh số chuyến vận chuyển theo yêu cầu từ chuyến thứ 02 trở đi trong một năm, thì phí vận chuyển phát sinh là **3.000.000 VND/chuyến** (Đơn giá **chưa** bao gồm thuế VAT).*

- Trường hợp Bên B không giao chất thải hoặc khối lượng chất thải thực tế giao nhận **≤ 50 kg/năm** ***(điều kiện khối lượng bóng đèn ≤ 5kg/năm)***, Bên B vẫn phải trả chi phí với số tiền **6.000.000 VND/năm** *(Đơn giá này **chưa** bao gồm thuế VAT)*.

- Trường hợp khối lượng thực tế giao nhận **> 50 kg/năm hoặc khối lượng bóng đèn > 5 kg/năm**, Bên B phải thanh toán thêm chi phí phát sinh **15.000 VNĐ/kg, riêng Bóng đèn 30.000 VNĐ/kg** *(Đơn giá **chưa** bao gồm thuế VAT)*.

Điều 3. Giao nhận chất thải – địa điểm giao nhận

3.1. Giao nhận chất thải - Chứng từ chất thải:

- Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày Bên B thông báo giao chất thải bằng điện thoại, e-mail, Bên A sẽ điều động phương tiện hợp lệ và nhân lực đến địa điểm của Bên B như nêu ở Điều 1 để tiến hành giao - nhận chất thải.

- Bên B chỉ giao và Bên A chỉ nhận các chất thải, tại địa điểm được ghi trong Hợp Đồng và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có), và Bên A được quyền từ chối nhận chất thải ngoài hợp đồng, ngoài địa điểm quy định, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục chất thải của hợp đồng được thực hiện.

- Bên B chỉ giao chất thải lên các phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bên A và chỉ giao chất thải cho người đại diện của Bên A, theo Giấy giới thiệu của Bên A hoặc theo Danh sách có hình do Bên A ký, đóng dấu đề cử.

3.2. Giao nhận, vận chuyển và xử lý:

- Chất thải được giao lên phương tiện của Bên A tại địa điểm của Bên B nêu trên và được vận chuyển về Trạm trung chuyển tại lô B1-2-3, đường 6A, khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân, ấp 1, xã Tân Nhựt, thành phố Hồ Chí Minh hoặc nhà máy của Bên A tại Ấp Cần Lê, xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai,Việt Nam. để xử lý theo Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT ngày 16/09/2022 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).

Điều 4. Phương thức thanh toán

- Bên B thanh toán cho Bên A thành các đợt thanh toán như sau:

+ Đợt 1: Ngay sau khi hoàn tất thu gom chất thải Bên B thanh toán cho Bên A số tiền khoán là **6.000.000 VND** *(Đơn giá **chưa** bao gồm thuế VAT)*. Bên A sẽ không hoàn trả lại số tiền trên, trong trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn với bất kỳ lý do gì.

+ Đợt 2: Sau khi kết thúc hợp đồng, căn cứ khối lượng chất thải thực tế giao nhận được thể hiện trên biên bản giao nhận chất thải hoặc chứng từ chất thải nguy hại giữa hai Bên, Bên B thanh toán số tiền chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tính từ khi Bên B nhận được hóa đơn tài chính GTGT và các hồ sơ thanh toán kèm theo (nếu có).

- Thông tin chuyển khoản như sau:

+ **Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG**

+ Số tài khoản: 11768689999 tại ngân hàng VP Bank - CN hội sở HCM.

- Trong trường hợp Bên B thanh toán không đúng theo thời hạn hợp đồng thì Bên B phải bồi thường vi phạm hợp đồng mỗi ngày 0.1% tổng chi phí vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên A.

Điều 5. Trách nhiệm hai Bên

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của Bên B về Nhà máy của Bên A và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

- Không để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi đã tiếp nhận và vận chuyển ra khỏi Nhà máy của Bên B.

- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồng này.

- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B.

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B.

- Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với các loại chất thải không đúng với mô tả trong Điều 2 của hợp đồng.

- Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B.

- Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:

+ Tạm ngưng thu gom chất thải do Bên B vi phạm hợp đồng.

+ Tạm ngưng do Bên B thanh toán trễ hạn.

+ Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, …

+ Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 6.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc Bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ tạm thời và quản lý chất thải nguy hại theo quy định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh chất thải.

- Không được để chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại lẫn lộn vào chất thải nguy hại. Khi Bên A đến thu gom chất thải, phát hiện Bên B không phân loại CTNH và lưu trữ không đúng quy định môi trường thì Bên A không nhận chất thải.

- Cung cấp cho Bên A những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải nguy hại (sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại hoặc giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, …).

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên B không giao cho Bên A theo thỏa thuận.

- Giao cho Bên A xử lý các loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung thỏa thuận ở Điều 2 và phải thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc về hạng mục, thành phần và số lượng chất thải để Bên A chủ động bố trí phương tiện, công nhân tiếp nhận chất thải.

- Không giao chất thải ngoài danh mục đã nêu ở Điều 2.

- Chỉ giao chất thải lên phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bên A. Nếu Bên B tự ý giao chất thải cho phương tiện vận chuyển khác không phải của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Phối hợp với Bên A lập Chứng từ chất thải nguy hại có đầy đủ chữ ký, đóng dấu của đại diện pháp luật của Bên B trong mỗi lần chuyển giao chất thải cho Bên A theo quy định pháp luật hiện hành.

- Hỗ trợ Bên A trong việc giám sát, kiểm tra việc thu gom, hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong việc bốc dỡ chất thải lên xe chuyên dùng mang đi xử lý, cử nhân viên phối hợp trong việc lập chứng từ giao nhận chất thải.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không được phép giao chất thải theo thỏa thuận tại Điều 2 cho Bên thứ 3.

- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên B có bất kỳ sự thay đổi nào như: tên công ty, mã số thuế, địa chỉ, thông tin người đại diện pháp luật thì phải thông báo cho Bên A biết. Nếu không, mọi sai sót về sau Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của bên B.

- Thanh toán đúng theo Điều 4 của hợp đồng.

- Trong trường hợp Bên B tạm ngưng giao chất thải cho Bên A xử lý thì Bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

- Trong trường hợp Bên B giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết, hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên A.

Điều 6. Thời hạn hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **17 / 08 / 2026.**

- Trong trường hợp hai Bên có nhu cầu và đồng thuận tiếp tục gia hạn hợp đồng thì hợp đồng sẽ được gia hạn bằng Phụ lục hợp đồng trong thời gian 30 (ba mươi) ngày trước ngày kết thúc hợp đồng.

Điều 7. Kết thúc hợp đồng

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bất cứ Bên nào cũng có quyền đề nghị kết thúc hợp đồng. Bên đề xuất kết thúc hợp đồng sẽ thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản, e-mail, 30 (ba mươi) ngày trước ngày kết thúc.

- Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại hoặc gia hạn hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực, tự động thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có thể cùng thỏa thuận và giải quyết ổn thỏa trên tinh thần hai Bên cùng có lợi.

- Hợp đồng này hai Bên không được tự ý sửa đổi bổ sung khi chưa có sự đồng ý của một trong hai Bên, nếu có sửa đổi bổ sung nội dung thì ký Phụ lục hợp đồng có đại diện của mỗi Bên ký kết.

- Khi xảy ra tranh chấp hợp đồng quyền và lợi ích của hai Bên mà không tự giải quyết được, thì chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của Tòa có giá trị pháp lý buộc hai Bên phải thực hiện.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**
Nguyễn Duy Phương	**Võ Công Hiền**

MIỀN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
XN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CHỢ MỚI

Số: 282 /HĐTG-XNMTĐTCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Về việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2025

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV;

Căn cứ Quyết định số 94/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ vào khả năng cung cấp dịch vụ của Xí nghiệp Môi trường đô thị Chợ Mới và tình hình thực tế tại địa phương;

Hôm nay, ngày tháng năm 2025

Tại Văn phòng Xí nghiệp Môi trường đô thị Chợ Mới, chúng tôi gồm có:

BÊN A: XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CHỢ MỚI.

Địa chỉ: Số 296/4, đường Châu Văn Liêm, khóm thị 1, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Điện thoại: Nhân viên phụ trách (Kim Duy: 0358494749)

Tài khoản: 1018652458 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN An Giang - PGD Mỹ Luông (*Vietcombank*).

Mã số thuế: 1601604590-010

Do Ông: **Châu Phú Cường** Chức vụ: **Giám Đốc** làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CP THỰC PHẨM GAP

Địa chỉ: Ấp An Thạnh, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0918828689

Mã số thuế: 1602067074

Địa chỉ Mail: ……..……..

Do Ông (bà): ……..…….. Chức vụ: …….. làm đại diện

Sau khi trao đổi, bàn bạc, hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ với những điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A nhận thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cho Bên B.

Điều 2. Trách nhiệm Bên A

- Bên A phân công lực lượng công nhân và xe chuyên dùng chở rác đến bên B nhận rác thải sinh hoạt đã được tập kết sẵn và vận chuyển đến bãi rác.

Điều 3. Trách nhiệm Bên B

- Bên B có trách nhiệm thu gom rác vào thùng và tập kết lại một nơi để bên A đến nhận. Vị trí tập kết rác phải thuận lợi cho xe chuyên dùng chở rác ra vào.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 4. Địa điểm, thời gian thu gom rác

- Địa điểm thu gom: Công ty Cổ phần thực phẩm GAP – Ấp An Thạnh – Xã Hòa An – Huyện Chợ Mới – Tỉnh An Giang

- Thời gian thu gom: Hàng ngày.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Tổng giá trị hợp đồng: 4.800.000 đồng (400.000 đồng/tháng), giá đã bao gồm tiền thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

(Số tiền bằng chữ: Bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán: 6 tháng/lần

  - Lần 1: 01/01/2025-30/06/2025
  - Lần 2: 01/07/2025-31/12/2025

- Số tiền thanh toán: 2.400.000 đồng/lần. *(Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm ngàn đồng)*

- Thời gian thanh toán:

+ Sau khi ký hợp đồng, Bên A đến Bên B gửi hóa đơn tài chính thì Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Sau 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ hồ sơ thanh toán từ bên A, Bên B không thanh toán tiền cho Bên A thì Bên A có quyền ngưng thu gom rác sinh hoạt mà không cần phải thông báo cho Bên B. Khi có yêu cầu thu gom rác lại

thì lượng rác phát sinh sẽ tính theo đơn giá dịch vụ phát sinh mà Bên A khảo sát và báo giá cho Bên B.

+ Thời gian thanh toán lần đầu tiên: 30/06/2025

+ Thời gian thanh toán lần hai: 30/09/2025

Điều 6. Thời hạn của hợp đồng

Thời gian thực hiện kể từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Điều 7. Điều khoản chung

- Khi một trong hai bên có thay đổi thông tin (tên đơn vị, địa chỉ, số tài khoản,...) phải thông báo cho bên còn lại biết trước từ 03 – 07 ngày. Trong trường hợp Bên A xuất hóa đơn trước thời gian Bên B gửi thông báo thay đổi thông tin thì mặc nhiên hóa đơn đó vẫn được chấp nhận và Bên B phải thanh toán tiền cho Bên A theo hóa đơn đã xuất.

- Bất kỳ một sự sửa đổi hay bổ sung hợp đồng sẽ chỉ có giá trị nếu như được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký vào phụ lục hợp đồng và phải thông báo cho bên còn lại biết chậm nhất là 03 (ba) ngày. Phụ lục hợp đồng này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu có phát sinh khó khăn trong quá trình thực hiện, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trường hợp không giải quyết được sẽ chuyển vụ việc ra tòa án kinh tế giải quyết. Sau khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thì hợp đồng được xem như đã thanh lý.

- Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện Bên B	**Đại diện Bên A**
Võ Công Hiền	Châu Phú Cường

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566
Email: ttqttnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17
Ngày BH: 01/3/2025

Số: 248/850/N/0625

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 27/6/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP
Địa chỉ: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Ngày thu/nhận mẫu: 16/6/2025 **Ngày thử nghiệm:** 16/6/2025
Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (NT-16/6/2025) **Số lượng:** 01
Tình trạng mẫu: Bình thường
Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:
Đo đạc hiện trường: Không

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH (#)	-	TCVN 6492:2011	6,94
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (#)	mg/L	PT PQT-05-TT12	174
3	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	19,0
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
6	Phốtphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-PO_4^{3-}.E:2017	KPH (MDL=0,03)
7	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	US EPA Method 352.1	1,2
8	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-}.B&D:2017	0,02
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)
10	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	$2,4x10^2$
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt[(1)]	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,15)

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).
[(1)]phân tích ở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
(#) kết quả có giá trị tham khảo; "KPH": không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Khánh Luân

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đoàn Thanh Tâm

1.Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2.Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:203008/MT/083008/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 16/09/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Tại đầu ra ống khói lò sấy 02)
Tọa độ: X: 1144132; Y: 0580701
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 30/08/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/08/2024 đến 14/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIỆN PHÁT
Số 103, ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 083008

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 07h00 - 11h00 ngày 30/08/2024 tại Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch - Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP (Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m^3/giờ	US EPA Method 2	7.816
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 5	23,29
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	616
4	Hàm lượng NOx (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	41
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	<2,62
6	Hàm lượng HF	mg/Nm^3	US.EPA Method 26A	<0,30(x)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (x) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Bm 20 - 01

Được quét bằng CamScanner

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:193008/MT/083008/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 16/09/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Tại đầu ra ống khói lò sấy 01)
   Tọa độ: X: 1144167; Y: 0580719
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 30/08/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/08/2024 đến 14/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIỆN PHÁT**
   Số 103, ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 083008
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 07h00 - 11h00 ngày 30/08/2024 tại Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch - Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP (Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m^3/giờ	US EPA Method 2	7.612
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 5	25,79
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	659
4	Hàm lượng NOx (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	49
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	< 2,62
6	Hàm lượng HF	mg/Nm^3	US.EPA Method 26A	< 0,30(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến. *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng *Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH). *This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

Được quét bằng CamScanner
Được quét bằng CamScanner

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:183008/MT/083008/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 16/09/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí (Tại khu vực tiếp giáp nhà dân gần nhất)
Tọa độ: X: 1144139; Y: 0580793
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 30/08/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/08/2024 đến 14/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIỆN PHÁT**
Số 103, ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 083008

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 07h00 - 11h00 ngày 30/08/2024 tại Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch - Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP (Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,0
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	80,46
3	Hàm lượng SO_2	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	98,15
4	Hàm lượng NO_2	µg/Nm³	TCVN 6137: 2009	39,42
5	Hàm lượng CO	µg/Nm³	HD 15 - MT-3.7.2	8.300

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Được quét bằng CamScanner

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:253008/MT/093008/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 16/09/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Tại đầu ra ống khói lò sấy gạo)
Tọa độ: X: 1144088; Y: 0580798
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 30/08/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/08/2024 đến 14/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIỆN PHÁT**
Số 103, ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 093008

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 12h00 - 14h00 ngày 30/08/2024 tại Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An - Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP – Đ/c: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m^3/giờ	US EPA Method 2	8.761
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 5	10,50
3	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	684
4	Hàm lượng NOx (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	58
5	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	< 2,62

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:263008/MT/093008/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 16/09/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Tại đầu ra cyclon tách bụi của khu vực tách mầu)
Tọa độ: X: 1144089; Y: 0580814
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 30/08/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/08/2024 đến 14/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIỆN PHÁT**
Số 103, ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 093008

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 12h00 - 14h00 ngày 30/08/2024 tại Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An - Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP – Đ/c: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m^3/giờ	US EPA Method 2	4.026
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 5	9,33

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

Được quét bằng CamScanner

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:243008/MT/093008/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 16/09/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí (Tại khu vực tiếp giáp nhà dân gần nhất)
Tọa độ: X: 1144139; Y: 0580793
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 30/08/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/08/2024 đến 14/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THIỆN PHÁT**
Số 103, ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 093008

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 12h00 - 14h00 ngày 30/08/2024 tại Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hòa An - Công ty Cổ phần Thực phẩm GAP – Đ/c: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,1
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	80,47
3	Hàm lượng SO_2	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	101,56
4	Hàm lượng NO_2	µg/Nm³	TCVN 6137: 2009	39,80
5	Hàm lượng CO	µg/Nm³	HD 15 - MT-3.7.2	8.542

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

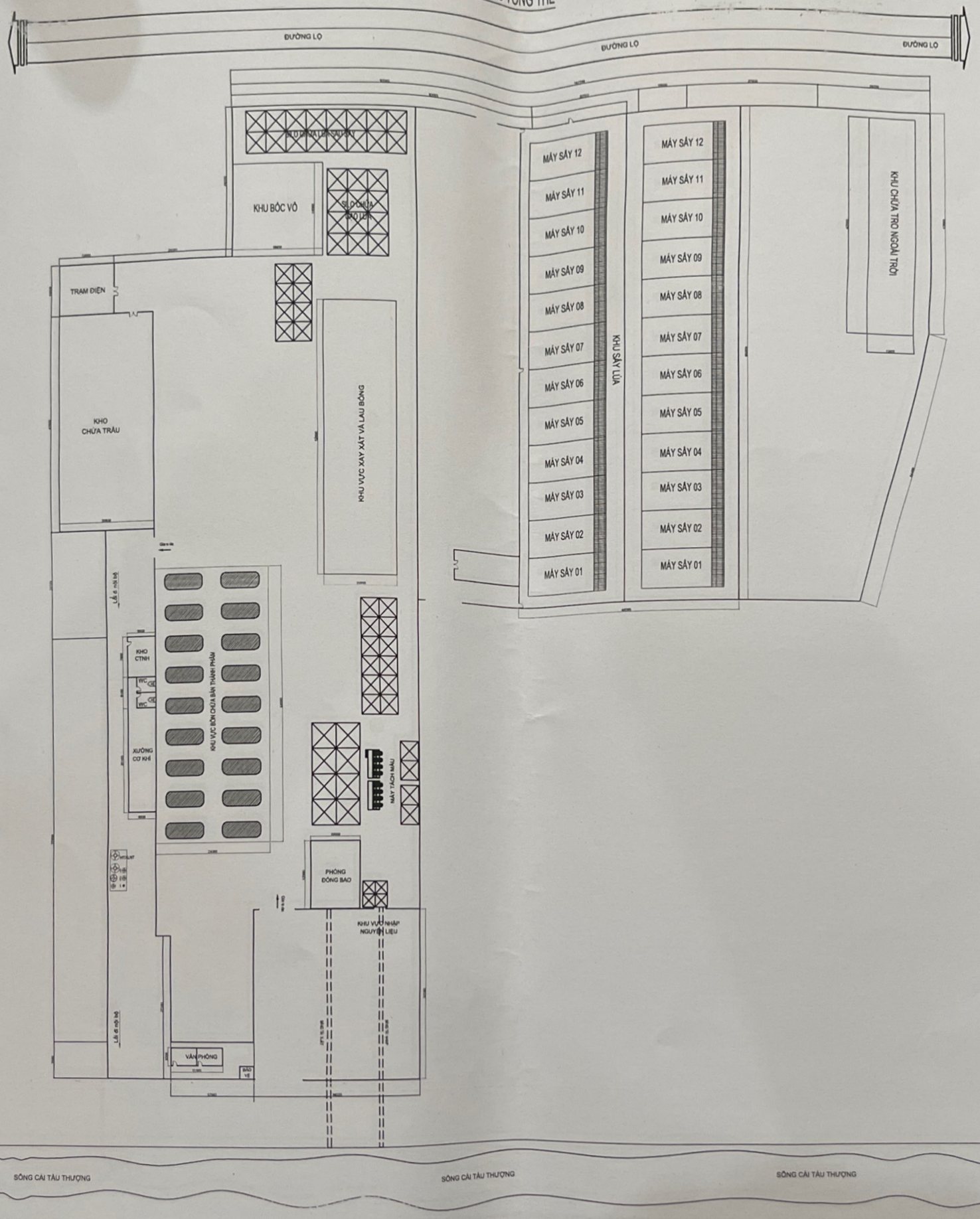
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ



TÊN DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU HÒA AN

Địa chỉ: ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1602067074 – CÔNG TY CP THỰC PHẨM GAP – H.CHỢ MỚI-T.AN GIANG

Võ Công Hiền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

Địa chỉ: Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ

TEL: 02923. 899.018 - 0907.138.400

Gmail: lechilinhbht@yahoo.com

M.S.D.N: 1801006573 – CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN – Q.NINH KIỀU -TP.CẦN THƠ

GIÁM ĐỐC	LÊ CHI LINH	
KIỂM TRA	PHẠM TUẤN ĐẠT	
VẼ	QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN	

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

THIẾT KẾ:	2025
TỶ LỆ	1/100
	KHỔ A3

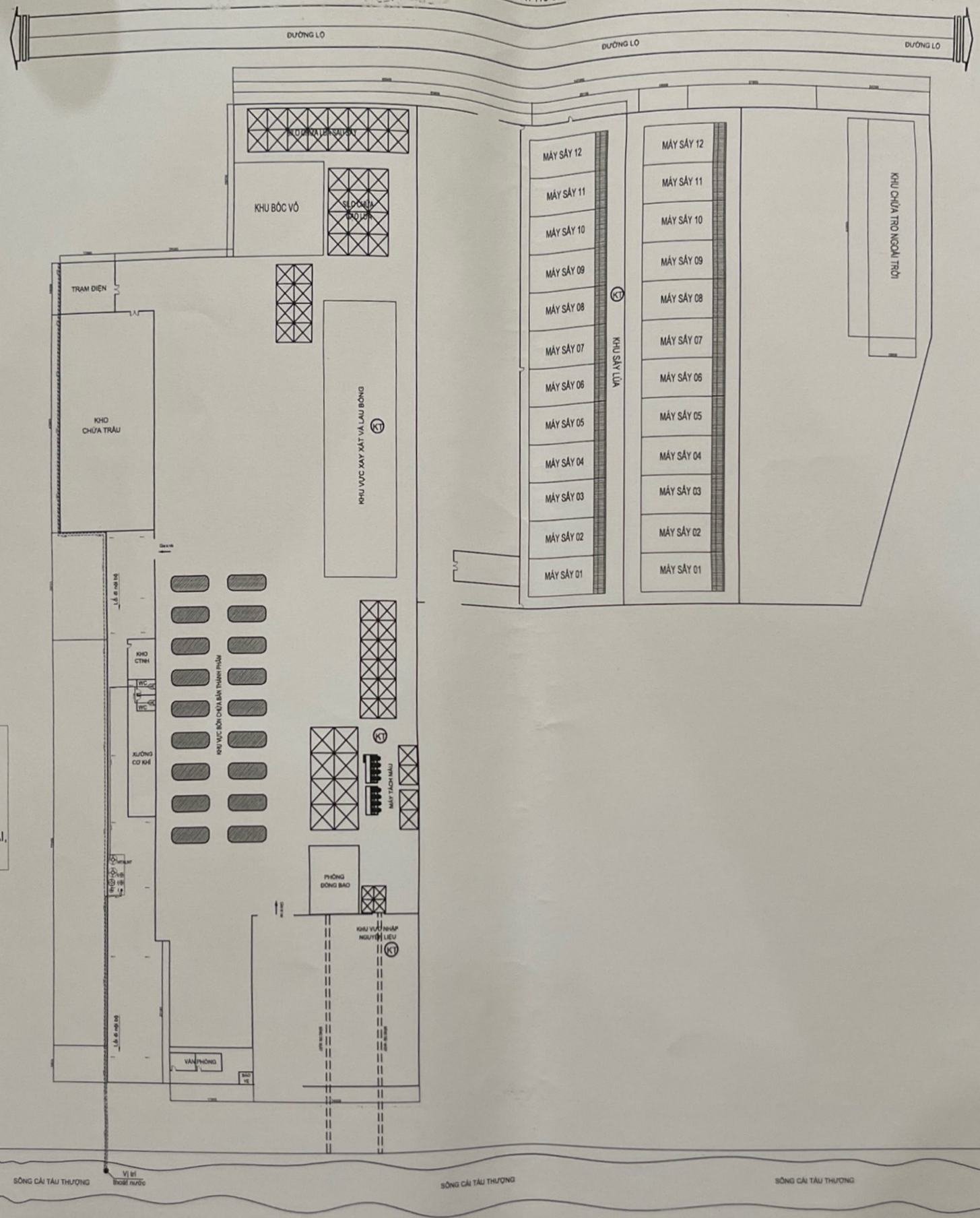
LOẠI HỒ SƠ

☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ HIỆU CHỈNH

☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ■ HOÀN CÔNG

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH	NGÀY HIỆU CHỈNH
A	
B	

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC



GHI CHÚ

- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- MƯƠNG CÔNG CỘNG
- ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI, ỐNG PVC Ø90

TÊN DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU HÒA AN

Địa chỉ: ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1602067014 CÔNG TY CP THỰC PHẨM GAP H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG

Võ Công Hiền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

Địa chỉ: Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
TEL: 02923. 899.018 - 0907.138.400
Gmail: lechilinhbht@yahoo.com

GIÁM ĐỐC	LÊ CHI LINH	
KIỂM TRA	PHẠM TUẤN ĐẠT	
VẼ	QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN	

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

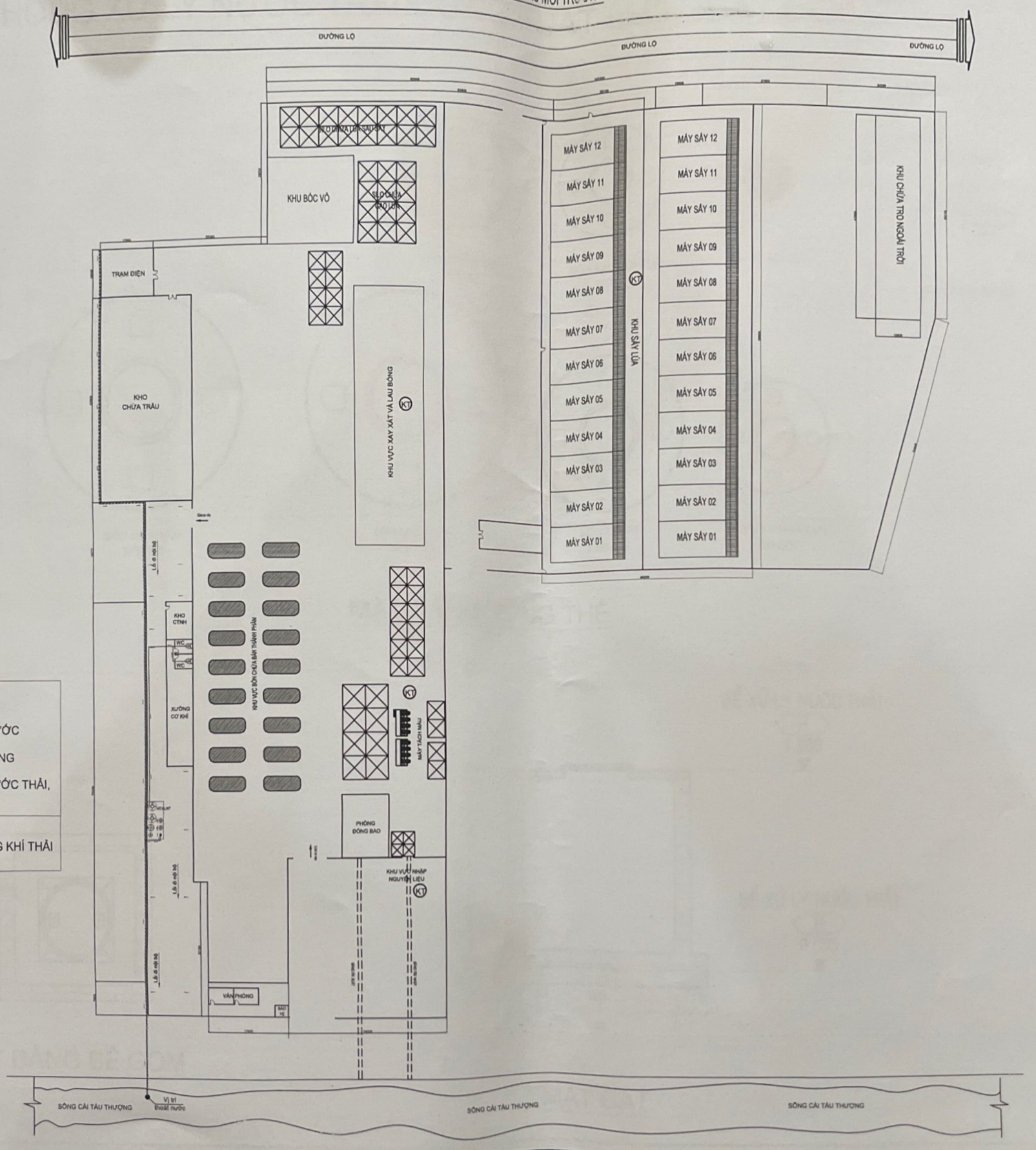
THIẾT KẾ:	2025
TỶ LỆ	1/100
	KHỔ A3

LOẠI HỒ SƠ

- ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH
- ■ HOÀN CÔNG

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH	NGÀY HIỆU CHỈNH
A	
B	

VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



GHI CHÚ

- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- MƯƠNG CÔNG CỘNG
- ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI, ỐNG PVC Ø90
- (KT) VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÍ THẢI

TÊN DỰ ÁN:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GẠO XUẤT KHẨU HÒA AN

Địa chỉ: ấp An Thạnh, Xã Hội An, Tỉnh An Giang

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1602067674 CÔNG TY CP THỰC PHẨM GAP H.CHỢ MỚI-T.AN GIANG

Võ Công Hiền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

Địa chỉ: Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ

TEL: 02923. 899.018 - 0907.138.400

Gmail: lechilinhbbt@yahoo.com

M.S.D.N: 1801086573 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN NINH KIỀU - TP. CẦN THƠ

GIÁM ĐỐC	LÊ CHÍ LINH	
KIỂM TRA	PHẠM TUẤN ĐẠT	
VẼ	QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN	

TÊN BẢN VẼ:

VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

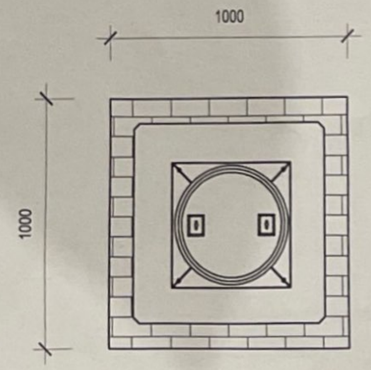
THIẾT KẾ:	2025
TỶ LỆ	1/100
	KHỔ A3

LOẠI HỒ SƠ

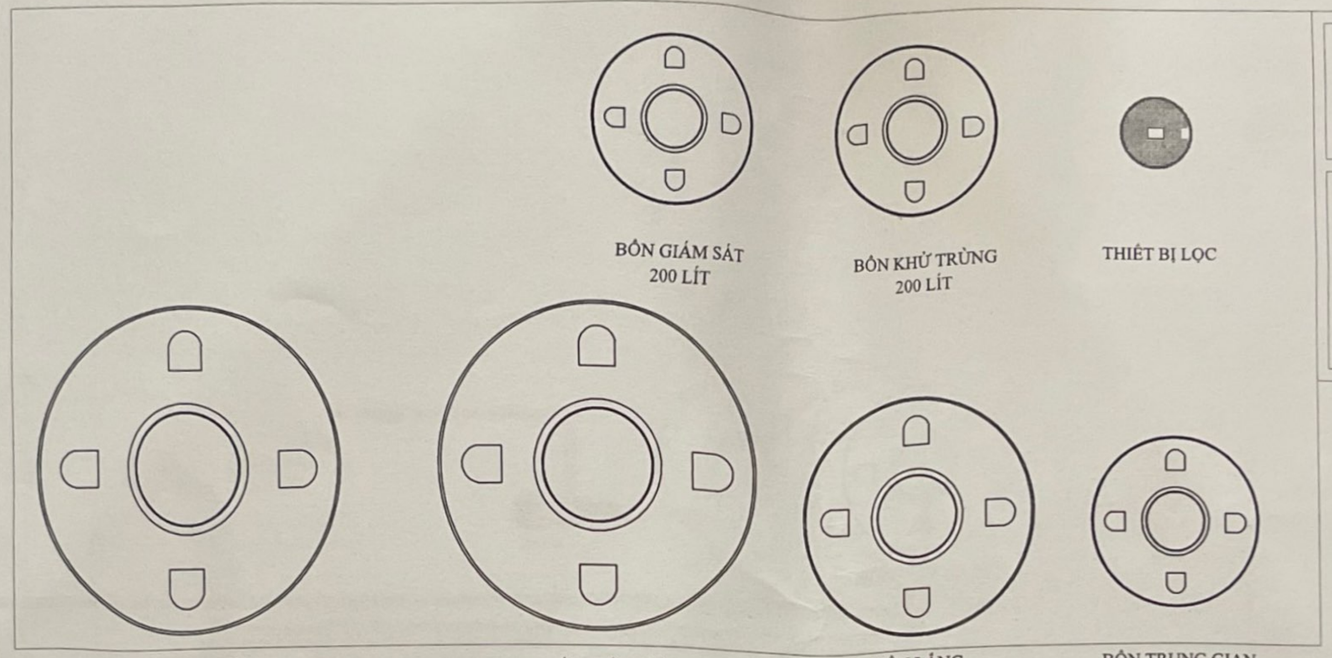
- ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH
- ■ HOÀN CÔNG

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH	NGÀY HIỆU CHỈNH
A	
B	

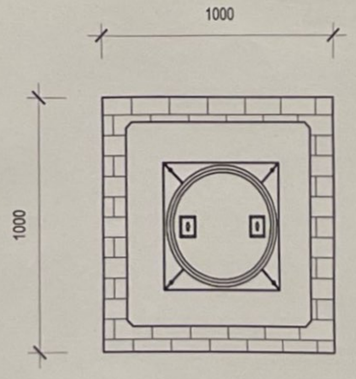
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 5M3/NGÀY.ĐÊM



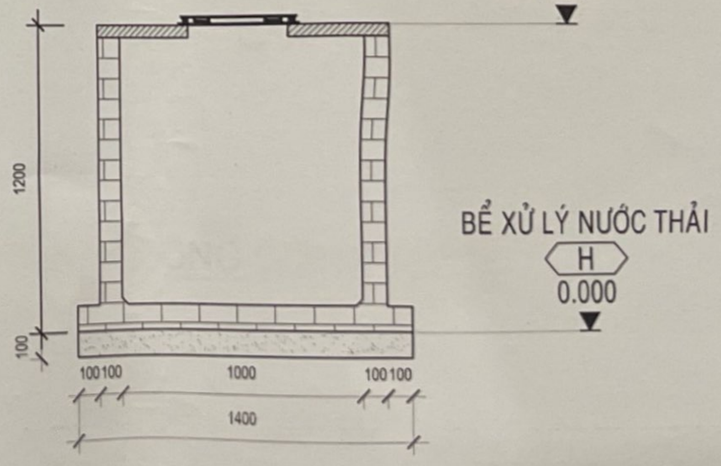
BỂ GOM



MẶT BẰNG TỔNG THỂ



MẶT BẰNG BỂ GOM



MẶT CẮT

GHI CHÚ:

CHỦ CƠ SỞ:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP
ĐC: Ấp An Thạnh, X. Hội An, T.An Giang

GIÁM ĐỐC:
Võ Công Hiền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN
ĐC: số 114, Đường số 2, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ

GIÁM ĐỐC:
LÊ CHÍ LINH

THIẾT KẾ:
PHAN TRỌNG NGHĨA

KIỂM TRA:
QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 05 M3/NGÀY.ĐÊM

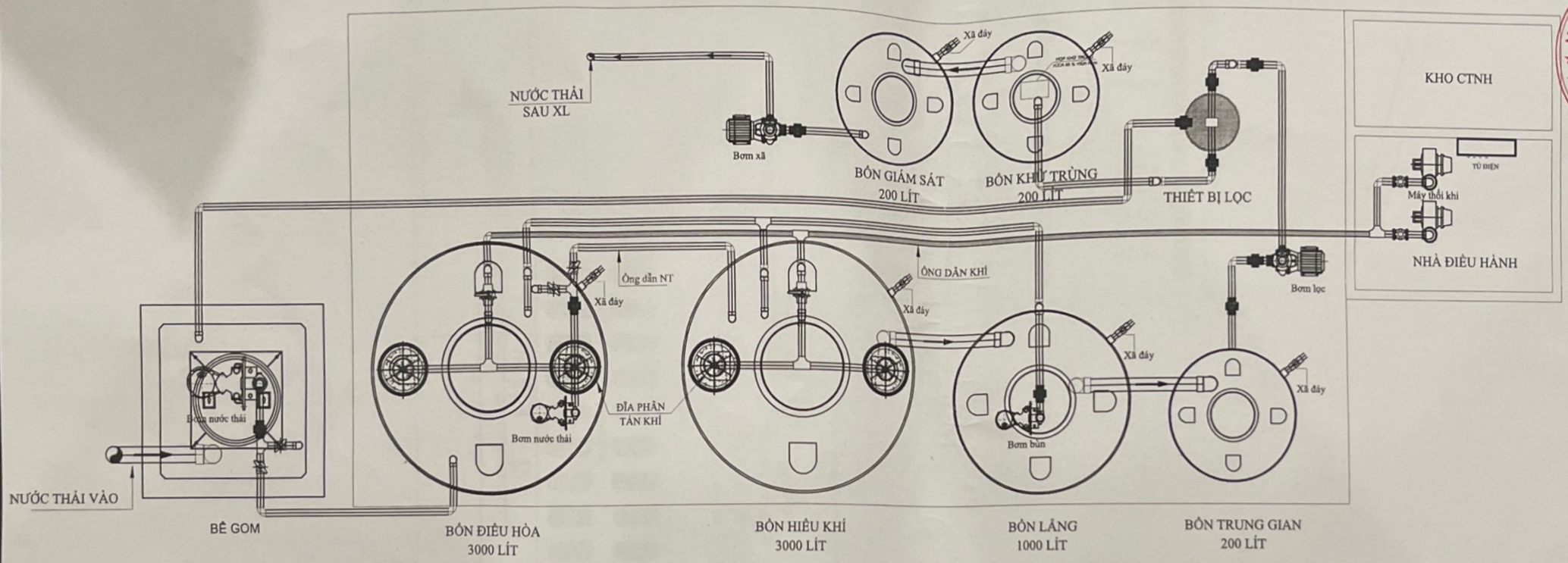
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỈ LỆ: 1/30

NGÀY HOÀN THÀNH: 2025

CN 02
03

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 5M3/NGÀY.ĐÊM



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

GHI CHÚ:

CHỦ CƠ SỞ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GAP

ĐC: Ấp An Thạnh, X. Hội An, T.An Giang

GIÁM ĐỐC:

Võ Công Hiền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

ĐC: số 17 Lý Tự Trọng nối dài, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ

GIÁM ĐỐC:

LÊ CHÍ LINH

THIẾT KẾ:

PHAN TRỌNG NGHĨA

KIỂM TRA:

QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 05 M3/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ:

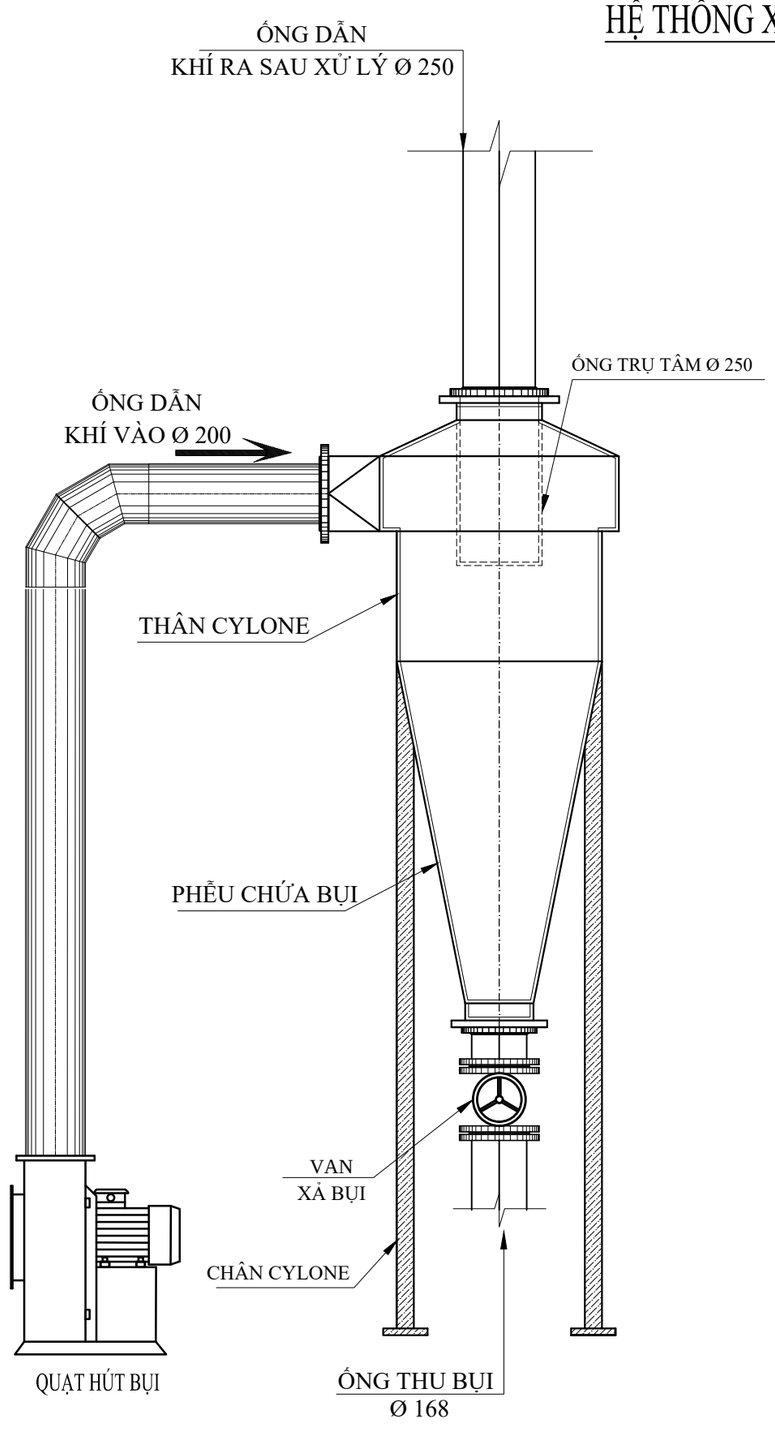
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

TỈ LỆ: 1/30

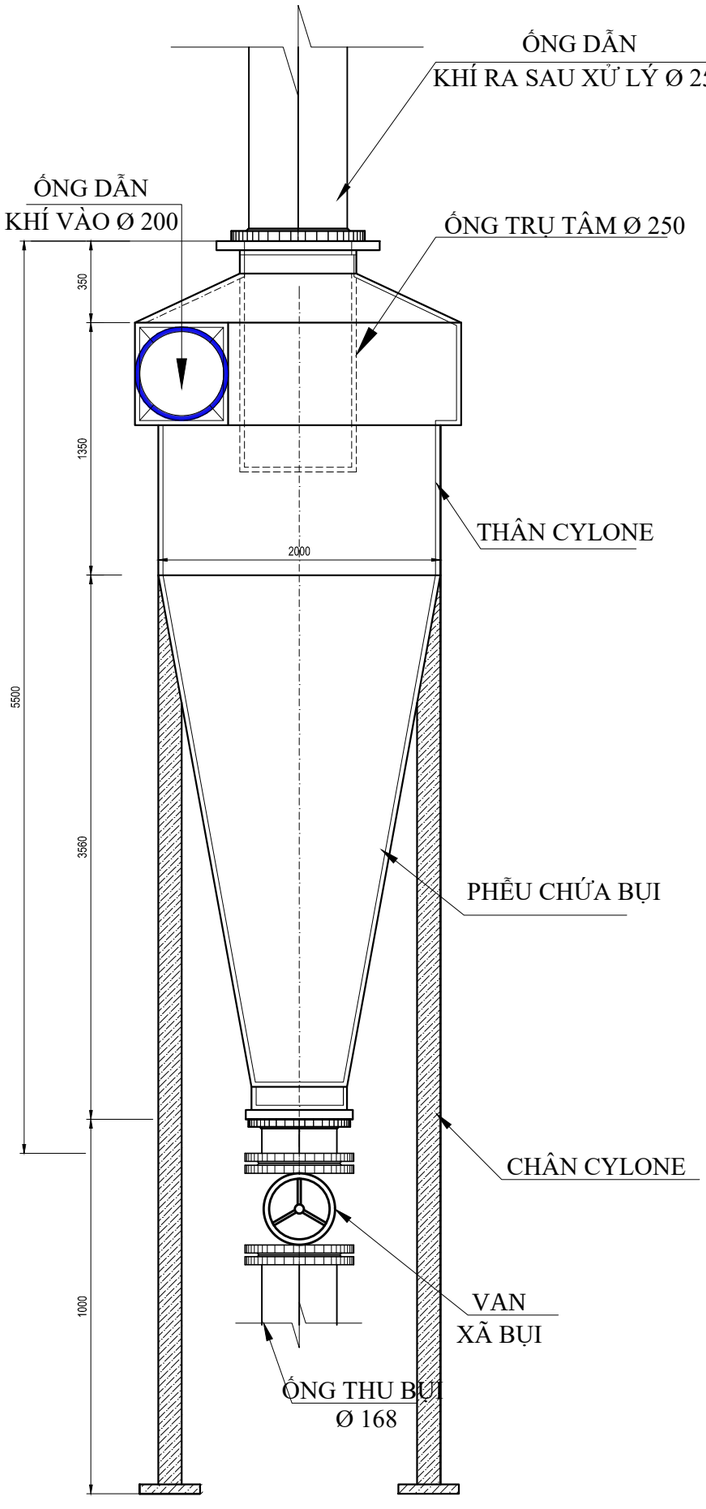
CN|03
03

NGÀY HOÀN THÀNH: 2025

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI BẰNG CYLONE



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



CHI TIẾT MẶT CẮT CYLONE
Đ/K: 2.000 mm